

Số: 2438 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình hành động triển khai thực hiện
Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030

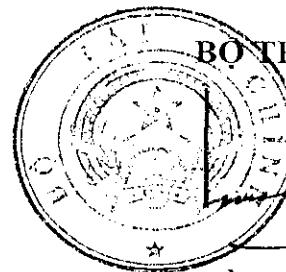
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT; TCT (VT, CC).

24



Hồ Đức Phúc

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC CẢI CÁCH HỆ THỐNG THUẾ ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 2438/QĐ-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính)

Ngày 23/4/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 508/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030. Thực hiện hiệu quả mục tiêu tổng quát cũng như các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu trong Chiến lược tài chính đến năm 2030.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đề ra, Bộ Tài chính ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Xác định các nhiệm vụ chủ yếu để các cơ quan, đơn vị thuộc ngành tài chính tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 hướng tới việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm, bảo đảm tính trung lập của thuế; xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, chuyên sâu, chuyên nghiệp theo phương pháp quản lý rủi ro, đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp; đồng thời trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và ba trụ cột cơ bản: thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

- Tạo tiền đề và căn cứ cho các đơn vị xây dựng các kế hoạch theo từng giai đoạn để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà Chiến lược cải cách hệ thống thuế đã xác định.

- Chương trình hành động này là căn cứ để tổ chức kiểm tra, giám sát, so kết, tổng kết và đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030; đồng thời là căn cứ để phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh mục tiêu, nội

dung Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 trong trường hợp cần thiết.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung nhiệm vụ xác định trong Chương trình hành động này được dựa trên những yêu cầu cơ bản sau:

- Quán triệt đầy đủ và nhất quán quan điểm, mục tiêu mà Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 đã đề ra.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, đưa ra hệ thống giải pháp, lộ trình thực hiện hàng năm theo từng lĩnh vực then chốt của công tác thuế đảm bảo khả thi, có kết quả rõ ràng và thống nhất với các chương trình hành động của Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2030 và các Chiến lược ngành có liên quan.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn, hàng năm, trong đó: quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong tổ chức triển khai thực hiện; quy định rõ chế độ báo cáo, tổ chức giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và đánh giá công tác thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

II. DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CẢI CÁCH HỆ THỐNG THUẾ ĐẾN NĂM 2030

Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 được cụ thể hóa thông qua 10 Đề án theo các lĩnh vực theo phụ lục đính kèm (Phụ lục I - X).

Phụ lục I- Đề án cải cách thuế để thuế đến năm 2030.

Phụ lục II - Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế đến năm 2030.

Phụ lục III - Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, thống kê thuế và chế độ kê toán thuế đến năm 2030.

Phụ lục IV - Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác thanh tra, kiểm tra người nộp thuế đến năm 2030.

Phụ lục V - Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và tố tụng về thuế đến năm 2030.

Phụ lục VI - Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đến năm 2030.

Phụ lục VII - Đề án cải cách công tác quản lý thuế quốc tế đến năm 2030.

Phụ lục VIII - Đề án cải cách tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực ngành Thuế đến năm 2030.

Phụ lục IX - Đề án hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế đến năm 2030.

Phụ lục X - Đề án hiện đại hoá cơ sở vật chất, hành chính và tài chính đến năm 2030.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Thuế phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí chủ động tuyên truyền, quán triệt nội dung của Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030; phát huy tinh thần, tính sáng tạo và chủ động của công chức, viên chức trong toàn ngành Thuế để phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu và các nhiệm vụ cụ thể đề ra trong Chiến lược.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính bám sát mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 để thực hiện các Đề án được giao tại Danh mục các Đề án triển khai Chiến lược tại mục II Chương trình này; tổ chức thực hiện kế hoạch theo từng giai đoạn, hàng năm theo lộ trình đã đề ra; điều phối các hoạt động để thực hiện tốt kế hoạch; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch; định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 11) có báo cáo gửi Tổng cục Thuế về kết quả và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch.

3. Tổng cục Thuế căn cứ nội dung chương trình, nhiệm vụ được giao, báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện Chương trình hành động triển khai Chiến lược cải cách hệ thống thuế (hàng năm) chậm nhất là ngày 20 tháng 12 (năm báo cáo).

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần thiết bổ sung, sửa đổi, cập nhật những nội dung cụ thể trong Chương trình hành động này, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ chủ động kiến nghị với Tổng cục Thuế để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định để đảm bảo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình hành động này.

5. Kinh phí triển khai thực hiện Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./



DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CẢI CÁCH HỆ THỐNG THUẾ ĐẾN NĂM 2030

Phụ lục I: Đề án cải cách thuế chung đến năm 2030

Phụ lục II: Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế đến năm 2030

Phụ lục III: Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, thống kê thuế và chế độ kê toán thuế đến năm 2030

Phụ lục IV: Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác thanh tra, kiểm tra người nộp thuế đến năm 2030

Phụ lục V: Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và tố tụng về thuế đến năm 2030

Phụ lục VI: Đề án đổi mới và tăng cường năng lực công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đến năm 2030

Phụ lục VII: Đề án cải cách công tác quản lý thuế quốc tế đến năm 2030

Phụ lục VIII: Đề án cải cách tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực ngành Thuế đến năm 2030

Phụ lục IX: Đề án hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế đến năm 2030

Phụ lục X: Đề án hiện đại hóa cơ sở vật chất, hành chính và tài chính đến năm 2030

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

CẢI CÁCH THẾ CHẾ THUẾ ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Hoàn thiện hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư; bảo đảm tỷ trọng thu nội địa, tỷ trọng giữa thuế gián thu và thuế trực thu ở mức hợp lý, khai thác tốt thuế, phí và lệ phí thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm. Mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế tăng thu nội địa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, chống thất thoát, gian lận thuế, tăng cường công tác chống chuyển giá, chống xói mòn cơ sở tính thuế. Hoàn thiện pháp luật để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên.

Công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, chuyên sâu, chuyên nghiệp theo phương pháp quản lý rủi ro, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp. Trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và ba trụ cột cơ bản: thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Về cải cách chính sách thuế

Hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách thuế phù hợp với các tiêu chuẩn của hệ thống thuế tốt theo thông lệ quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu về nguồn lực để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Chiến lược tài chính đến năm 2030, bao gồm các sắc thuế, phí, lệ phí chủ yếu sau đây:

- (1) Thuế giá trị gia tăng;
- (2) Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- (3) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- (4) Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- (5) Thuế thu nhập cá nhân;
- (6) Thuế tài nguyên;
- (7) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- (8) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- (9) Thuế bảo vệ môi trường;

(10) Các khoản phí, lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

Về quy mô thu ngân sách từ thuế, phí, bảo đảm duy trì tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước từ thuế, phí ở mức ổn định, hợp lý và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn 05 năm 2021-2025 và 2026-2030. Cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2025: tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân không thấp hơn 16%GDP, trong đó, tỷ lệ huy động từ thuế, phí khoảng 13-14% GDP; tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước phần đầu đến năm 2025 đạt khoảng 85-86%. Trong giai đoạn đầu tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19.

- Giai đoạn 2026-2030: tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân khoảng 16-17%GDP, trong đó, tỷ lệ huy động từ thuế, phí khoảng 14-15%GDP; tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước phần đầu đến năm 2030 đạt khoảng 86-87%.

2. Về cải cách thể chế quản lý thuế

- Đến năm 2025: 100% Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được bổ sung hoặc ban hành mới đúng kế hoạch.

- Đến năm 2030: 100% Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được bổ sung hoặc ban hành mới đúng kế hoạch.

III. NỘI DUNG

1. Nội dung cải cách chính sách thuế

Sửa đổi, bổ sung các sắc thuế nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách thuế theo hướng đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, đơn giản, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, bao quát được các khoản thu phát sinh trong nền kinh tế. Cụ thể:

1.1. Về thuế giá trị gia tăng

Mở rộng cơ sở thuế thông qua giảm nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; tiến tới cơ bản áp dụng một mức thuế suất; nghiên cứu tăng thuế suất thuế giá trị gia tăng theo lộ trình; rà soát điều chỉnh ngưỡng doanh thu áp dụng phương pháp khấu trừ cho phù hợp với thực tế; nghiên cứu áp dụng thống nhất phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu đối với người nộp thuế có doanh thu dưới ngưỡng hoặc không đủ điều kiện áp dụng phương pháp khấu trừ; hoàn thiện các quy định liên quan đến thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, đảm bảo phản ánh đúng bản chất và phù hợp thông lệ quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về khấu trừ thuế, hoàn thuế

giá trị gia tăng theo hướng đơn giản, minh bạch và đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan.

1.2. Về thuế tiêu thụ đặc biệt

Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội cũng như định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát để điều chỉnh mức thuế tiêu thụ đặc biệt một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

1.3. Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Tiếp tục thu gọn số lượng mức thuế suất để đơn giản biểu thuế nhập khẩu, phấn đấu đến năm 2025 số lượng mức thuế suất thuế nhập khẩu giảm từ 32 mức hiện nay xuống còn khoảng 25 mức vào năm 2025 và 20 mức vào năm 2030. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để thúc đẩy xuất khẩu, khuyến khích gia tăng giá trị nội địa, hạn chế xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản thô; có chính sách ưu đãi phù hợp để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ và các lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ và các cam kết quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi các quy định về hàng hóa xuất khẩu tại chỗ, nhập khẩu tại chỗ và các quy định liên quan đến khu phi thuế quan, đảm bảo đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, hạn chế gian lận thương mại, trốn thuế.

1.4. Về thuế thu nhập doanh nghiệp

Rà soát để sửa đổi hoặc bãi bỏ ưu đãi miễn thuế, giảm thuế không còn phù hợp với yêu cầu phát triển, yêu cầu hội nhập quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội với chính sách miễn thuế, giảm thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế để áp dụng ổn định trong trung và dài hạn; thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, đồng thời, chuyển trọng điểm chính sách thu hút đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong đầu tư vào những ngành, nghề mũi nhọn và những địa bàn cần khuyến khích đầu tư. Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế; thực hiện các tiêu chuẩn phòng, chống chay giá, chống xói mòn nguồn thu theo thông lệ quốc tế.

1.5. Về thuế thu nhập cá nhân

Rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn

chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn thuế, giảm thuế phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế.

1.6. Về thuế tài nguyên

Nghiên cứu sửa đổi quy định về giá tính thuế tài nguyên, sản lượng tài nguyên tính thuế; sửa đổi khung thuế, mức thuế và miễn giảm thuế tài nguyên theo hướng minh bạch, rõ ràng, đảm bảo chính sách thuế tài nguyên tiếp tục là công cụ hữu hiệu để góp phần quản lý, bảo vệ tài nguyên, khuyến khích sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, khuyến khích chế biến sâu, nâng cao giá trị tài nguyên.

1.7. Đối với các loại thuế liên quan đến tài sản (bao gồm cả thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp)

Tiếp tục thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2025 để góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tổng kết, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế sử dụng đất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu hoàn thiện theo hướng tăng mức điều tiết đối với đất và bổ sung thu thuế đối với nhà nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ nhà, đất, đảm bảo động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Đồng thời, xây dựng chính sách thuế theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ xác định rõ đối tượng chịu thuế tài sản, số thuế phải nộp, đồng bộ với quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật có liên quan.

1.8. Về thuế bảo vệ môi trường

Nghiên cứu mở rộng đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường; nghiên cứu để điều chỉnh khung và mức thuế bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo chính sách thuế bảo vệ môi trường là một công cụ kinh tế quan trọng góp phần hạn chế việc nhập khẩu, sản xuất và sử dụng hàng hóa gây ô nhiễm môi trường.

1.9. Đối với phí và lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật phí và lệ phí theo hướng khai thác hiệu quả nguồn thu phí, lệ phí từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; thực hiện lộ trình tăng mức thu phí nhằm từng bước tính đủ chi phí trong mức thu phí; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích thúc đẩy xã hội hóa cung cấp dịch vụ công; tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng nguồn lực của xã hội và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; đồng thời đảm bảo phù hợp với chủ trương tổ chức, sắp xếp lại bộ máy cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Rà soát, hoàn thiện chính sách về thu khác thuộc ngân sách nhà nước bảo đảm phù hợp với thực tế và đồng bộ với pháp luật chuyên ngành.

1.10. Đối với các khoản thu hoặc thuế đối với các hoạt động, hình thức kinh doanh mới (kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh...)

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế đối với các hoạt động thương mại điện tử.

- Nghiên cứu và ban hành các giải pháp về thuế đối với các hoạt động, hình thức kinh doanh mới phù hợp với thực tế phát triển, đảm bảo quyền thu thuế, đánh thuế của Việt Nam phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và theo thông lệ quốc tế.

- Xây dựng hướng dẫn về việc phân bổ lợi nhuận đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật số của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam sau khi phương án được các thành viên Diễn đàn BEPS phê duyệt.

- Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt phương án đàm phán về việc phân bổ lợi nhuận đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật số đối với các nước/vùng lãnh thổ chưa có điều khoản quy định tại Hiệp định thuế.

2. Nội dung cải cách thể chế quản lý thuế

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế nhằm nâng cao năng lực quản lý thuế, phù hợp với yêu cầu chính phủ điện tử, chính phủ số, đồng thời thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ tuân thủ pháp luật và mức độ rủi ro của người nộp thuế:

(1) Tiếp tục hoàn thiện Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, trong đó:

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Vai trò chủ động của cơ quan thuế trong việc xử lý thu hồi nợ thuế¹, thủ tục rút gọn nhằm tự động xoá nợ/thu hồi các khoản nợ nhỏ, tiếp tục nghiên cứu xây dựng các quy định về khoanh nợ/xóa nợ đối với các khoản nợ của người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

- Nghiên cứu bổ sung cơ quan thuế là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; mô hình tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả.

- Nghiên cứu đưa vào sửa đổi Luật Quản lý thuế theo hướng: Quy định nhân viên đại lý thuế được hành nghề độc lập, cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế là cá nhân.

(2) Nghiên cứu đề xuất bổ sung cơ quan thuế là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vào Bộ Luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự nhằm nâng cao hiệu quả thực thi công tác quản lý

¹ Được quyền áp dụng các phương pháp thu nợ khác nhau phù hợp với đặc điểm của khoản nợ thuế.

thuế trong phát hiện và xử lý truy thu kịp thời tiền thuế trốn, tiền thuế bị chiếm đoạt vào ngân sách nhà nước, đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế, sự cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân nộp thuế; mặt khác để giảm áp lực hình sự hóa các hoạt động kinh tế.

(3) Xây dựng, triển khai chương trình nâng cao tuân thủ tổng thể và các kế hoạch cải thiện tuân thủ hàng năm chi tiết cho các chức năng chính kèm theo các tiêu chí đánh giá hoạt động hàng năm, đảm bảo xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật thuế, tạo sự công bằng minh bạch trong áp dụng các biện pháp quản lý thuế.

(4) Hoàn thiện các quy định nhằm áp dụng quản lý rủi ro xuyên suốt có hệ thống trong tất cả các nghiệp vụ quản lý thuế.

(5) Hoàn thiện pháp luật về chống chuyển giá nhằm ngăn ngừa, hạn chế các hành vi chuyển giá mới, chống xói mòn nguồn thu.

(6) Hoàn thiện thể chế quản lý thuế đảm bảo quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ nền kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới.

(7) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện hỗ trợ và cung cấp dịch vụ đầy đủ thông tin cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật thông qua các dịch vụ thuế điện tử với chất lượng tốt và mức chi phí phù hợp theo từng nhóm người nộp thuế, đáp ứng các tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế.

(8) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về đại lý thuế, ban hành Nghị định hướng dẫn hành nghề đại lý thuế. Nội dung theo hướng mở rộng điều kiện hành nghề, cho phép nhân viên đại lý thuế được hành nghề độc lập cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế là cá nhân; đẩy mạnh xã hội hóa công tác dịch vụ, hỗ trợ người nộp thuế nhằm nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế thông qua việc tăng cường số lượng và chất lượng hoạt động của dịch vụ đại lý thuế.

(9) Xây dựng Thông tư hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế nhằm xử lý các vướng mắc hiện hành, đảm bảo các mục tiêu quản lý thuế.

(10) Hoàn thiện thể chế về thu thập dữ liệu tự động trong nội bộ cơ quan thuế và với các bên thứ ba có liên quan (loại dữ liệu, định dạng, bảo mật và an toàn thông tin, chế độ báo cáo, phân quyền...) nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế đầy đủ, chính xác, tập trung thống nhất trên phạm vi toàn quốc, đảm bảo thông tin phục vụ cho quản lý rủi ro, dự toán thu thuế và một số nghiệp vụ đặc thù như việc hoàn thuế, phân tích giá chuyển nhượng, thương mại điện tử.

(11) Hoàn thiện thể chế trong việc xây dựng mô hình quản lý thuế thu nhập cá nhân kết hợp quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

(12) Hoàn thiện quy định về hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.

(13) Ban hành quy định để phân loại người nộp thuế (phân loại người nộp thuế lớn, vừa, nhỏ...).

(14) Tái thiết kế quy trình quản lý thuế nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, hiệu quả, đồng bộ với thời gian có hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

(15) Xây dựng và ban hành một bộ tiêu chí xác định doanh nghiệp lớn phục vụ mục đích quản lý thuế nhằm phân công, phân cấp quản lý một cách rõ ràng, tránh chồng chéo giữa cơ quan thuế các cấp; đồng thời bước đầu tạo điều kiện cho việc nghiên cứu, xây dựng các chính sách, phương pháp quản lý mới, đặc thù áp dụng riêng cho khối doanh nghiệp lớn, tạo điều kiện tối đa cho cộng đồng doanh nghiệp lớn tuân thủ pháp luật thuế và ngày càng lớn mạnh².

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giải pháp nhằm hỗ trợ nền kinh tế, doanh nghiệp, người dân trong bối cảnh dịch Covid-19

- Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết để thực hiện Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

- Ban hành văn bản hướng dẫn để thực hiện giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

- Thực hiện giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với doanh nghiệp có doanh thu không quá 200 tỷ đồng và doanh thu năm 2021 giảm so với doanh thu năm 2019.

- Thực hiện giảm mức thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ trong nhiều ngành nghề; miễn thuế (thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác) trong quý III và quý IV của năm 2021 đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Miễn tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020, 2021 đối với các doanh nghiệp phát sinh lỗ trong năm 2020.

- Tiếp tục đề xuất trình Chính phủ xem xét gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước, giảm thuế suất thuế nhập khẩu đối với nhiều nhóm mặt hàng nhằm tháo gỡ khó khăn và tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thực hiện các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất kịp thời, theo dõi sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, đồng thời nghiên cứu các biện pháp về chính

² Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020: “Phân loại người nộp thuế để áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ thực thi pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế...”

sách tài khoá nói chung, về thuế nói riêng của các quốc gia trên thế giới, đã có tác động tích cực và được cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân đánh giá cao, góp phần tháo gỡ khó khăn, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì tăng trưởng của nền kinh tế.

- Nghiên cứu, bổ sung các giải pháp miễn thuế, giảm thuế, tiền thuê đất, phí, lệ phí nhằm hỗ trợ doanh nghiệp người dân chịu tác động của dịch bệnh Covid-19.

- Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/1/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình đã giao Bộ Tài chính trình Chính phủ.

2. Lộ trình thực hiện cải cách thuế

2.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Nghiên cứu, đề xuất đánh giá việc tổng kết, đánh giá về thi hành: Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế tài nguyên; Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp và Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Luật Thuế bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện các Thông tư hướng dẫn về quản lý thuế; tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới về quản lý thuế.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý về thu thập dữ liệu tự động trong nội bộ cơ quan thuế và với các bên thứ ba có liên quan (loại dữ liệu, định dạng, bảo mật và an toàn thông tin, chế độ báo cáo, phân quyền...).

- Thực hiện hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo cơ sở cho việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra kiểm tra thuế và quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế. Nghiên cứu xây dựng quy trình thu thập, rà soát thông tin phục vụ quản lý thuế và quản lý rủi ro.

- Triển khai thí điểm hóa đơn điện tử có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế.

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của nội luật trên cơ sở khuyến nghị sau khi Diễn đàn tiến hành rà soát đồng cấp về việc thực hiện các tiêu chuẩn tối thiểu của Việt Nam.

- Rà soát các quy định của nội luật để đưa ra các đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định tại nội luật trên cơ sở khuyến nghị tại các hành động của Diễn đàn BEPS.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý tại Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế, Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế, Thông tư giao dịch điện tử trong lĩnh

vực thuế để: thực hiện các giao dịch khai thuế theo phương thức điện tử; triển khai nộp thuế điện tử đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh; triển khai thí điểm hoàn thuế nộp thừa điện tử đối với tổ chức; sửa đổi, bổ sung hồ sơ miễn giảm thuế; thực hiện miễn giảm gắn liền với hồ sơ khai thuế và hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp theo cơ chế một cửa liên thông.

- Ban hành Thông tư quản lý hành nghề đại lý thuế; Ban hành các quy chế, quy trình triển khai thực hiện thông tư quản lý hành nghề đại lý thuế.

- Nghiên cứu xây dựng các quy định phục vụ cho công tác đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế.

b) Năm 2022

- Tổng kết, đánh giá việc thi hành: Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế tài nguyên; Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp và Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Luật Thuế bảo vệ môi trường.

- Rà soát hệ thống văn bản pháp luật trong quản lý thuế, ngân sách nhà nước để đảm bảo đồng bộ với các luật khác liên quan.

- Xây dựng Thông tư xây dựng tiêu chí xác định doanh nghiệp lớn.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý về thu thập dữ liệu tự động trong nội bộ cơ quan thuế và với các bên thứ ba có liên quan (loại dữ liệu, định dạng, bảo mật và an toàn thông tin, chế độ báo cáo, phân quyền...).

- Thực hiện hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo cơ sở cho việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra kiểm tra thuế và quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế. Xây dựng và ban hành, cập nhật thường xuyên bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá phục vụ quản lý rủi ro, các quy trình, nghiệp vụ áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra kiểm tra thuế và quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế.

- Hoàn thiện thể chế quản lý thuế nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

- Tổ chức thực hiện tổng kết, đánh giá, báo cáo hàng năm theo cơ chế tuân thủ từng tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS và tiếp tục đề xuất việc sửa đổi quy định, quy trình.

- Xây dựng hướng dẫn về việc phân bổ lợi nhuận đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật số của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam sau khi phương án phân bổ được các thành viên Diễn đàn BEPS phê duyệt.

- Tổ chức đánh giá việc thi hành pháp luật của các tổ chức kinh doanh về dịch vụ đại lý thuế.

- Xây dựng quy trình quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Hoàn thiện quy định đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; đề xuất kế hoạch nâng cao tuân thủ và thử nghiệm triển khai thực hiện kế hoạch nâng cao tuân thủ.

- Cập nhật thường xuyên các quy định có liên quan về áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra kiểm tra thuế và quản lý nợ cưỡng chế nợ thuế. Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình để áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế, hoàn thuế, giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế. Trong đó, tăng cường quản lý rủi ro về đăng ký thuế của cá nhân và người phụ thuộc. Hoàn thiện, triển khai thực hiện quy trình thu thập, rà soát thông tin và chuẩn hóa các văn bản trao đổi thông tin với bên thứ ba từ nhiều cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Xây dựng Thông tư hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế.
- Tiếp tục hoàn thiện quy trình hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế.

c) Năm 2023

- Tổng kết đánh giá việc thi hành: Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế tài nguyên; Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp và Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Luật Thuế bảo vệ môi trường.

- Trình Quốc hội ban hành: Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi).

- Nghiên cứu trình Quốc hội ban hành Luật Thuế liên quan đến tài sản.

- Trình Chính phủ, Bộ ban hành các văn bản hướng dẫn: Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi); Luật Thuế liên quan đến tài sản.

- Nghiên cứu thông lệ quốc tế về Luật chống chuyển giá của các nước và Luật về đại lý thuế để có kiến nghị sửa đổi, bổ sung các vấn đề này tại Luật Quản lý thuế; Báo cáo cấp có thẩm quyền báo cáo Quốc hội khi sửa đổi, bổ sung Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự về bổ sung chức năng điều tra, kiến nghị khởi tố cho cơ quan thuế, sửa đổi bổ sung vào Luật Quản lý thuế.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật.

- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, bước đầu nghiên cứu xây dựng cơ chế tự động xoá nợ/thu hồi các khoản nợ nhỏ.

- Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt phương án đàm phán về việc phân bổ lợi nhuận đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật số đối với các nước/vùng lãnh thổ chưa có điều khoản quy định tại Hiệp định thuế.

- Nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật về đại lý thuế theo hướng nâng cấp Thông tư lên Luật hoặc Nghị định để thống nhất với khung pháp lý đã

quy định cho các chế định trung gian về thuế khác như kiểm toán độc lập, luật sư, kế toán.

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế.
- Triển khai toàn diện kế hoạch nâng cao tuân thủ tổng thể trên cơ sở gắn kết chuỗi thông tin giữa các bộ phận trong cơ quan thuế bao gồm dịch vụ hỗ trợ gắn với niềm tin hướng đến tuân thủ thuế tự nguyện và thanh tra kiểm tra qua sử dụng quyền lực của cơ quan thuế gắn với tuân thủ thuế bắt buộc.
- Ban hành và triển khai thực hiện các quy định về quản lý rủi ro trong quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế, hoàn thuế, giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế.

d) Năm 2024

- Tổng kết đánh giá việc thi hành Luật Phí và lệ phí
- Trình Quốc hội ban hành: Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi).
- Nghiên cứu trình Quốc hội ban hành Luật Thuế liên quan đến Tài sản
- Trình Chính phủ, Bộ ban hành các văn bản hướng dẫn: Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi); Luật Thuế liên quan đến tài sản.
- Rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.
- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu phục vụ công tác quản lý rủi ro tuân thủ trên các lĩnh vực: Đánh giá môi trường để phát hiện các cơ hội mới, rủi ro và vấn đề phát sinh; Cung cấp thông tin nghiệp vụ về các thông lệ quốc tế mới xuất hiện trong công tác quản lý tuân thủ; Nghiên cứu thái độ và hành vi của người nộp thuế; Phân tích kết quả thu ngân sách.
- Thực hiện hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo cơ sở cho việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra kiểm tra thuế và quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế, quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế, hoàn thuế, giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế.

- Hoàn thiện thể chế quản lý thuế nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tổng kết, đánh giá, báo cáo hàng năm theo cơ chế tuân thủ từng tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS.

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế.

e) Năm 2025

- Tổng kết đánh giá việc thi hành Luật Phí và lệ phí.
- Trình Quốc hội ban hành: Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi);

Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi); Luật Thuế tài nguyên (sửa đổi); Luật Thuế liên quan tài sản; Luật Thuế bảo vệ môi trường (sửa đổi).

- Trình Chính phủ, Bộ ban hành các văn bản hướng dẫn: Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi); Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế tài nguyên (sửa đổi); Luật thuế liên quan đến tài sản; Luật Thuế bảo vệ môi trường (sửa đổi).

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu phục vụ công tác quản lý rủi ro tuân thủ trên các lĩnh vực: Đánh giá môi trường để phát hiện các cơ hội mới, rủi ro và vấn đề phát sinh; Cung cấp thông tin nghiệp vụ về các thông lệ quốc tế mới xuất hiện trong công tác quản lý tuân thủ; Nghiên cứu thái độ và hành vi của người nộp thuế; Phân tích kết quả thu ngân sách.

- Hoàn thiện thể chế quản lý thuế nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

- Thực hiện tái thiết kế quy trình nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu tự động hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tổng kết, đánh giá, báo cáo hàng năm theo cơ chế tuân thủ từng tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS.

- Hình thành phương pháp phân tích, đánh giá để xác định các rủi ro trốn, tránh thuế đối với các giao dịch xuyên biên giới để chống thất thu ngân sách, chống lợi dụng Hiệp định.

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế.

- Nghiên cứu đưa công nghệ trí tuệ nhân tạo vào phân tích và quản lý rủi ro. Hình thành phương pháp phân tích, đánh giá để xác định các rủi ro trốn, tránh thuế đối với các giao dịch xuyên biên giới để chống thất thu ngân sách, chống lợi dụng Hiệp định.

2.2. Đến năm 2030

a) Lộ trình thực hiện về cải cách chính sách thuế

- Trình Quốc hội ban hành: Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi); Luật Thuế tài nguyên (sửa đổi); Luật Thuế bảo vệ môi trường (sửa đổi); Luật sửa đổi bổ sung Luật phí và lệ phí.

- Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn: Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi); Luật Thuế tài nguyên (sửa đổi); Luật Thuế bảo vệ môi trường (sửa đổi); Luật sửa đổi bổ sung Luật phí và lệ phí.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế tài nguyên; Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp; Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Luật Thuế bảo vệ môi trường; Luật phí và lệ phí.

b) Lộ trình thực hiện cải cách quản lý thuế

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật:

+ Bổ sung chức năng điều tra cho cơ quan thuế vào Luật Quản lý thuế; Bổ sung thẩm quyền khởi tố, điều tra của cơ quan thuế vào Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự...

+ Hoàn thiện khung khổ pháp lý về đại lý thuế, ban hành Nghị định hướng dẫn hành nghề đại lý thuế; Quy định nhân viên đại lý thuế được hành nghề độc lập, cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế là cá nhân.

+ Xử lý thu hồi nợ thuế, thủ tục rút gọn nhằm tự động xoá nợ/thu hồi các khoản nợ nhỏ, tiếp tục nghiên cứu xây dựng các quy định về khoanh nợ/xoá nợ đối với các khoản nợ của người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý thuế nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

- Tiếp tục hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng quản lý rủi ro.

- Tiếp tục xây dựng và triển khai Chiến lược nâng cao tuân thủ tổng thể.

- Thực hiện tái thiết kế quy trình nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu tự động hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Nghiên cứu, ứng dụng giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ công tác kiểm tra văn bản.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia pháp lý về tố tụng hành chính.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./. Uph

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Cung cấp, phổ biến đầy đủ, kịp thời quy định của pháp luật thuế, thông tin quản lý thuế đến người nộp thuế và tổ chức, cá nhân khác nhằm nâng cao nhận thức và sự đồng thuận của xã hội về công tác thuế của Nhà nước; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác hỗ trợ người nộp thuế để giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính thuế, đồng thời nâng cao mức độ tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

- 100% các văn bản quy phạm pháp luật thuế mới được tuyên truyền, phổ biến trên Trang thông tin điện tử ngành Thuế và các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đạt tối thiểu 80% và hoàn thành tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế “một cửa liên thông” được giải quyết bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ số lượt hỗ trợ người nộp thuế qua phương thức điện tử đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ số lượt hỗ trợ đúng hạn trên số lượt đề nghị hỗ trợ đạt tối thiểu 70%.

- Mức độ hài lòng của người nộp thuế về giải quyết thủ tục hành chính thuế đạt tối thiểu 90%.

- Mức độ hài lòng của người nộp thuế đối với sự phục vụ của cơ quan thuế đạt tối thiểu 90%.

- Tối thiểu 70% đại lý thuế hoạt động thường xuyên, cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế.

2. Đến năm 2030

- 100% các văn bản quy phạm pháp luật thuế mới được tuyên truyền, phổ biến trên Trang thông tin điện tử ngành Thuế và các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đạt tối thiểu 90% và hoàn thành tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế “một cửa liên thông” được giải quyết bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ số lượt hỗ trợ người nộp thuế qua phương thức điện tử đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ số lượt hỗ trợ đúng hạn trên số lượt đề nghị hỗ trợ đạt tối thiểu 80%.

- Mức độ hài lòng của người nộp thuế về giải quyết thủ tục hành chính thuế đạt tối thiểu 95%.

- Mức độ hài lòng của người nộp thuế đối với sự phục vụ của cơ quan thuế đạt tối thiểu 95%.

- Tối thiểu 80% đại lý thuế hoạt động thường xuyên, cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế.

III. NỘI DUNG

- Thực hiện các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế.

- Xây dựng các chương trình hỗ trợ người nộp thuế phù hợp với nhu cầu tìm hiểu, cung cấp thông tin theo nhóm người nộp thuế.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu hỗ trợ người nộp thuế.

- Nâng cấp, vận hành Trang thông tin điện tử ngành Thuế theo hướng thân thiện, thiết thực và hiệu quả; mở rộng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ trên nền tảng mạng xã hội.

- Triển khai cơ chế giải quyết thủ tục hành chính thuế một cửa, một cửa liên thông theo phương thức điện tử.

- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn, giải đáp, tra cứu thông tin theo hình thức điện tử cho người nộp thuế; duy trì các hình thức khác để hỗ trợ người nộp thuế đối với các địa bàn, nhóm người nộp thuế có hạn chế về sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng bộ tiêu chí và triển khai đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế đối với sự phục vụ của cơ quan thuế.

- Hoàn thiện các quy định và ứng dụng về quản lý hành nghề đại lý thuế; cung cấp dịch vụ thúc đẩy mạng lưới đại lý thuế phát triển; tăng cường đào tạo, phổ biến chính sách thuế cho đại lý thuế; xây dựng tiêu chí và triển khai đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ của đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế và cơ sở bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho nhân viên đại lý thuế.

- Khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế đối với các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế do cơ quan thuế cung cấp.

- Hoàn thiện quy trình tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế nhằm bao quát toàn bộ các loại hình tuyên truyền, hỗ trợ; theo dõi, đánh giá kết quả tuyên truyền, hỗ trợ qua ứng dụng công nghệ thông tin.

- Đào tạo, bồi dưỡng công chức thuế tại chức năng tuyên truyền hỗ trợ để đáp ứng yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Phát triển thêm các chương trình tuyên truyền pháp luật thuế qua các đài truyền hình, trang mạng xã hội, kênh truyền thông đa phương tiện.
- Triển khai các chương trình giải đáp, hỗ trợ cho người nộp thuế theo phương thức trực tuyến qua website của các cơ quan thuế.
- Phát triển các sản phẩm hỗ trợ người nộp thuế đăng trên website cơ quan thuế, các trang mạng xã hội.
- Triển khai dịch vụ giải đáp thủ tục hành chính thuế trực tuyến cho người nộp thuế là doanh nghiệp (hệ thống 479 kênh thông tin hỗ trợ người nộp thuế).
- Triển khai ít nhất 50% thủ tục hành chính thuế theo phương thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4.
- Ban hành thông tư quản lý hành nghề đại lý thuế; Ban hành quy chế tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; Phổ biến, cập nhật thông tin cho nhân viên đại lý thuế.

b) Năm 2022

- Xây dựng khung kiến trúc Trang thông tin điện tử của ngành Thuế.
- Rà soát, hoàn thiện quy chế, quy trình đăng tải thông tin văn bản pháp luật thuế, văn bản hướng dẫn về thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.
- Thiết kế khung cơ sở dữ liệu điện tử hỗ trợ người nộp thuế.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về văn bản pháp luật thuế, văn bản hướng dẫn người nộp thuế thực hiện chính sách thuế, thủ tục thuế.
- Thiết kế, triển khai thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh dịch vụ cung cấp thông tin tự động (trí tuệ nhân tạo-AI, chatbot) cho người nộp thuế khởi nghiệp, người nộp thuế là cá nhân.
- Triển khai ít nhất 60% thủ tục hành chính thuế theo hình thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4; Nâng cấp ứng dụng, ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính thuế điện tử tương ứng dịch vụ mới được cung cấp.
- Cung cấp dịch vụ tra cứu nghĩa vụ thuế, hồ sơ thuế điện tử cho người nộp thuế.
- Xây dựng quy trình quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, trong đó có nội dung về kiểm tra công tác cập nhật kiến thức cho nhân viên đại lý thuế; Xây dựng, hoàn thiện các ứng dụng liên quan công tác quản lý hành nghề đại lý thuế; Quản lý hành nghề đại lý thuế qua các ứng dụng.
- Xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng công chức thuế thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền hỗ trợ tương ứng các sản phẩm tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

được triển khai; Tổ chức bồi dưỡng công chức làm nhiệm vụ tuyên truyền hỗ trợ theo nhu cầu công việc.

c) Năm 2023

- Tiếp tục phát triển thêm các chương trình tuyên truyền pháp luật thuế qua các đài truyền hình, trang mạng xã hội, kênh truyền thông đa phương tiện.

- Rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử của ngành Thuế; tổ chức vận hành các chuyên mục trên Trang thông tin điện tử của ngành Thuế.

- Xây dựng các chương trình hỗ trợ người nộp thuế theo phân nhóm người nộp thuế và lĩnh vực hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và triển khai tối thiểu 50% chương trình hỗ trợ người nộp thuế, trong đó ưu tiên hỗ trợ người nộp thuế khởi nghiệp, người nộp thuế là cá nhân, người nộp thuế thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế, chấm dứt hoạt động của người nộp thuế.

- Mở rộng triển khai hỗ trợ giải đáp trực tuyến về thủ tục thuế cho người nộp thuế là cá nhân.

- Hoàn thiện quy định về giải quyết thủ tục hành chính thuế một cửa, một cửa liên thông giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Triển khai ít nhất 70% thủ tục hành chính thuế theo phương thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4; Nâng cấp ứng dụng, ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính thuế điện tử tương ứng dịch vụ mới được cung cấp.

- Tích hợp ứng dụng quản lý hành nghề đại lý thuế với các ứng dụng quản lý thuế khác; Quản lý hành nghề đại lý thuế qua các ứng dụng.

- Xây dựng ứng dụng quản lý hoạt động cập nhật kiến thức của các cơ sở đào tạo, tổ chức xã hội nghề nghiệp về đại lý thuế được Tổng cục Thuế công nhận để việc báo cáo và tổng hợp dữ liệu cập nhật kiến thức thực hiện theo phương thức điện tử.

- Cung cấp dịch vụ tra cứu thông tin của người nộp thuế, đại lý thuế có liên quan (theo quy định của pháp luật).

- Xây dựng bộ tiêu chí và triển khai đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế đối với sự phục vụ của cơ quan thuế.

d) Năm 2024

- Tiếp tục phát triển thêm các chương trình tuyên truyền pháp luật thuế qua các đài truyền hình, trang mạng xã hội, kênh truyền thông đa phương tiện.

- Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ triển khai toàn bộ các chương trình hỗ trợ người nộp thuế.

- Rà soát, đánh giá nhu cầu hỗ trợ của người nộp thuế dựa trên nội dung hỏi - đáp đã thực hiện qua 479 kênh thông tin; Mở rộng phạm vi hỗ trợ giải đáp trực tuyến sang nội dung chính sách thuế.

- Triển khai dịch vụ cung cấp thông tin tự động (trí tuệ nhân tạo-AI, chatbot) đối với một số chuyên đề/nội dung có số đông người nộp thuế quan tâm và cần hỗ trợ.

- Hoàn thiện quy trình, ứng dụng theo dõi xử lý hồ sơ, trường hợp hỗ trợ người nộp thuế để làm căn cứ đánh giá chất lượng hỗ trợ người nộp thuế về thời gian, nội dung giải đáp, hướng dẫn người nộp thuế.

- Triển khai ít nhất 75% thủ tục hành chính thuế theo phương thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4; Nâng cấp ứng dụng, ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính thuế điện tử tương ứng dịch vụ mới được cung cấp.

- Sửa đổi, bổ sung quy trình tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; Phân tích yêu cầu nghiệp vụ, nâng cấp ứng dụng theo quy trình mới được ban hành.

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng và triển khai trên ứng dụng đối với hoạt động cập nhật kiến thức cho nhân viên đại lý thuế, chất lượng hành nghề đại lý thuế.

- Xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng công chức thuế thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền hỗ trợ tương ứng các sản phẩm tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế được triển khai; Tổ chức bồi dưỡng công chức làm nhiệm vụ tuyên truyền hỗ trợ theo nhu cầu công việc.

e) Năm 2025

- Tiếp tục phát triển thêm các chương trình tuyên truyền pháp luật thuế qua các đài truyền hình, trang mạng xã hội, kênh truyền thông đa phương tiện.

- Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hỗ trợ người nộp thuế; đánh giá hiệu quả, xác định nội dung cần hoàn thiện cơ sở dữ liệu hỗ trợ người nộp thuế.

- Triển khai ít nhất 80% thủ tục hành chính thuế theo phương thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4; Nâng cấp ứng dụng, ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính thuế điện tử tương ứng dịch vụ mới được cung cấp.

- Hoàn thiện cung cấp dịch vụ tra cứu thông tin của người nộp thuế và thông tin về quản lý thuế đối với đại lý thuế, người nộp thuế có liên quan (theo quy định của pháp luật).

- Hoàn thiện tiêu chí, ứng dụng đánh giá kết quả cung cấp dịch vụ của cơ quan thuế để đề xuất cách thức tăng hiệu quả công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

- Hoàn thiện bộ tiêu chí và triển khai đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế đối với sự phục vụ của cơ quan thuế.

- Công khai thông tin chất lượng hoạt động cập nhật kiến thức cho nhân viên đại lý thuế và chất lượng hành nghề đại lý thuế; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ hệ thống đại lý thuế phát triển.

- Xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng công chức thuế thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền hỗ trợ tương ứng các sản phẩm tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

dược triển khai; Tổ chức bồi dưỡng công chức làm nhiệm vụ tuyên truyền hỗ trợ theo nhu cầu công việc.

2. Đến năm 2030

- Hoàn thiện và phát triển các nội dung đã thực hiện trong giai đoạn 2021-2025, đồng thời bổ sung những nội dung mới cho phù hợp với giai đoạn 2026-2030, cụ thể:

- Phát triển thêm các chương trình tuyên truyền pháp luật thuế qua các đài truyền hình, đài phát thanh, cơ quan báo chí, trang mạng xã hội, kênh truyền thông đa phương tiện.

- Đánh giá hiệu quả triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính thuế; bổ sung các dịch vụ giải quyết thủ tục hành chính thuế điện tử theo yêu cầu.

- Hoàn thiện các chương trình hỗ trợ người nộp thuế theo nội dung nghiệp vụ và theo phân nhóm người nộp thuế; tăng cường hỗ trợ người nộp thuế theo phương thức điện tử.

- Đánh giá hoạt động hành nghề đại lý thuế để có các biện pháp hỗ trợ hệ thống đại lý thuế phát triển.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./. Uỷ ban

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

**ĐỒI MÓI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ
THUẾ, KHAI THUẾ, NỘP THUẾ, MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ, HOÀN
THUẾ, THỐNG KÊ THUẾ VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THUẾ ĐẾN NĂM
2030**

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục triển khai các giải pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế về đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế theo hướng chuẩn hóa mẫu biểu hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết cho người nộp thuế; duy trì và mở rộng các hình thức giao dịch điện tử trong tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính thuế từ mức độ 3 trở lên đối với doanh nghiệp và tổ chức; tập trung hỗ trợ người nộp thuế là cá nhân sử dụng các hình thức giao dịch điện tử phù hợp... nhằm tạo thuận lợi hơn nữa và giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế.

Thực hiện trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước bằng phương thức điện tử để thực hiện quản lý thuế hiệu quả; Tự động hóa tối đa và đưa quản lý rủi ro vào các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trong nội bộ cơ quan thuế với hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, cơ sở dữ liệu tập trung, liên kết giữa các chức năng quản lý thuế.

Thực hiện thống nhất chế độ kê toán thuế, thống kê thuế trong toàn ngành Thuế theo nguyên tắc tập trung, phản ánh kịp thời, chính xác thông tin thuế của người nộp thuế để phục vụ công tác quản lý thuế và công bố niêm giám thống kê thuế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

a) Đăng ký thuế:

Tỷ lệ hồ sơ đăng ký thuế được cơ quan thuế giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ nhận được đạt tối thiểu 80%.

b) Khai thuế:

- Tỷ lệ khai thuế điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế đạt tối thiểu 85%; của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử đạt tối thiểu 85%.

- Tỷ lệ tờ khai đã nộp đúng hạn của doanh nghiệp đạt tối thiểu 98%, của cá nhân đạt tối thiểu 85%.

c) Nộp thuế:

- Tỷ lệ người nộp thuế nộp thuế bằng phương thức điện tử so với số người nộp thuế đang hoạt động là: đối với doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử đạt tối thiểu 85%.

- Số tiền thuế nộp bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu 85% tổng số tiền thu ngân sách nhà nước.

d) Hoàn thuế:

- Tỷ lệ hoàn thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của người nộp thuế là cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế đạt tối thiểu 85%.

- Tỷ lệ hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế giải quyết và trả kết quả đúng hạn đạt tối thiểu 98%.

e) Miễn thuế, giảm thuế:

- Tỷ lệ miễn thuế, giảm thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của người nộp thuế là cá nhân đạt 85%.

- Tỷ lệ hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế giải quyết và trả kết quả đúng hạn đạt tối thiểu 98%.

g) Kế toán thuế, thống kê thuế:

- Cung cấp thông tin về quản lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế cho doanh nghiệp, tổ chức bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu 98%; cá nhân đạt tỷ lệ tối thiểu 85%.

- Chứng từ kế toán thuế được xử lý tự động và hạch toán ngay trong ngày làm việc đạt tối thiểu 98%.

- Báo cáo kế toán thuế, thống kê thuế thực hiện tự động trên hệ thống ứng dụng và cơ sở dữ liệu về quản lý thuế đạt tỷ lệ 100%.

- Thực hiện công bố thông tin thông kê thuế định kỳ hàng năm dưới dạng bản in và/hoặc điện tử.

- Công bố niêm giám thống kê thuế.

2. Đến năm 2030

Duy trì và tăng tỷ lệ đạt được của các mục tiêu đã nêu tại giai đoạn 2021-2025.

a) Đăng ký thuế:

Tỷ lệ hồ sơ đăng ký thuế được cơ quan thuế giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ nhận được đạt tối thiểu 90%.

b) Khai thuế:

- Tỷ lệ khai thuế điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của người nộp thuế là cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền

công trực tiếp khai thuế điện tử đạt tối thiểu 90% trở lên; của người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử khai thuế điện tử đạt tối thiểu 98%.

- Tỷ lệ tờ khai đã nộp đúng hạn của người nộp thuế là doanh nghiệp đạt tối thiểu 98%, của cá nhân đạt tối thiểu 90%.

c) Nộp thuế:

- Tỷ lệ người nộp thuế nộp thuế bằng phương thức điện tử so với số người nộp thuế đang hoạt động là: đối với doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử đạt tối thiểu 90%.

- Số tiền thuế nộp bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu 90% tổng số tiền thu ngân sách nhà nước.

d) Hoàn thuế:

- Tỷ lệ hoàn thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của người nộp thuế là cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế giải quyết và trả kết quả đúng hạn đạt tối thiểu 98%.

e) Miễn thuế, giảm thuế:

- Tỷ lệ miễn thuế, giảm thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của người nộp thuế là cá nhân đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế giải quyết và trả kết quả đúng hạn đạt tối thiểu 98%.

g) Kế toán thuế, thống kê thuế:

Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2025 để sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh mục tiêu cụ thể để phù hợp với thực tế triển khai.

III. NỘI DUNG VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đăng ký thuế

1.1. Nội dung

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về đăng ký thuế theo hướng cải cách đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người nộp thuế; rà soát, cắt giảm thành phần hồ sơ đăng ký thuế cho nhóm người nộp thuế mà cơ quan thuế đã có đầy đủ thông tin cấp giấy phép thành lập và hoạt động, thông tin giấy tờ tùy thân của cá nhân của các cơ quan quản lý nhà nước trên cơ sở kết nối hoặc trao đổi thông tin về giấy phép thành lập và hoạt động, thông tin giấy tờ tùy thân của cá nhân với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm bảo rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Xây dựng quy chế, quy trình, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và thực hiện kết nối, trao đổi thông tin với cơ quan có thẩm quyền về giấy phép thành lập và hoạt động (trong các lĩnh vực bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, luật sư, công chứng hoặc các lĩnh vực chuyên ngành khác), cấp chứng nhận ngành nghề kinh doanh có điều kiện, cấp giấy chứng nhận đầu tư... theo quy định của Luật Quản lý thuế.

c) Xây dựng cơ sở pháp lý về liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế đối với hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh; Xây dựng quy chế, quy trình, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu thực hiện liên thông điện tử với cơ quan đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.

d) Phối hợp với Bộ Công an về trao đổi thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư làm căn cứ cấp mã số thuế cho cá nhân và người phụ thuộc, cập nhật thay đổi thông tin về giấy tờ tùy thân cho cá nhân và người phụ thuộc, chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi cá nhân chết, mất tích.

1.2. Lộ trình thực hiện

1.2.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Sửa đổi, bổ sung quy trình đăng ký thuế phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Triển khai thực hiện truyền nhận thông tin tài khoản ngân hàng của người nộp thuế để thực hiện quản lý thuế.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Quy chế trao đổi thông tin về hợp tác xã giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

- Thực hiện thủ tục đăng ký thuế đối với cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) trên Cổng dịch vụ công quốc gia sử dụng dịch vụ kết nối thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Năm 2022

- Đánh giá, rà soát quy định về đăng ký thuế của Luật Quản lý thuế để làm cơ sở báo cáo cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến đăng ký thuế tại Luật Quản lý thuế.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình đăng ký thuế sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phân tích và xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng Quy trình đăng ký thuế.

- Tiếp tục triển khai thực hiện truyền nhận thông tin tài khoản ngân hàng của người nộp thuế để thực hiện quản lý thuế.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện:

+ Trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế trao đổi thông tin về hợp tác xã giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; Phân tích và xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng Quy chế.

+ Báo cáo Chính phủ Đề án trao đổi thông tin về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

- Xây dựng cơ sở pháp lý sử dụng mã số định danh cá nhân làm mã số thuế để chuẩn bị triển khai thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Phối hợp với Bộ Công an triển khai kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bao gồm:

+ Triển khai kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu thuế trong việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân không kinh doanh, rà soát chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân.

+ Phân tích và xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng nội dung triển khai.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện đơn giản hóa thông tin đăng ký thuế hoặc cắt giảm thủ tục đăng ký thuế trên cơ sở tiếp nhận được thông tin của cá nhân và người phụ thuộc từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình để áp dụng quản lý rủi ro rủi ro trong quản lý đăng ký thuế. Trong đó, tăng cường quản lý rủi ro về đăng ký thuế của cá nhân và người phụ thuộc. Hoàn thiện, triển khai thực hiện quy trình thu thập, rà soát thông tin và chuẩn hóa các văn bản trao đổi thông tin với bên thứ ba từ nhiều cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

c) Năm 2023

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện:

+ Xây dựng văn bản pháp lý về liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh theo lộ trình Chính phủ phê duyệt.

+ Xây dựng và ban hành Quy chế trao đổi thông tin về hộ kinh doanh giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+ Phân tích và nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng các nội dung tại quy chế.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý sử dụng mã số định danh cá nhân làm mã số thuế để triển khai thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Phối hợp với Bộ Công an triển khai kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bao gồm:

+ Trao đổi mở rộng thêm các dịch vụ kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu thuế theo hướng cơ sở dữ liệu thuế tự động tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, làm cơ sở cải cách thủ tục đăng ký thuế đối với cá nhân và người phụ thuộc, cập nhật thay đổi thông tin về giấy tờ tùy thân cho cá nhân và người phụ thuộc, chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi cá nhân chết, mất tích.

+ Xây dựng Quy chế trao đổi thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sau khi thống nhất với Bộ Công an.

+ Phân tích và nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng các nội dung tại quy chế.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung quy trình quản lý đăng ký thuế đảm bảo tiếp nhận và xử lý thông tin nhận được từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Phân tích và nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng các nội dung tại quy trình quản lý đăng ký thuế.

- Phối hợp với các bộ, ngành xây dựng quy chế trao đổi thông tin giữa các Bộ, ngành với cơ quan quản lý thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Quản lý thuế để truyền, nhận thông tin về giấy phép thành lập và hoạt động và giấy tờ tương đương của các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, luật sư, công chứng hoặc các lĩnh vực chuyên ngành khác không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành và tổ chức khác (đơn vị sự nghiệp; đơn vị vũ trang; tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội, xã hội-nghề nghiệp) hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Ban hành và triển khai thực hiện các quy định về quản lý rủi ro trong quản lý đăng ký thuế.

d) Năm 2024

- Phối hợp với các bộ, ngành dự thảo, xây dựng quy chế trao đổi thông tin khác giữa các Bộ, ngành với cơ quan quản lý thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đơn giản hóa thông tin đăng ký thuế hoặc cắt giảm thủ tục đăng ký thuế trên cơ sở cơ quan thuế đã nhận thông tin về giấy phép thành lập và hoạt động và giấy tờ tương đương giữa các bộ, ngành với cơ quan quản lý thuế.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung quy trình quản lý đăng ký thuế đảm bảo tiếp nhận và xử lý thông tin nhận được từ các bộ, ngành, đảm bảo tính tự động giữa các bộ phận tại cơ quan thuế trong quá trình xử lý hồ sơ.

- Thực hiện hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo cơ sở cho việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý đăng ký thuế.

e) Năm 2025

- Phối hợp với các Bộ, ngành dự thảo, xây dựng quy chế trao đổi thông tin khác giữa các Bộ, ngành với cơ quan quản lý thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Quản lý thuế.

1.2.2. Đến năm 2030

- Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2025, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường khung pháp lý và ứng dụng tin học cho phù hợp hoặc đề xuất điều chỉnh mục tiêu, lộ trình thực hiện cụ thể chưa phù hợp với thực tế triển khai.

- Thực hiện nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo các nội dung sửa đổi, bổ sung về đăng ký thuế.

- Tiếp tục hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc nâng cao quản lý rủi ro trong công tác đăng ký thuế.

2. Khai thuế

2.1. Nội dung

a) Tiếp tục triển khai các giải pháp cải cách đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người nộp thuế; rà soát, cắt giảm thành phần hồ sơ khai thuế đảm bảo rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nộp thuế, giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế. Cụ thể:

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý các giao dịch khai thuế theo phương thức điện tử; Xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho cơ chế kê khai thuế để giảm tần suất kê khai thuế phù hợp theo phân đoạn người nộp thuế theo lĩnh vực ngành nghề, theo quy mô (đối tượng, mẫu biểu, tần suất kê khai); Mở rộng phạm vi người nộp thuế khai tập trung tại một nơi phù hợp với mô hình tổ chức quản lý và hạch toán kế toán của người nộp thuế, thay thế bằng phương pháp phân bổ thuế để đáp ứng yêu cầu phân cấp ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục mở rộng phương thức khai điện tử đối với tất cả các mẫu hồ sơ khai thuế; thiết kế mẫu hồ sơ khai thuế phù hợp từng phân đoạn người nộp thuế có đặc điểm, quy mô tương đồng, đối với nhóm người nộp thuế là tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh, đối với các sắc thuế và khoản thu áp dụng cơ chế quản lý thu liên thông giữa cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước khác; Hỗ trợ điện sẵn thông tin tờ khai từ cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế và từ thông tin do bên thứ ba cung cấp; xây dựng các mẫu biểu hồ sơ khai thuế kết hợp nhiều sắc thuế và khoản thu có tính chất tương đồng về đối tượng, thời hạn, nơi nộp.

- Đẩy mạnh triển khai dịch vụ thuế điện tử đến toàn bộ người nộp thuế, trong đó đẩy mạnh việc tiếp nhận các hồ sơ khai thuế cũng như gửi thông tin, thông báo đến người nộp thuế theo phương thức điện tử nhanh chóng, kịp thời;

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý khai thuế đối với nền kinh tế phi chính thức, khai thuế đối với nền kinh tế số.

- Đẩy mạnh triển khai dịch vụ thuế điện tử, áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đến toàn bộ người nộp thuế trong đó duy trì, tiếp tục hỗ trợ thuận lợi dịch vụ khai thuế, sử dụng hóa đơn điện tử đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, mở rộng phạm vi triển khai khai thuế điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử đối với cá nhân.

b) Tăng cường trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước bằng phương thức điện tử để thực hiện quản lý thuế hiệu quả; Tự động hóa tối đa các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trong nội bộ cơ quan thuế với hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, cơ sở dữ liệu tập trung, liên kết giữa các chức năng quản lý thuế. Cụ thể:

- Sửa đổi các quy trình trên nền tảng tự động hóa các khâu tiếp nhận, xử lý, phân tích, đánh giá hồ sơ khai thuế phù hợp với xử lý dữ liệu tập trung, thống nhất toàn ngành. Tự động hóa tối đa quy trình quản lý khai thuế trong nội bộ cơ quan thuế với hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu khai thuế tập trung, hiện đại, chính xác, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu công tác quản lý thu thuế, thu thập và cung cấp các thông tin hỗ trợ điều sẵn thông tin tờ khai.

- Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin tự động theo phương thức điện tử với các cơ quan quản lý nhà nước khác và các bên thứ ba để chủ động thu thập thông tin phục vụ công tác quản lý thu thuế và cung cấp dữ liệu cho việc đánh giá và xác định rủi ro tuân thủ của người nộp thuế, đồng thời hỗ trợ người nộp thuế lập tờ khai đầy đủ, chính xác, giảm sai sót khách quan, chủ quan trong việc kê khai của người nộp thuế, nâng cao chất lượng dữ liệu khai thuế.

2.2. Lộ trình thực hiện

2.2.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý các giao dịch khai thuế theo phương thức điện tử.

- Triển khai điện tử hóa thủ tục khai lệ phí trước bạ, nhà đất, các khoản thu cá nhân, thu khác: Mở rộng kết nối liên thông điện tử giữa cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông và cơ quan thuế trong việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính và thông báo nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất trong thực hiện thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất đai; Mở rộng triển khai khai điện tử tờ khai lệ phí trước bạ ô tô, xe máy; Tiếp tục triển khai điện tử các tờ khai thuế của cá nhân.

- Sửa đổi, bổ sung quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và quản lý nghĩa vụ người nộp thuế phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Triển khai giai đoạn I tại 6 tỉnh, thành phố gồm: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bình Định đạt tỷ lệ 70% đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc diện áp dụng hoá đơn điện tử.

b) Năm 2022

- Đánh giá, rà soát quy định về khai thuế của Luật Quản lý thuế để làm cơ sở báo cáo cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hồ sơ, thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ khai thuế tại Luật Quản lý thuế.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và quản lý nghĩa vụ người nộp thuế sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phân tích và xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và quản lý nghĩa vụ người nộp thuế.

- Cung cấp thông tin về nghĩa vụ khai thuế định kỳ và tình hình thực hiện nghĩa vụ khai thuế của người nộp thuế trên cổng thông tin điện tử của ngành thuế.

- Tiếp tục triển khai điện tử hóa thủ tục khai lệ phí trước bạ, nhà đất, các khoản thu cá nhân, thu khác: Mở rộng kết nối liên thông điện tử giữa cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông và cơ quan thuế trong việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính và thông báo nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất trong thực hiện thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất đai; Mở rộng triển khai khai điện tử tờ khai lệ phí trước bạ ô tô, xe máy; Tiếp tục triển khai điện tử các tờ khai thuế của cá nhân.

- Tiếp tục triển khai giai đoạn II trên toàn quốc đạt tỷ lệ 100% đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh thuộc diện áp dụng hoá đơn điện tử.

- Triển khai các quy định về quản lý khai thuế đối với nền kinh tế số.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình để áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý kê khai thuế.

c) Năm 2023

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và quản lý nghĩa vụ người nộp thuế sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tiếp tục phân tích và xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và quản lý nghĩa vụ người nộp thuế.

- Xây dựng cơ chế kê khai thuế theo phân đoạn người nộp thuế theo lĩnh vực ngành nghề, theo quy mô.

- Xây dựng quy chế trao đổi thông tin với cơ quan quản lý địa chính để cơ quan thuế được chia sẻ cơ sở dữ liệu về đất đai phục vụ công tác quản lý thuế tại cơ quan thuế tính nghĩa vụ tài chính các khoản thu liên quan đến đất, quản lý thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và tra cứu nhà duy nhất khi miễn thuế, giảm thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản.

- Xây dựng quy chế phối hợp trao đổi với cơ quan quản lý thông tin cấp phép, và quản lý sản lượng khai thác để kiểm soát thông tin kê khai sản lượng khai thác trên tờ khai thuế tài nguyên theo quý/năm; Xây dựng cơ chế rà soát, cập nhật thường xuyên giá tính thuế tài nguyên để tạo sự bình đẳng nghĩa vụ thuế, khuyến khích doanh nghiệp khai thác chế biến sâu tài nguyên, nâng cao giá trị gia tăng tài nguyên.

- Thu thập dữ liệu hóa đơn làm cơ sở đối chiếu với các dữ liệu do người nộp thuế kê khai.

- Tiếp tục triển khai điện tử hóa thủ tục khai lệ phí trước bạ, nhà đất, các khoản thu cá nhân, thu khác: Mở rộng kết nối liên thông điện tử giữa cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông và cơ quan thuế trong việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính và thông báo nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất trong thực hiện thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất đai.

- Tiếp tục hoàn thiện việc triển khai toàn quốc đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh thuộc diện áp dụng hóa đơn điện tử; đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định (nếu có).

- Thiết lập hệ thống thu thập thông tin từ các bên thứ ba để nhận diện người nộp thuế chưa đăng ký, chưa khai thuế.

- Ban hành và triển khai thực hiện các quy định về quản lý rủi ro trong quản lý kê khai thuế.

d) Năm 2024

- Bổ sung, sửa đổi và thiết kế hồ sơ khai thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tăng cường điền các thông tin có sẵn giúp giảm tối đa chi phí tuân thủ của người nộp thuế và giảm chi phí quản lý của cơ quan thuế: hồ sơ khai thuế theo từng sắc thuế; hồ sơ khai thuế kết hợp nhiều sắc thuế và khoản thu có tính chất tương đồng về đối tượng, thời hạn, nơi nộp; hồ sơ khai thuế theo từng phân đoạn người nộp thuế có đặc điểm, quy mô tương đồng.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý theo từng phân đoạn người nộp thuế.

- Tiếp tục triển khai điện tử các tờ khai thuế của cá nhân.

- Kết nối liên thông điện tử giữa các cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông và cơ quan thuế trong việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính và thông báo nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất trong thực hiện thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất đai.

- Phối hợp với kết quả triển khai Đề án phân cấp ngân sách để xây dựng phương án mở rộng phạm vi người nộp thuế khai thuế tập trung tại một nơi và nộp thuế phân bổ cho nhiều nơi.

- Tiếp tục hoàn thiện việc triển khai toàn quốc đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh thuộc diện áp dụng hóa đơn điện tử; đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định (nếu có).

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý khai thuế đối với nền kinh tế phi chính thức; khâu trừ tại nguồn và chế độ báo cáo thông tin áp dụng cho những ngành rủi ro cao; yêu cầu ghi chép, lưu giữ hồ sơ sổ sách; giảm sử dụng tiền mặt; tăng cường thu thập, tiếp nhận các thông tin từ cộng đồng kể cả đường dây nóng về trốn thuế; Nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý khai thuế đối với nền kinh tế số.

- Thực hiện hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo cơ sở cho việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý kê khai thuế.

e) Năm 2025

- Nghiên cứu, hợp nhất quy định về khai thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường trong các trường hợp tương đồng về hoạt động đánh thuế, đối tượng thu, thời hạn nộp và phân cấp cơ quan quản lý thu.

- Nghiên cứu, hợp nhất việc kê khai, tính và thông báo nộp các khoản thu từ đất đối với các khoản thu tương đồng về đối tượng nộp, đối tượng thu và phân cấp cơ quan quản lý thu.

- Tiếp tục triển khai điện tử các tờ khai thuế của cá nhân.

- Tiếp tục hoàn thiện việc triển khai toàn quốc đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh thuộc diện áp dụng hóa đơn điện tử; đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định (nếu có).

- Xây dựng quy định pháp lý để mở rộng phân bổ thuế.

- Xây dựng thể chế đăng ký thuế, quản lý khai thuế đối với nền kinh tế phi chính thức.

2.2.2. Đến năm 2030

- Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2025, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường khung pháp lý và ứng dụng tin học cho phù hợp hoặc đề xuất điều chỉnh mục tiêu, lộ trình cụ thể chưa phù hợp với thực tế triển khai.

- Tiếp tục hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc nâng cao quản lý rủi ro công tác quản lý khai thuế.

- Tổ chức triển khai và đánh giá kết quả thực hiện đối với các quy định pháp lý về mở rộng phạm vi người nộp thuế khai tập trung tại một nơi và phân bổ thuế.

- Tiếp tục hoàn thiện việc triển khai toàn quốc đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh thuộc diện áp dụng hóa đơn điện tử; đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định (nếu có).

3. Nộp thuế

3.1. Nội dung

a) Tiếp tục triển khai các giải pháp cải cách đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người nộp thuế; rà soát, cắt giảm thành phần hồ sơ nộp thuế đảm bảo rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin: Phối hợp với Kho bạc nhà nước, ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong việc đơn giản thông tin thu nộp thuế, đơn giản thông tin truyền nhận (truyền nhận theo số tham chiếu trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước), chú trọng triển khai áp dụng thống nhất định danh các khoản thu nhằm hỗ trợ tối đa người nộp thuế trong việc lập Chứng từ nộp ngân sách nhà nước và chuẩn hóa, thông tin thu, nộp thuế truyền nhận giữa ngân hàng thương mại/tổ chức trung gian thanh toán với cơ quan thuế, Kho bạc nhà nước đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời; Tham gia ý kiến để sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước nhằm đơn giản thủ tục nộp thuế theo hướng người nộp thuế chỉ lập một chứng từ nộp ngân sách nhà nước cho nhiều địa bàn thu... Cụ thể:

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước hướng dẫn người nộp thuế thực hiện các thủ tục hành chính trong thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước theo hướng đơn giản thủ tục thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước rà soát, giảm dần trường hợp người nộp thuế thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí bằng tiền mặt tại Kho bạc nhà nước hoặc cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế hoặc tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế; tại quầy giao dịch của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác nhằm đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh.

- Rà soát, hoàn thiện cơ sở pháp lý hướng dẫn Luật Quản lý thuế về nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong thực hiện thu, nộp ngân sách nhà nước nhằm triển khai thuận lợi, hỗ trợ người nộp thuế trong thực hiện thủ tục nộp ngân sách nhà nước.

- Hoàn thiện quy định pháp lý tại Thông tư hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế để nhằm triển khai các dịch vụ nộp thuế điện tử, chú trọng đến người nộp thuế là cá nhân; Quy định truyền nhận chứng từ điện tử giữa ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với cơ quan thuế, kho bạc nhà nước bằng “số tham chiếu”; Bổ sung các quy trình, thủ tục kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; Quy định về sử dụng mã định danh của khoản phải nộp trong khai, nộp thuế.

- Hoàn thiện quy định pháp lý tại Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế liên quan đến đơn giản các thủ tục hành chính trong việc bù trừ khoản nộp thừa, xác nhận nghĩa vụ thuế, tra soát, điều chỉnh thông tin thu, nộp ngân sách nhà nước.

b) Mở rộng phạm vi đối tượng nộp thuế bằng phương thức điện tử tập trung vào người nộp thuế là cá nhân, cá nhân kinh doanh: Để thực hiện nội dung này, cần bổ sung tổ chức tham gia kết nối triển khai nộp thuế điện tử là các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và đa dạng các hình thức nộp thuế điện tử tiên tiến, phù hợp với cá nhân như nộp thuế qua các thiết bị thông minh nhằm giảm chi phí, thời gian tuân thủ của người nộp thuế.

c) Triển khai định danh khoản phải nộp nhằm đơn giản công tác thanh toán, bù trừ nghĩa vụ của người nộp thuế, chuẩn hóa thông tin về tình hình thanh toán các khoản phải nộp, đã nộp trên hệ thống quản lý thuế.

d) Tự động hóa toàn bộ quy trình quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước ở tất cả các khâu từ truyền nhận chứng từ thu ngân sách nhà nước đến việc kiểm soát, tra soát thông tin thu nộp ngân sách nhà nước đều thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Sửa đổi, bổ sung quy trình quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước nhằm điện tử hóa toàn bộ quy trình, triển khai thanh toán bù trừ đích danh; tiếp nhận đề nghị bù trừ khoản nộp thừa, đề nghị xác nhận nghĩa vụ thuế điện tử; Hỗ trợ kiểm soát tự động quy trình.

- Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng nộp thuế điện tử nhằm hỗ trợ tối đa cho người nộp thuế khi lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước. Triển khai nâng cấp nộp thuế điện tử đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Thông tư giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế. Phối hợp với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để đa dạng hóa các hình thức nộp thuế điện tử qua các thiết bị thông minh...

- Tiếp tục hoàn thiện kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với hạ tầng của cơ quan thuế để phục vụ yêu cầu phối hợp thu ngân sách nhà nước bằng phương thức điện tử.

- Xây dựng, chuẩn hóa thông tin thu nộp ngân sách nhà nước kết hợp với việc nâng cấp, triển khai đồng bộ hệ thống trao đổi thông tin dữ liệu về thu, nộp ngân sách nhà nước giữa cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước để áp dụng thống nhất “số tham chiếu”, định danh các khoản thu nhằm đơn giản hóa thông tin luân chuyển giữa các cơ quan góp phần đẩy mạnh nhanh tốc độ thanh toán các giao dịch nộp thuế điện tử.

- Xây dựng, chuẩn hóa thông tin các khoản phải nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế của ngành thuế để tạo, theo dõi mã định danh các khoản phải nộp. Nâng cấp ứng dụng, thay đổi quy trình thanh toán tại cơ quan thuế, để hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo từng mã định danh của khoản phải nộp.

- Xây dựng, chuẩn hóa thông tin để thực hiện cung cấp thông tin về tình hình thanh toán các khoản phải nộp, đã nộp trên hệ thống quản lý thuế của ngành thuế cho người nộp thuế biết và tra soát, điều chỉnh thông tin (nếu có) nhằm đảm bảo theo dõi đầy đủ, kịp thời, chính xác, minh bạch khoản thu, nộp ngân sách nhà nước.

3.2. Lộ trình thực hiện

3.2.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý tại Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế, Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế, Thông tư giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế để triển khai các nội dung về nộp thuế, nộp thuế điện tử đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh trên cơ sở lộ trình nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin: Triển khai nộp thuế điện tử đối với cá nhân có phát sinh phí, lệ phí trước bạ phương tiện/nhà đất; Triển khai thí điểm hình thức nộp thuế đối với cá nhân qua các thiết bị thông minh.

- Phối hợp Kho bạc nhà nước hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến Thông tư hướng dẫn Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/1/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước để hướng dẫn, nâng cấp mẫu chứng từ nộp ngân sách nhà nước mới.

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước xây dựng quy định về trường hợp người nộp thuế thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí bằng tiền mặt tại Kho bạc nhà nước hoặc cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế hoặc tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế; tại quầy giao dịch của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác.

- Tham gia ý kiến theo chương trình sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước nhằm đơn giản thủ tục nộp thuế theo hướng người nộp thuế chỉ lập một chứng từ nộp ngân sách nhà nước cho nhiều địa bàn thu...

- Tiếp tục phối hợp với các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa tham gia kết nối với Cổng thông tin của Tổng cục Thuế để hoàn thiện thủ tục, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện kết nối.

b) Năm 2022

- Tiếp tục triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin mở rộng các dịch vụ nộp thuế điện tử đối với cá nhân, nâng cao tỷ lệ nộp thuế điện tử đối với cá nhân.

- Hoàn thiện quy trình quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Triển khai, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng quy trình quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước điện tử hóa toàn bộ quy trình, triển khai thanh toán bù trừ đích danh; tiếp nhận đề nghị bù trừ khoản nộp thừa, đề nghị xác nhận nghĩa vụ thuế điện tử; Hỗ trợ kiểm soát tự động quy trình.

- Triển khai, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, chuẩn hóa thông tin thu nộp ngân sách nhà nước kết hợp với việc nâng cấp, triển khai đồng bộ hệ thống trao đổi thông tin dữ liệu về thu, nộp ngân sách nhà nước giữa cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước theo “số tham chiếu” trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước và mã định danh của khoản phải nộp.

c) Năm 2023

- Tiếp tục triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin mở rộng các dịch vụ nộp thuế điện tử đối với cá nhân, nâng cao tỷ lệ nộp thuế điện tử đối với cá nhân.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng quy trình quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước, triển khai “số tham chiếu” trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước và mã định danh của khoản phải nộp.

- Tiếp tục hoàn thiện các nội dung khác để đạt mục tiêu cụ thể.

d) Năm 2024

- Tiếp tục triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin mở rộng các dịch vụ nộp thuế điện tử đối với cá nhân, nâng cao tỷ lệ nộp thuế điện tử đối với cá nhân.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng quy trình quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước, triển khai “số tham chiếu” trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước và mã định danh của khoản phải nộp.

- Tiếp tục hoàn thiện các nội dung khác để đạt mục tiêu cụ thể.

e) Năm 2025

- Tiếp tục triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin mở rộng các dịch vụ nộp thuế điện tử đối với cá nhân, nâng cao tỷ lệ nộp thuế điện tử đối với cá nhân.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng quy trình quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước, triển khai “số tham chiếu” trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước và mã định danh của khoản phải nộp.

- Tiếp tục hoàn thiện các nội dung khác để đạt mục tiêu cụ thể.

3.2.2. Đến năm 2030

Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2025, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường khung pháp lý và ứng dụng tin

học cho phù hợp hoặc đề xuất điều chỉnh mục tiêu, lộ trình thực hiện cụ thể chưa phù hợp với thực tế triển khai.

4. Hoàn thuế

A. Hoàn thuế theo quy định của pháp luật

4.1. Nội dung

a) Quy định rõ đối tượng và trường hợp được hoàn thuế, khuyến khích sản xuất kinh doanh, mở rộng đầu tư sản xuất theo chiều sâu. Thực hiện hồ sơ, thủ tục về hoàn thuế rõ ràng, minh bạch; đẩy mạnh hoàn thuế bằng phương thức điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nộp thuế, giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế và chi phí quản lý của cơ quan thuế; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến hoàn thuế (Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Quản lý thuế, Luật Ngân sách nhà nước...). Minh bạch hồ sơ đề nghị hoàn thuế, đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ, phù hợp với quy định về quản lý nhà nước của các Bộ, ngành liên quan.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế của cơ quan thuế. Mở rộng kết nối thông tin với cơ quan hải quan, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý đầu tư, ngân hàng thương mại. Tăng cường giám sát tự động, nâng cao quản lý rủi ro về hoàn thuế, nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế. Giảm thời gian kiểm tra và giải quyết hoàn của cơ quan thuế.

c) Xây dựng quy trình giải quyết hoàn thuế tự động hoàn toàn trên ứng dụng quản lý thuế trên cơ sở dữ liệu hoàn thuế.

4.2. Lộ trình thực hiện

4.2.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Tham gia đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật thuế liên quan đến hoàn thuế (Luật Quản lý thuế, Luật Ngân sách nhà nước...).

- Xây dựng Quy trình hoàn thuế theo hướng các bước quy trình được thực hiện hoàn toàn trên ứng dụng TMS, việc phê duyệt kết quả hoàn thuế của các cấp đều được thực hiện trên ứng dụng, cung cấp các thông tin giám sát trước khi phê duyệt kết quả hoàn thuế, đồng bộ các thông tin giữa các ứng dụng thanh tra, kiểm tra; Tích hợp, kết nối thông tin giữa quy trình phân loại rủi ro và quy trình hoàn thuế nhằm tạo đầy đủ cơ sở thông tin để thực hiện.

- Triển khai kết nối với Kho bạc nhà nước trong việc truyền nhận điện tử thông tin chi hoàn thuế trên phạm vi cả nước.

b) Năm 2022

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình hoàn thuế sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tiếp tục tham gia rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật thuế liên quan đến hoàn thuế (Luật Quản lý thuế, Luật Ngân sách nhà nước...).

- Tiếp tục theo dõi, phân tích và xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng Quy trình hoàn thuế.

- Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh hàng hóa xuất khẩu với cơ quan hải quan phục vụ công tác hoàn thuế, đảm bảo quản lý chặt chẽ trong hoàn thuế.

- Đẩy mạnh hoàn thuế điện tử đối với các trường hợp hoàn thuế khác hoàn xuất khẩu và đầu tư.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình để áp dụng quản lý rủi ro rủi ro trong quản lý hoàn thuế, thực hiện thu thập, rà soát thông tin và chuẩn hóa các văn bản trao đổi thông tin với bên thứ ba từ nhiều cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

c) Năm 2023

- Tiếp tục phối hợp rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật thuế liên quan đến hoàn thuế (Luật Quản lý thuế, Luật Ngân sách nhà nước...).

- Phối hợp với các Bộ ngành liên quan cung cấp thông tin phục vụ công tác hoàn thuế, nâng cao ý thức tự giác của người nộp thuế, đảm bảo quản lý chặt chẽ trong quản lý.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế trên cơ sở phối hợp trao đổi thông tin về tình hình cấp giấy phép đầu tư và khả năng thực hiện các dự án đầu tư từ phía Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Đẩy mạnh hoàn thuế điện tử đối với tất cả các trường hợp hoàn thuế.

- Ban hành và triển khai thực hiện các quy định về quản lý rủi ro trong quản lý hoàn thuế.

d) Năm 2024

- Tiếp tục phối hợp rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật thuế liên quan đến hoàn thuế (Luật Quản lý thuế, Luật Ngân sách nhà nước...).

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành liên quan cung cấp thông tin phục vụ công tác hoàn thuế, phát huy tính tự giác cao của người nộp thuế, đảm bảo quản lý chặt chẽ trong quản lý.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế.

- Đẩy mạnh hoàn thuế điện tử đối với tất cả các trường hợp hoàn thuế.

- Thực hiện hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo cơ sở cho việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý hoàn thuế.

e) Năm 2025

- Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2024, rút kinh nghiệm để đề ra kế hoạch triển khai trong giai đoạn 2026-2030.

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành liên quan cung cấp thông tin phục vụ công tác hoàn thuế, phát huy tính tự giác cao của người nộp thuế, đảm bảo quản lý chặt chẽ trong quản lý.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về hoàn thuế.

4.2.2. Đến năm 2030

- Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2025, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường khung pháp lý và ứng dụng tin học cho phù hợp hoặc đề xuất điều chỉnh mục tiêu, lộ trình thực hiện cụ thể chưa phù hợp với thực tế triển khai.

- Tiếp tục hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc nâng cao quản lý rủi ro công tác quản lý hoàn thuế.

B. Hoàn thuế nộp thừa

4.3. Nội dung

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách tại Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế quy định rõ đối tượng, trường hợp được hoàn thuế nộp thừa; Trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc xử lý hồ sơ hoàn thuế nộp thừa; Hồ sơ hoàn thuế nộp thừa; Tiếp nhận, phân loại, giải quyết hồ sơ hoàn trả tiền thuế nộp thừa; Ban hành quyết định, lệnh hoàn; Trả kết quả giải quyết hoàn thuế; Thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế đối với người nộp thuế; Thu hồi hoàn thuế nộp thừa.

b) Hoàn thiện quy định tại Thông tư hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế về thủ tục hoàn thuế nộp thừa điện tử. Hồ sơ, thủ tục về hoàn thuế minh bạch, rõ ràng; Triển khai hoàn thuế nộp thừa bằng phương thức điện tử tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nộp thuế, giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế và chi phí quản lý của cơ quan thuế.

c) Hoàn thiện quy trình hoàn nộp thừa theo hướng tự động hóa hoàn toàn quy trình, hỗ trợ kiểm soát toàn bộ trên ứng dụng nhằm đảm bảo theo dõi đầy đủ, chính xác, kịp thời, kiểm soát quá trình giải quyết hoàn thuế mang tính hiện đại, tự động và tích hợp cao; Phối hợp với Kho bạc nhà nước trong việc truyền, nhận thông tin chi hoàn bằng phương thức điện tử, kiểm soát chi hoàn thuế nộp thừa theo đúng quy định.

d) Triển khai kết nối, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hoàn thuế nộp thừa bằng phương thức điện tử, nâng cấp quy trình hoàn nộp thừa theo hướng tự động hóa, hỗ trợ kiểm soát tự động, tích hợp.

4.4. Lộ trình thực hiện

4.4.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý tại Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Thông tư hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế để triển khai thí điểm hoàn thuế nộp thừa điện tử đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh, cá nhân.

- Đề xuất xây dựng quy trình thuế hoàn nộp thừa theo hướng tăng khả năng kiểm soát tự động, tích hợp.

b) Năm 2022

- Hoàn thiện quy trình hoàn thuế nộp thừa theo hướng tăng khả năng kiểm soát tự động, tích hợp.

- Triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo quy trình hoàn nộp thừa.

- Triển khai hoàn thuế nộp thừa điện tử đối với tổ chức.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình để áp dụng quản lý rủi ro rủi ro trong quản lý hoàn thuế, thực hiện thu thập, rà soát thông tin và chuẩn hóa các văn bản trao đổi thông tin với bên thứ ba từ nhiều cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

c) Năm 2023

- Tiếp tục triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo quy trình hoàn thuế nộp thừa.

- Triển khai hoàn thuế nộp thừa điện tử đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh.

- Ban hành và triển khai thực hiện các quy định về quản lý rủi ro trong quản lý hoàn thuế.

d) Năm 2024

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện bổ sung hướng dẫn kiểm soát hoàn thuế nộp thừa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

- Thực hiện hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo cơ sở cho việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý hoàn thuế.

e) Năm 2025

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện bổ sung hướng dẫn kiểm soát hoàn thuế nộp thừa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

4.4.2. Đến năm 2030

- Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2025, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường khung pháp lý và ứng dụng tin học cho phù hợp hoặc đề xuất điều chỉnh mục tiêu, lộ trình cụ thể chưa phù hợp với thực tế triển khai.

- Tiếp tục hệ thống hóa, rà soát, hoàn thiện các quy định để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc nâng cao quản lý rủi ro công tác quản lý hoàn thuế.

5. Miễn thuế, giảm thuế

5.1. Nội dung

a) Hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hồ sơ, thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành để đảm bảo hồ sơ, trình tự, thủ tục về miễn thuế, giảm thuế theo hướng đơn giản hóa, rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện và liên thông thủ tục miễn thuế, giảm thuế với thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai giữa cơ quan thuế với cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông.

b) Hoàn thiện cơ sở pháp lý về tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế bằng phương thức điện tử trực tiếp cho người nộp thuế và thông qua hệ thống liên thông giữa cơ quan thuế với cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế và triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử.

c) Sửa đổi, bổ sung quy trình miễn thuế, giảm thuế nhằm đảm bảo theo dõi đầy đủ, chính xác, kịp thời, kiểm soát quá trình giải hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của cơ quan thuế và hạch toán miễn, giảm nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế theo đúng qui định; thống nhất về nội dung công việc, trình tự thực hiện, thời hạn thực hiện, cách thức thực hiện và phân công thực hiện đối với công chức thuế, bộ phận chức năng quản lý thuế thuộc cơ quan Thuế các cấp trong việc tiếp nhận và giải quyết miễn thuế, giảm thuế cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành; toàn bộ các công việc giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thực hiện trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế; tự động hóa tối đa quá trình giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trong nội bộ cơ quan thuế với hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại.

d) Sử dụng cơ sở dữ liệu thuế tập trung, dữ liệu từ bên thứ ba và dữ liệu từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông làm cơ sở, căn cứ để tính và thông báo số tiền miễn thuế, giảm thuế; ban hành quyết định miễn thuế, giảm thuế theo quy định.

đ) Triển khai kết nối, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế đối với hồ sơ

miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế được tiếp nhận trực tiếp tại cơ quan thuế bằng phương thức điện tử; và hồ sơ được tiếp nhận từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông bằng phương thức điện tử.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu về miễn thuế, giảm và tiêu chí để đánh giá rủi ro trong giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.

5.2. Lộ trình thực hiện

5.2.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hồ sơ miễn thuế, giảm thuế và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế tại Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế bằng phương thức điện tử trực tiếp cho người nộp thuế và thông qua hệ thống liên thông giữa cơ quan thuế với cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Thông tư về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

b) Năm 2022

- Đánh giá, rà soát quy định về miễn thuế, giảm thuế của Luật Quản lý thuế để làm cơ sở báo cáo cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hồ sơ, thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế tại Luật Quản lý thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy trình miễn thuế, giảm thuế theo quy định của pháp luật thuế, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phân tích và nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành và quy trình miễn thuế, giảm thuế.

c) Năm 2023

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý quy định về miễn thuế, giảm thuế của Luật Quản lý thuế sau khi được phê duyệt sửa đổi, bổ sung nội dung này.

- Tiếp tục phân tích và nâng cấp ứng dụng CNTT để giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy trình miễn thuế, giảm thuế.

- Thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế đối với đối với người nộp thuế là doanh nghiệp do cơ quan thuế trực tiếp tiếp nhận hồ sơ bằng phương thức điện tử.

- Tích hợp, phân tích cơ sở dữ liệu quản lý thuế, dữ liệu từ bên thứ ba, dữ liệu từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông và hồ sơ của người nộp thuế tại ứng dụng quản lý thuế tập trung để làm cơ sở, căn cứ tính số

tiền được miễn thuế, giảm thuế và ban hành Thông báo hoặc Quyết định miễn thuế, giảm thuế theo quy định.

d) Năm 2024

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý quy định về miễn thuế, giảm thuế của Luật Quản lý thuế sau khi được phê duyệt sửa đổi, bổ sung nội dung này.

- Thực hiện nâng cấp ứng dụng CNTT để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông gửi đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử và người nộp thuế là cá nhân gửi hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trực tiếp cho cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

- Thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông gửi đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử và người nộp thuế gửi hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trực tiếp cho cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

- Xây dựng bộ tiêu chí về quản lý rủi ro trong giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.

- Triển khai việc tính số tiền được miễn thuế, giảm thuế và ban hành Thông báo hoặc Quyết định miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại ứng dụng quản lý thuế tập trung trên cơ sở dữ liệu quản lý thuế, dữ liệu từ bên thứ ba, dữ liệu từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông và hồ sơ của người nộp thuế.

e) Năm 2025

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý quy định về miễn thuế, giảm thuế tại Luật Quản lý thuế sau khi được phê duyệt sửa đổi, bổ sung nội dung này.

- Tiếp tục thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông gửi đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử và người nộp thuế gửi hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trực tiếp cho cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

- Ban hành và nâng cấp ứng dụng CNTT để triển khai thực hiện bộ tiêu chí về quản lý trong giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.

- Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2024 để xác định các kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra, các nội dung còn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện và có biện pháp khắc phục cho giai đoạn 2026-2030.

5.2.2. Đến năm 2030

- Sửa đổi, bổ sung các giải pháp thực hiện hoặc đề xuất điều chỉnh mục tiêu, lộ trình thực hiện nếu không thể thực hiện được trên cơ sở tổng kết, đánh

giá quá trình thực hiện giai đoạn 2021-2025, cả về căn cứ pháp lý, quy trình quản lý và ứng dụng tin học.

6. Kế toán thuế, thống kê thuế

A. Kế toán thuế

6.1. Nội dung

a) Thực hiện thống nhất chế độ kế toán trong toàn ngành Thuế theo nguyên tắc hạch toán tập trung, phản ánh kịp thời, chính xác, minh bạch nghĩa vụ thuế của từng người nộp thuế vào các tài khoản kế toán trên cơ sở dồn tích.

b) Xây dựng Thông tư hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế nhằm xử lý các vướng mắc hiện hành, đảm bảo các mục tiêu quản lý thuế.

c) Cung cấp thông tin về tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế của người nộp thuế cho người nộp thuế, các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế để thực hiện quản lý thuế.

d) Xây dựng quy trình kế toán thuế theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về ngân sách và đảm bảo theo chuẩn hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin mới triển khai, đảm bảo độc lập tương đối với quy trình nghiệp vụ nhằm theo dõi, kiểm soát thông tin trước khi hạch toán kế toán; thực hiện kế toán thuế theo phương pháp dồn tích, theo hệ thống tài khoản kế toán và hạch toán kép, đảm bảo theo dõi đầy đủ nghiệp vụ quản lý thuế và có đủ cơ sở khai thác số, báo cáo từ kết quả hạch toán trên hệ thống tài khoản kế toán.

đ) Kiện toàn bộ máy kế toán thuế, đào tạo kế toán thuế tại các cơ quan thuế đáp ứng các quy định theo pháp luật về kế toán từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế đến các Chi cục Thuế để triển khai thực hiện Chế độ Kế toán thuế nội địa trong toàn ngành Thuế.

6.2. Lộ trình thực hiện

6.2.1. Đến năm 2025

Trong giai đoạn này, tiếp tục triển khai trên kế toán thuế trên hệ thống ứng dụng hiện hành, cụ thể:

a) Năm 2021

Xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế.

b) Năm 2022

- Xây dựng và ban hành Quy trình hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và các hướng dẫn liên quan đến hạch toán kế toán, chuyển đổi dữ liệu.

- Xây dựng và ban hành Quy trình quản lý nghĩa vụ người nộp thuế ban hành thống nhất tại Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và Quản lý nghĩa vụ người nộp thuế.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp để triển khai chế độ kê toán thuế trong toàn ngành Thuế.

- Triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình.

c) Năm 2023

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế và các hướng dẫn liên quan đến hạch toán kê toán.

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình quản lý nghĩa vụ người nộp thuế.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp để triển khai chế độ kê toán thuế trong toàn ngành Thuế.

- Tiếp tục triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình.

d) Năm 2024

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế và các hướng dẫn liên quan đến hạch toán kê toán.

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình quản lý nghĩa vụ người nộp thuế.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp để triển khai chế độ kê toán thuế trong toàn ngành Thuế.

- Tiếp tục triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình.

e) Năm 2025

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế và các hướng dẫn liên quan đến hạch toán kê toán.

- Tiếp tục hoàn thiện Quy trình quản lý nghĩa vụ người nộp thuế.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp để triển khai chế độ kê toán thuế trong toàn ngành Thuế.

- Tiếp tục triển khai nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình.

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chế độ kê toán và nghiên cứu hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin mới được lựa chọn để có cơ sở xây dựng, hoàn thiện các quy định hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế.

6.2.2. Đến năm 2030

Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2025, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường khung pháp lý và ứng dụng tin học cho phù hợp hoặc đề xuất điều chỉnh mục tiêu, lộ trình cụ thể chưa phù hợp với thực tế triển khai.

B. Thông kê thuế

6.3. Nội dung

a) Thực hiện thống nhất chế độ thống kê thuế trong toàn ngành Thuế theo nguyên tắc tập trung, phản ánh kịp thời, chính xác thông tin thuế của người nộp thuế để phục vụ công tác quản lý thuế. Cụ thể:

- Xây dựng văn bản quy định thực hiện thông kê nhà nước về thuế.
 - Xây dựng quy định về Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê thuế, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của thống kê thuế.
 - Xây dựng cơ chế công bố và phổ biến thông tin thống kê thuế.
- b) Xây dựng Quy chế trao đổi thông tin, phối hợp công tác giữa cơ quan thuế với Tổng cục Thống kê về thông tin các báo cáo kết quả các cuộc điều tra thống kê liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các báo cáo phân tích chuyên đề liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các thông tin thống kê kinh tế vĩ mô; thông tin thống kê khác liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các Danh mục chuẩn cấp quốc gia ...và các quy chế trao đổi thông tin, phối hợp công tác với Bộ/ngành để thu thập thông tin phục vụ công tác thống kê thuế, quản lý thuế.
- c) Xây dựng văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bộ phận Thống kê thuế tại Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế; Quy định việc phối hợp trao đổi thông tin giữa bộ phận thống kê và các bộ phận chức năng trong lĩnh vực thống kê; Đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng cán bộ làm công tác thống kê thuế.

d) Triển khai kết nối, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp thông tin người nộp thuế trên trên cơ sở thông tin người nộp thuế cung cấp khi thực hiện nghĩa vụ thuế và thông tin người nộp thuế từ Bộ/ngành, tổ chức khi trao đổi và cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với Bộ/ngành, tổ chức đảm bảo dễ truy vấn, sử dụng, tổng hợp, phân tích về người nộp thuế trên phạm vi một cơ quan thuế, toàn quốc, theo từng chức năng, theo bài toán nghiệp vụ, nhu cầu quản lý cơ quan thuế.

- Hoàn thiện hệ thống ứng dụng đảm bảo theo dõi tự động hóa, tích hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời, kiểm soát thông tin người nộp thuế.

6.4. Lộ trình thực hiện

6.4.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

Rà soát Quy chế trao đổi thông tin, phối hợp công tác giữa cơ quan thuế với Tổng cục Thống kê về thông tin các báo cáo kết quả các cuộc điều tra thống kê liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các báo cáo phân tích chuyên đề liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các thông tin thống kê kinh tế vĩ mô; thông tin thống kê khác liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các Danh mục chuẩn cấp quốc gia ...

b) Năm 2022

- Bổ sung, hoàn thiện Quy chế trao đổi thông tin, phối hợp công tác giữa cơ quan thuế với Tổng cục Thống kê về thông tin các báo cáo kết quả các cuộc điều tra thống kê liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các báo cáo phân tích chuyên đề liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các

thông tin thống kê kinh tế vĩ mô; thông tin thống kê khác liên quan đến người nộp thuế và cơ sở kinh doanh; các Danh mục chuẩn cấp quốc gia ...

- Xây dựng quy định về Hệ thống chỉ tiêu thống kê thuế, Danh mục biểu mẫu thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê thuế.

- Xây dựng quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Thống kê Thuế.

c) Năm 2023

- Xây dựng văn bản quy định về Thống kê nhà nước về thuế.

- Tiếp tục triển khai phân tích và nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê thuế, Danh mục biểu mẫu thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê thuế và Quy chế trao đổi thông tin, phối hợp công tác giữa cơ quan thuế với Tổng cục Thống kê.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tích hợp thông tin quản lý người nộp thuế trên cơ sở thông tin người nộp thuế cung cấp khi thực hiện nghĩa vụ thuế và thông tin người nộp thuế từ Bộ/ngành, tổ chức khi trao đổi và cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với Bộ/ngành, tổ chức.

- Tiếp tục hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Thống kê thuế.

- Thực hiện đổi chiều dữ liệu thông tin thống kê thuế với cơ quan thống kê và các cơ quan tổ chức có liên quan.

d) Năm 2024

- Thí điểm phân tích và dự báo thống kê thuế.

- Thí điểm công bố một số thông tin thống kê thuế dưới dạng bản in và/hoặc điện tử.

- Tiếp tục triển khai phân tích và nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin theo các Quyết định quy định hoạt động thống kê trong toàn ngành Thuế và Quy chế trao đổi thông tin, phối hợp công tác giữa cơ quan thuế với Tổng cục Thống kê.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tích hợp thông tin quản lý người nộp thuế trên cơ sở thông tin người nộp thuế cung cấp khi thực hiện nghĩa vụ thuế và thông tin người nộp thuế từ Bộ/ngành, tổ chức khi trao đổi và cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với Bộ/ngành, tổ chức.

- Phối hợp điều tra thống kê thuế với cơ quan thống kê trung ương và các cơ quan tổ chức có liên quan để thực hiện các cuộc điều tra có liên quan đến dữ liệu thống kê thuế.

e) Năm 2025

- Hoàn thiện phân tích và dự báo thống kê thuế.

- Hoàn thiện triển khai công bố thông tin thống kê thuế dưới dạng bản in và/hoặc điện tử.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tích hợp thông tin quản lý người nộp thuế trên cơ sở thông tin người nộp thuế cung cấp khi thực hiện nghĩa vụ thuế và thông tin người nộp thuế từ Bộ/ngành, tổ chức khi trao đổi và cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với Bộ/ngành, tổ chức.

- Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2024, rút kinh nghiệm, nghiên cứu, đánh giá các khung pháp lý và ứng dụng tin học đang triển khai.

6.4.2. Đến năm 2030

- Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2025, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường khung pháp lý và ứng dụng tin học cho phù hợp hoặc đề xuất điều chỉnh lộ trình thực hiện cụ thể chưa phù hợp với thực tế triển khai.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tích hợp thông tin quản lý người nộp thuế trên cơ sở thông tin người nộp thuế cung cấp khi thực hiện nghĩa vụ thuế và thông tin người nộp thuế từ Bộ/ngành, tổ chức khi trao đổi và cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với Bộ/ngành, tổ chức.

- Điều tra và phối hợp điều tra thông kê thuế với cơ quan thông kê trung ương và các cơ quan các cơ quan tổ chức có liên quan để thực hiện các cuộc điều tra có liên quan đến dữ liệu thống kê thuế.

- Thí điểm và hoàn thiện công bố niêm giám thống kê thuế.

7. Công tác phân tích, dự báo, lập dự toán thu ngân sách nhà nước đến năm 2030

7.1. Nội dung

a) Nghiên cứu lý thuyết lựa chọn một số mô hình dự báo thu ngân sách nhà nước phù hợp

- Nghiên cứu các mô hình đã được triển khai ứng dụng trên thế giới trên cơ sở đó lựa chọn một số mô hình phù hợp với điều kiện Việt Nam để nghiên cứu chạy thử nghiệm.

- Tiến hành rà soát các sắc thuế trọng yếu để nghiên cứu các mô hình, phương pháp dự báo thu mà các nước trên thế giới đang triển khai áp dụng.

b) Đào tạo nguồn nhân lực

- Nghiên cứu các khóa học về dự báo thu tại các trường đại học trên thế giới để cử các bộ đủ điều kiện tham gia học tập nhằm nâng cao trình độ, năng lực về dự báo thu.

- Nghiên cứu, phối hợp với các tổ chức đào tạo trong nước triển khai đào tạo và đào tạo lại nâng cao năng lực phân tích, dự báo thu cho đội ngũ cán bộ làm công tác dự báo thu ở cơ quan thuế các cấp.

c) Xây dựng kho cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phân tích, dự báo, lập dự toán thu ngân sách nhà nước

- Tổ chức thu thập thông tin bao gồm thông tin trong ngành và thông tin ngoài ngành. Thực hiện làm sạch dữ liệu nhằm đảm bảo số liệu phản ánh được quy luật thu trên cơ sở đó dự báo được số thu trong tương lai. Tập hợp lưu trữ hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác phân tích, dự báo trên kho thông tin ngành thuế đảm bảo đủ cơ sở thông tin kinh tế vĩ mô, thông tin vi mô từ doanh nghiệp, thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản, đất đai, đăng ký cấp phép kinh doanh... Trên cơ sở những thông tin này sẽ xây dựng những phần mềm để lưu trữ các thông tin lịch sử một cách khoa học, có hệ thống, đảm bảo đủ thông tin phục vụ cho việc xây dựng các mô hình dự báo thu ngân sách nhà nước hiện đại.

- Đẩy mạnh phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan ngoài ngành để lưu trữ các dữ liệu cần thiết khoa học, đặc biệt là các cơ quan đơn vị chưa có quy chế phối hợp trao đổi thông tin cần triển khai quy chế phối hợp trao đổi thông tin phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế số 38.

- Tiếp tục rà soát sự thay đổi chính sách, quy trình nghiệp vụ để bổ sung các thông tin cần có cho việc chạy mô hình vào các mẫu hồ sơ khai thuế để thu thập đầy đủ các thông tin liên quan đến người nộp thuế phục vụ cho công tác phân tích, dự báo, lập dự toán thu ngân sách nhà nước.

d) Hoàn thiện các mô hình sẵn có và tiếp tục xây dựng các mô hình dự báo thu phù hợp với cơ sở dữ liệu hiện có của ngành thuế

- Tiếp tục hoàn thiện các mô hình dự báo thuế hiện hành (mô hình dự báo thuế theo tháng, mô hình dự báo thuế giá trị gia tăng theo bảng đầu vào đầu ra I-O, mô hình hồi quy tổng thể) thông qua việc cập nhật mới cơ sở dữ liệu, thông tin kinh tế vĩ mô, tiến hành đánh giá hiệu quả của mô hình và tính toán khoảng cách thuế để xác định mức độ tuân thủ của người nộp thuế.

- Nghiên cứu, xây dựng các mô hình dự báo thu đối với các sắc thuế trọng yếu mà các nước tiên tiến trên thế giới đang áp dụng.

e) Hoàn thiện quy trình dự báo thu

Hoàn thiện quy trình dự báo thu phù hợp với tiến trình cải cách hiện đại hóa phương pháp dự báo thu và các quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Ngân sách nhà nước và các pháp luật về thu ngân sách hiện hành.

7.2. Lộ trình thực hiện

7.2.1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

Chuẩn bị dự án và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng mô hình dự báo thu, lập dự toán thu ngân sách nhà nước:

+ Thành lập tổ triển khai đề án: Bố trí nguồn nhân lực phù hợp để triển khai đề án.

+ Hoàn thành việc tích hợp các mẫu biểu ban hành kèm theo Quyết định số 926/QĐ-TCT ngày 9/5/2018 lên ứng dụng DWH.

+ Rà soát hệ thống cơ sở dữ liệu hiện hành, xây dựng các quy chế phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan ngoài ngành để tập hợp thêm thông tin vào kho thông tin ngành thuế phục vụ công tác xây dựng các mô hình dự báo, lập dự toán thu ngân sách nhà nước.

b) Năm 2022

Tiếp tục hoàn thiện các mô hình dự báo hiện hành

+ Tiếp tục cập nhật thông tin kinh tế vĩ mô, thông tin về thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 để đánh giá các mô hình đang nghiên cứu trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện, chỉnh sửa các mô hình dự báo hiện hành.

+ Tiếp tục xây dựng các phần mềm tích hợp, lưu trữ thông tin thu thập được vào kho thông tin dự báo thu để phục vụ cho công tác chạy thử các mô hình đã lựa chọn.

b) Năm 2023

Tiếp tục hoàn thiện các mô hình dự báo hiện hành

+ Tiếp tục cập nhật thông tin kinh tế vĩ mô, thông tin về thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 để đánh giá các mô hình đang nghiên cứu trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện, chỉnh sửa các mô hình dự báo hiện hành.

+ Tiếp tục xây dựng các phần mềm tích hợp, lưu trữ thông tin thu thập được vào kho thông tin dự báo thu để phục vụ cho công tác chạy thử các mô hình đã lựa chọn.

c) Năm 2024

Mở rộng xây dựng các mô hình dự báo thu mới phù hợp với điều kiện của Việt Nam:

+ Tiếp tục triển khai khảo sát, nghiên cứu, học hỏi về dự báo thu đối với một số quốc gia có mô hình dự báo thu hiện đại mà Việt Nam có thể triển khai áp dụng.

+ Lựa chọn mô hình dự báo thu đối với một số sắc thuế lớn như: Thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp, bảo vệ môi trường... phù hợp với nguồn cơ sở dữ liệu sẵn có của Việt Nam.

+ Tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin cần thiết để xây dựng các mô hình dự báo thu đã lựa chọn.

+ Chạy thử và hiệu chỉnh mô hình.

d) Năm 2025

Mở rộng xây dựng các mô hình dự báo thu mới phù hợp với điều kiện của Việt Nam:

+ Tiếp tục triển khai khảo sát, nghiên cứu, học hỏi về dự báo thu đối với một số quốc gia có mô hình dự báo thu hiện đại mà Việt Nam có thể triển khai áp dụng.

+ Lựa chọn mô hình dự báo thu đối với một số sắc thuế lớn như: Thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp, bảo vệ môi trường... phù hợp với nguồn cơ sở dữ liệu sẵn có của Việt Nam.

+ Tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin cần thiết để xây dựng các mô hình dự báo thuế đã lựa chọn.

+ Chạy thử và hiệu chỉnh mô hình.

7.2.2. Đến năm 2030

- Mở rộng xây dựng các mô hình dự báo thu mới phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

+ Tiếp tục triển khai khảo sát, nghiên cứu, học hỏi về dự báo thu đối với một số quốc gia có mô hình dự báo thu hiện đại mà Việt Nam có thể triển khai áp dụng.

+ Lựa chọn mô hình dự báo thu đối với một số sắc thuế lớn như: Thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp, bảo vệ môi trường... phù hợp với nguồn cơ sở dữ liệu sẵn có của Việt Nam.

+ Tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin cần thiết để xây dựng các mô hình dự báo thuế đã lựa chọn.

+ Chạy thử và hiệu chỉnh mô hình

- Hoàn thiện các mô hình đã xây dựng, triển khai đánh giá mức độ hiệu quả và khả năng ứng dụng trong thực tiễn

+ Hoàn thiện các mô hình đã xây dựng thông qua việc cập nhật mới cơ sở dữ liệu và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.

+ Đánh giá mức độ hiệu quả và khả năng ứng dụng trong thực tiễn của các mô hình dự báo thu.

+ Tiến hành tính toán các khoảng cách thuế nhằm tính toán mức độ tuân thủ của người nộp thuế.

- Từng bước hoàn thiện quy trình phân tích, dự báo, lập dự toán thu ngân sách nhà nước phù hợp với phương pháp dự báo thu mới và các qui định của pháp luật về quản lý thuế, quản lý ngân sách nhà nước.

+ Trên cơ sở các mô hình đã lựa chọn, tiến hành cải tiến một bước phương pháp phân tích, dự báo thu, lập dự toán thu ngân sách nhà nước.

+ Xây dựng quy trình phân tích, dự báo trên cơ sở các mô hình đã triển khai xây dựng và các quy định của pháp luật về quản lý thuế, quản lý ngân sách nhà nước.

- Bổ sung, hoàn thiện tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực đánh giá, phân tích, lập dự toán thu ngân sách nhà ước.

+ Bổ sung, hoàn thiện tài liệu đào tạo phù hợp với quy trình phân tích, dự báo, lập dự toán trên cơ sở ứng dụng các phương pháp dự báo thu mới và các qui định của pháp luật về quản lý thuế, quản lý ngân sách nhà nước.

+ Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ phân tích, đánh giá, dự báo, lập dự toán thu ngân sách nhà nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./.Linh

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA NGƯỜI NỘP THUẾ ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra tiếp cận với các thông lệ quốc tế tốt thông qua việc: đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế phù hợp với định hướng xây dựng Chính phủ điện tử; tăng cường áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra kiểm tra thuế như là một biện pháp hiệu quả để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về thuế, giảm khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

- Tỷ lệ tờ khai thuế các sắc thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân của doanh nghiệp được kiểm tra tự động qua phần mềm ứng dụng có sử dụng bộ tiêu chí chấm điểm rủi ro của cơ quan thuế đạt 100%.
- Tỷ lệ người nộp thuế được lựa chọn để xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo rủi ro hàng năm bằng phần mềm ứng dụng quản lý rủi ro của cơ quan thuế đạt 90%.
- Tỷ lệ số cuộc thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thực hiện trong năm có số xử lý so với số cuộc thanh tra kiểm tra đã thực hiện trong năm đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế không quá 5%.
- Tỷ lệ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế đạt tối thiểu 30% trên tổng số công chức toàn ngành.

2. Đến năm 2030

- Tỷ lệ tất cả các tờ khai thuế được kiểm tra tự động qua phần mềm ứng dụng của cơ quan thuế đạt 100%.
- Tỷ lệ người nộp thuế được lựa chọn để xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo rủi ro hàng năm bằng phần mềm ứng dụng quản lý rủi ro của cơ quan thuế đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ số cuộc thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thực hiện trong năm có số xử lý so với số cuộc thanh tra, kiểm tra đã thực hiện trong năm đạt tối thiểu 92%.
- Tỷ lệ khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế không quá 3%.

- Tỷ lệ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế đạt tối thiểu 35% trên tổng số công chức toàn ngành.

III. NỘI DUNG

1. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra theo hướng áp dụng quản lý rủi ro trong các khâu thanh tra, kiểm tra thuế trên cơ sở kết quả đánh giá tuân thủ người nộp thuế và phân loại rủi ro người nộp thuế

- Xây dựng, nội dung hướng dẫn Luật Quản lý thuế về lĩnh vực thanh tra, kiểm tra thuế.

- Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế, kiểm tra thuế; quy trình nghiệp vụ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa và tích hợp cao; theo phương pháp quản lý rủi ro trong các khâu thanh tra, kiểm tra thuế; theo kết quả đánh giá tuân thủ người nộp thuế.

- Nghiên cứu và hướng dẫn các biện pháp áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế.

- Phối hợp xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

2. Hiện đại hóa công tác thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng áp dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, các ứng dụng công nghệ thông tin từ khâu thu thập, xác định đối tượng thanh tra, kiểm tra thuế đến khâu báo cáo, lưu trữ hồ sơ.

- Nâng cấp, tích hợp đồng bộ các ứng dụng hiện có phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế; khắc phục, hạn chế lỗi đảm bảo tính ổn định trong quá trình sử dụng; cải thiện hiệu năng, tốc độ của ứng dụng.

- Xây dựng mới và nâng cấp các ứng dụng kiểm tra tự động hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế.

- Xây dựng ứng dụng nhằm tự động hóa một số bước công việc thanh tra, kiểm tra dựa trên nền tảng quản lý thuế điện tử và kết nối dữ liệu tự động với bên thứ 3 (xác minh đối chiếu hóa đơn điện tử, đối chiếu số thu nộp, xác minh thông tin dữ liệu từ bên thứ ba thông qua kết nối dữ liệu tự động). Tiến tới áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Xây dựng ứng dụng thống kê, lưu trữ hồ sơ thanh tra, kiểm tra thuế trên kho dữ liệu ngành Thuế.

3. Tăng cường đổi mới loại hình, phương pháp và kỹ thuật thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro phù hợp với đặc điểm của từng nhóm người nộp thuế về quy mô, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về thuế, giảm khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế

a) Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro:

- Tăng cường thu thập xử lý thông tin dữ liệu, phân tích rủi ro để lựa chọn các doanh nghiệp có rủi ro đưa vào thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoàn thuế giá trị gia tăng theo rủi ro.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên đề đối với các ngành, nghề, lĩnh vực có rủi ro cao về thuế.

b) Tăng cường đổi mới loại hình, phương pháp và kỹ thuật thanh tra, kiểm tra thuế:

- Xây dựng và áp dụng các phương pháp, kỹ thuật thanh tra, kiểm tra phù hợp với đặc điểm của từng nhóm người nộp thuế về quy mô, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh.

- Giảm thời gian các cuộc thanh tra thông thường và tăng thời gian thanh tra giá chuyển nhượng.

- Tập trung tăng tỷ lệ kiểm tra (kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế, kiểm tra tại trụ sở NNT), giảm tỷ lệ thanh tra thông thường.

c) Phát triển các chương trình thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề ngăn chặn các hình thức trốn tránh thuế tinh vi, phức tạp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển khoa học công nghệ ngày càng sâu rộng của nền kinh tế như: thương mại điện tử; chuyển giá...

d) Nâng cao chất lượng cuộc thanh tra kiểm tra thuế, thực hiện đúng quy định, quy trình nghiệp vụ để giảm khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế.

e) Tăng cường phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế quốc tế.

4. Nghiên cứu, đề xuất kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ thanh tra, kiểm tra thuế đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chuyên sâu, chuyên nghiệp, liêm chính

a) Nghiên cứu, đề xuất kiện toàn hệ thống tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế tại Tổng cục Thuế: Kiện toàn bộ phận thanh tra kiểm tra thuế nhằm nâng cao vai trò chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ của Thanh tra Tổng cục đối với công tác thanh tra, kiểm tra thuế trong toàn ngành.

b) Nghiên cứu thành lập bộ phận điều tra thuế tại cơ quan thuế để nâng cao tính chủ động và thẩm quyền pháp lý của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi gian lận thuế.

c) Tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế:

- Bổ sung lực lượng thanh tra, kiểm tra thông qua việc tuyển dụng mới hoặc điều động luân chuyển trong nội bộ ngành Thuế.

- Cơ cấu lại nguồn nhân lực phù hợp với định hướng kiện toàn hệ thống tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế các cấp.

- Hoàn thiện chương trình, giáo trình và thực hiện đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra cơ bản; các kiến thức bổ trợ cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế như phân tích báo cáo tài chính, chuẩn mực kế toán...

- Hoàn thiện chương trình, giáo trình và tăng cường đào tạo bồi dưỡng kỹ năng thanh tra nâng cao, chuyên sâu theo ngành, lĩnh vực kinh doanh như: xây dựng cơ bản, kinh doanh bất động sản, chuyên giá, thương mại điện tử, ngân hàng...

- Thu thập, phối hợp với các nước/tổ chức quốc tế để tham khảo, xây dựng tài liệu và thực hiện đào tạo các kỹ năng, kinh nghiệm thanh tra quốc tế, nhất là thanh tra chuyển giá.

d) Nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của công chức thanh tra, kiểm tra thuế:

- Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát hoạt động đoàn thanh tra, kiểm tra thuế và Quy trình Nhật ký điện tử.

- Kế hoạch hóa công việc thanh tra, kiểm tra của từng bộ phận, công chức trong các đơn vị thanh tra, kiểm tra thuế để nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận, từng công chức.

- Đẩy mạnh đào tạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công vụ cho công chức thanh tra, kiểm tra thuế; đào tạo kỹ năng giao tiếp, ứng xử đối với người nộp thuế.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Xây dựng nội dung hướng dẫn Luật Quản lý thuế về lĩnh vực thanh tra, kiểm tra thuế.

- Hoàn thiện bộ tiêu chí phân tích rủi ro lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế; Hoàn thiện và xây dựng bộ tiêu chí kiểm tra tờ khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt.

- Nâng cấp, tích hợp đồng bộ các ứng dụng hiện có phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế (TPR, TTR, iTNK, TMS).

- Nghiên cứu nâng cấp ứng dụng kiểm tra tờ khai thuế giá trị gia tăng để tích hợp vào một ứng dụng kiểm tra nhiều tờ khai: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Hoàn thiện quy chế giám sát đoàn thanh tra, kiểm tra thuế; quy trình ghi nhật ký đoàn thanh tra, kiểm tra thuế.

- Kiện toàn, nâng cấp tổ chức bộ máy Thanh tra Kiểm tra thuế tại Tổng cục.

- Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế, Quy trình kiểm tra thuế.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các đơn vị liên quan phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Hoàn thiện, sửa đổi bổ sung giáo trình và triển khai đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra cơ bản; kỹ năng nâng cao và chuyên sâu.

- Bổ sung nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Đào tạo nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Xây dựng và triển khai các chuyên đề thanh tra, kiểm tra thuế (hoàn thuế giá trị gia tăng, giao dịch liên kết, chuyên đề theo lĩnh vực, ngành nghề có rủi ro cao).

- Đánh giá, rà soát và hoàn thiện việc cập nhật cơ sở dữ liệu người nộp thuế phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.

- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tăng cường phối hợp quốc tế phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Thực hiện phân công công việc đến từng bộ phận, cán bộ công chức trong các đơn vị thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tăng cường thanh tra giá chuyển nhượng, đẩy mạnh kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.

b) Năm 2022

- Tiếp tục hoàn thiện bộ tiêu chí phân tích rủi ro lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế.

- Xây dựng và hoàn thiện ứng dụng kiểm tra tích hợp nhiều tờ khai thuế: Tờ khai thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp... vào một ứng dụng.

- Tiếp tục nâng cấp, tích hợp đồng bộ các ứng dụng hiện có phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế (TPR, TTR, iTNK, TMS).

- Nghiên cứu xây dựng ứng dụng thống kê, lưu trữ hồ sơ thanh tra kiểm tra thuế trên kho dữ liệu ngành Thuế.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp quy chế giám sát đoàn thanh tra, kiểm tra thuế; quy trình ghi nhật ký đoàn thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Hoàn thành việc nâng cấp tổ chức bộ máy Thanh tra Kiểm tra thuế tại Tổng cục.
 - Xây dựng, tham gia xây dựng Pháp luật liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế, Quy trình kiểm tra thuế phù hợp với pháp luật liên quan.
 - Tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi bổ sung giáo trình và triển khai đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra cơ bản; kỹ năng nâng cao và chuyên sâu.
 - Tiếp tục đánh giá, rà soát và hoàn thiện việc cập nhật cơ sở dữ liệu người nộp thuế phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tiếp tục xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các đơn vị liên quan phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tiếp tục bổ sung nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tiếp tục đào tạo đào tạo nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Xây dựng và triển khai các chuyên đề thanh tra, kiểm tra thuế (hoàn thuế giá trị gia tăng, giao dịch liên kết, thương mại điện tử, các ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao).
 - Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tăng cường phối hợp quốc tế phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Thực hiện phân công công việc đến từng bộ phận, từng công chúc trong các đơn vị thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tăng cường thanh tra giá chuyển nhượng, đẩy mạnh kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.
- c) Năm 2023
- Tiếp tục hoàn thiện bộ tiêu chí phân tích rủi ro lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế; bộ tiêu chí phục vụ kiểm tra các tờ khai thuế.
 - Nâng cấp ứng dụng kiểm tra nhiều tờ khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt và xây dựng mới ứng dụng kiểm tra hồ sơ khai thuế tại Cơ quan thuế đối với các tờ khai thuế khác.
 - Tiếp tục nâng cấp, tích hợp đồng bộ các ứng dụng hiện có phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế (TPR, TTR, iTNK, TMS).

- Xây dựng ứng dụng thống kê, lưu trữ hồ sơ thanh tra, kiểm tra thuế trên kho dữ liệu ngành Thuế.
 - Tiếp tục hoàn thiện quy chế giám sát đoàn thanh tra, kiểm tra thuế; quy trình ghi nhật ký đoàn thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Xây dựng, tham gia xây dựng Pháp luật liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế, Quy trình kiểm tra thuế phù hợp với pháp luật liên quan.
 - Xây dựng, triển khai thanh tra, kiểm tra một số chuyên đề (hoàn thuế giá trị gia tăng, giao dịch liên kết, các ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao).
 - Tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi bổ sung giáo trình, tài liệu về thanh tra, kiểm tra thuế và triển khai đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra cơ bản; kỹ năng nâng cao và chuyên sâu.
 - Tiếp tục đánh giá, rà soát và hoàn thiện việc cập nhật cơ sở dữ liệu người nộp thuế phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tiếp tục xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các đơn vị liên quan phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tiếp tục bổ sung nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Xây dựng và triển khai các chuyên đề thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên máy tính.
 - Tăng cường phối hợp quốc tế phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Thực hiện phân công công việc đến từng bộ phận, cán bộ công chức trong các đơn vị thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tăng cường thanh tra giá chuyển nhượng, đẩy mạnh kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.
- d) Năm 2024
- Tiếp tục hoàn thiện bộ tiêu chí phân tích rủi ro lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế; bộ tiêu chí phục vụ công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế.
 - Tiếp tục nâng cấp ứng dụng kiểm tra hồ sơ khai thuế tại Cơ quan thuế.
 - Tiếp tục nâng cấp, tích hợp đồng bộ các ứng dụng hiện có phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế (TPR, TTR, iTNK, TMS).

- Tiếp tục xây dựng ứng dụng thống kê, lưu trữ hồ sơ thanh tra, kiểm tra thuế trên kho dữ liệu ngành Thuế.
 - Tiếp tục hoàn thiện quy chế giám sát đoàn thanh tra, kiểm tra thuế; quy trình ghi nhật ký đoàn thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Xây dựng, tham gia xây dựng Pháp luật liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế, Quy trình kiểm tra thuế phù hợp với pháp luật liên quan.
 - Tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi bổ sung giáo trình, tài liệu về công tác thanh tra, kiểm tra thuế và triển khai đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra cơ bản; kỹ năng nâng cao và chuyên sâu; thuế quốc tế.
 - Tiếp tục đánh giá, rà soát và hoàn thiện việc cập nhật cơ sở dữ liệu người nộp thuế phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tiếp tục xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các đơn vị liên quan phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Bổ sung nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tăng cường phối hợp trong nước và quốc tế phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Xây dựng và triển khai các chuyên đề thanh tra, kiểm tra thuế (hoàn thuế giá trị gia tăng, giao dịch liên kết, các ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao).
 - Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên máy tính.
 - Thực hiện phân công công việc đến từng bộ phận, từng công chức trong các đơn vị thanh tra, kiểm tra thuế.
 - Tăng cường thanh tra giá chuyển nhượng, đẩy mạnh kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.
- e) Năm 2025
- Tiếp tục hoàn thiện bộ tiêu chí phân tích rủi ro lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế; Hoàn thiện và xây mới các bộ tiêu chí phục vụ kiểm tra tờ khai thuế.
 - Tiếp tục nâng cấp, tích hợp đồng bộ các ứng dụng hiện có phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế (TPR, TTR, iTNK, TMS, ứng dụng giám sát đoàn thanh tra, kiểm tra; ứng dụng kiểm tra tờ khai thuế); xây dựng ứng dụng thống kê, lưu trữ hồ sơ thanh tra, kiểm tra thuế trên kho dữ liệu ngành Thuế.

- Tiếp tục hoàn thiện quy chế giám sát đoàn thanh tra, kiểm tra thuế; quy trình ghi nhật ký đoàn thanh tra, kiểm tra thuế.
- Xây dựng, tham gia xây dựng Pháp luật liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
- Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế, Quy trình kiểm tra thuế phù hợp với pháp luật liên quan.
- Tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi bổ sung giáo trình, tài liệu về thanh tra kiểm tra thuế và triển khai đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra cơ bản; kỹ năng nâng cao và chuyên sâu; thuế quốc tế.
- Tiếp tục đánh giá, rà soát và cập nhật cơ sở dữ liệu người nộp thuế phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.
- Tiếp tục xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài nước phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
- Xây dựng và triển khai các chuyên đề thanh tra, kiểm tra thuế (hoàn thuế giá trị gia tăng, giao dịch liên kết, các ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao).
- Bổ sung nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
- Tiếp tục ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
- Thực hiện phân công công việc đến từng bộ phận, cán bộ công chức trong các đơn vị thanh tra, kiểm tra thuế.
- Tăng cường thanh tra giá chuyển nhượng; đẩy mạnh kiểm tra tại cơ quan thuế.

2. Đến năm 2030

- Nghiên cứu đề xuất bổ sung cơ quan thuế là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.
- Xây dựng, tham gia xây dựng pháp luật liên quan đến công tác quản lý thuế; thanh tra, kiểm tra thuế.
- Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế, quy trình kiểm tra thuế phù hợp với pháp luật liên quan.
- Tiếp tục nâng cấp, tích hợp đồng bộ các ứng dụng hiện có phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế (TPR, TTR, iTNK, TMS, ứng dụng kiểm tra tờ khai thuế...); xây mới các ứng dụng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
- Xây dựng ứng dụng thống kê, lưu trữ hồ sơ thanh kiểm tra thuế trên kho dữ liệu ngành Thuế.
- Tăng cường áp dụng quản lý rủi ro vào phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tiếp tục hoàn thiện quy chế giám sát đoàn thanh tra, kiểm tra thuế; quy trình ghi nhật ký đoàn thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi bổ sung giáo trình, tài liệu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế và triển khai đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra cơ bản; kỹ năng nâng cao và chuyên sâu; thanh tra kiểm tra thuế quốc tế.

- Hoàn thiện xây dựng nguồn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp, trao đổi với các đơn vị liên quan trong và ngoài nước phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Xây dựng và triển khai các chuyên đề thanh tra, kiểm tra thuế.

- Bổ sung nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế, trong đó chú trọng công tác thanh tra thuế quốc tế.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./. Linh

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIÉU NẠI, TỐ CÁO VÀ TỐ TỤNG VỀ THUẾ ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Hiệu quả, hiệu lực công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế, được nâng cao, phù hợp với quy định pháp luật và sát với thực tiễn của ngành. Thủ tục, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế được hoàn thiện theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế. Công tác kiểm soát nội ngành được tăng cường, đảm bảo nghiêm minh trong thực thi pháp luật thuế và kỷ cương kỷ luật của ngành, ngăn chặn những hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của công chức thuế đối với người nộp thuế.

Đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động pháp chế, tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra xử lý văn bản về thuế; nâng cao năng lực của công chức thuế khi thực hiện công tác giám định tư pháp về thuế, tham gia các thủ tục tố tụng hành chính, tố tụng hình sự trong các vụ việc, vụ án có liên quan đến thuế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

- Đảm bảo 100% đơn giải quyết khiếu nại đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Thời gian trung bình giải quyết các vụ khiếu nại về thuế: Phần đầu giảm 5% số ngày theo quy định của Luật Khiếu nại.

- 60% công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giám định tư pháp; công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng.

- 60% công chức làm công tác pháp chế được đào tạo về công tác pháp chế.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật do Tổng cục Thuế chủ trì soạn thảo được kiểm tra.

- 80% văn bản hành chính giải thích chính sách, chế độ, xử lý các vướng mắc liên quan đến chính sách, chế độ hoặc hướng dẫn nghiệp vụ do Tổng cục Thuế ban hành hoặc trình Bộ Tài chính ban hành được kiểm tra.

- 60% văn bản hành chính giải thích chính sách, chế độ, xử lý các vướng mắc liên quan đến chính sách, chế độ hoặc hướng dẫn nghiệp vụ do Cục Thuế, Chi cục Thuế ban hành được kiểm tra.

2. Đến năm 2030

- Tăng cường nhân lực cho Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng để đảm đương các công việc theo chức năng nhiệm vụ nhằm giữ vững kỷ cương, kỷ luật và phòng chống tham nhũng trên toàn hệ thống thuế.
- Tiếp tục duy trì 100% đơn giải quyết khiếu nại đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
- Thời gian trung bình giải quyết các vụ khiếu nại về thuế: Phản ánh giảm 10% số ngày theo quy định của Luật Khiếu nại.
- 80% công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giám định tư pháp; công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng.
- 80% công chức làm công tác pháp chế được đào tạo về công tác pháp chế.
- Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận đơn khiếu nại bằng phương thức điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế để có thể tra cứu, theo dõi quá trình giải quyết của cơ quan thuế các cấp.
- 100% văn bản quy phạm pháp luật do Tổng cục Thuế chủ trì soạn thảo được kiểm tra.
- 100% văn bản hành chính giải thích chính sách, chế độ, xử lý các vướng mắc liên quan đến chính sách, chế độ hoặc hướng dẫn nghiệp vụ do Tổng cục Thuế ban hành hoặc trình Bộ Tài chính ban hành được kiểm tra.
- 80% văn bản hành chính giải thích chính sách, chế độ, xử lý các vướng mắc liên quan đến chính sách, chế độ hoặc hướng dẫn nghiệp vụ do Cục Thuế, Chi cục Thuế ban hành được kiểm tra.

III. NỘI DUNG

1. Về thể chế

- Xây dựng Quy chế kiểm tra công vụ và xử lý trách nhiệm đối với công chức, viên chức trong ngành Thuế.
- Xây dựng Quy chế tham vấn đối với công tác giải quyết khiếu nại về thuế đối với những vụ việc khiếu nại phức tạp nhằm đẩy mạnh có hiệu quả công tác giải quyết đơn khiếu nại.
- Sửa đổi bổ sung kịp thời Quy chế, Quy trình giải quyết khiếu nại; Quy chế, Quy trình giải quyết tố cáo; Quy chế, Quy trình Kiểm tra nội bộ bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật khi có sửa đổi, bổ sung và sát với thực tiễn của ngành.
- Sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí đánh giá rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm kịp thời phù hợp với thực tiễn công tác quản lý thuế.
- Xây dựng Quy trình về việc tiếp nhận đơn khiếu nại bằng phương thức điện tử tại cơ quan thuế các cấp.

- Xây dựng Quy trình kiểm tra nội bộ bằng ứng dụng công nghệ thông tin đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...)

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình tố tụng về thuế phù hợp với thực tiễn công tác quản lý thuế và khi có những cải cách, thay đổi về chủ trương, chính sách thuế.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung những điểm bất cập trong hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để đảm bảo tính thống nhất, có tính khả thi cao trong thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

- Nâng cao năng lực của công chức thuế khi tham gia các thủ tục tố tụng hành chính, tố tụng hình sự trong các vụ việc, vụ án có liên quan đến thuế.

2. Về ứng dụng công nghệ thông tin

- Nâng cấp ứng dụng kiểm tra nội bộ nhằm hỗ trợ cho việc quản lý, chỉ đạo, giám sát công tác kiểm tra nội bộ, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng trong toàn ngành.

- Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận đơn khiếu nại bằng phương thức điện tử tại cơ quan thuế các cấp.

- Nâng cấp ứng dụng Kiểm tra nội bộ để áp dụng quản lý rủi ro trong xây dựng kế hoạch Kiểm tra nội bộ hàng năm.

- Xây dựng ứng dụng kiểm tra nội bộ đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...)

- Hoàn thiện ứng dụng công khai các bước giải quyết khiếu nại trên công thông tin điện tử ngành Thuế.

- Nghiên cứu, xây dựng một số ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra văn bản, theo dõi, báo cáo công tác xử phạt vi phạm hành chính về thuế, tố tụng hành chính về thuế và công tác bồi thường nhà nước.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực bộ phận giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế

- Thành lập Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng trên cơ sở Vụ Kiểm tra nội bộ trong đó cơ cấu tổ chức theo mô hình có cấp phòng để đảm bảo tính độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ để đảm bảo việc giữ vững kỷ cương, kỷ luật và phòng chống tham nhũng trên toàn hệ thống thuế.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức làm công tác giám định tư pháp về thuế, kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng; đào tạo cho cán bộ, công chức làm công tác pháp chế về công tác pháp chế, tập trung công tác tham mưu tổ tụng về thuế, thẩm định văn bản trong toàn ngành.

- Kiến nghị xử lý nghiêm các công chức, viên chức có hành vi tham nhũng và xem xét trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị.
- Xây dựng tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác pháp chế.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia pháp lý về tố tụng hành chính.

4. Nâng cao tính hiệu quả và hiệu lực trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và tố tụng về thuế

- Xây dựng và hoàn thiện kỹ năng kiểm tra nội bộ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung của toàn ngành: Văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ bằng phương thức điện tử trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung của toàn ngành.

- Đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động pháp chế, tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra xử lý văn bản về thuế.

- Tổ chức đối thoại bằng hình thức họp trực tuyến trong quá trình giải quyết khiếu nại trong trường hợp cần thiết.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát tài sản thu nhập hàng năm tại các đơn vị, tổ chức tại cơ quan thuế các cấp theo thẩm quyền quản lý.

- Thực hiện tổ chức công tác giám định tư pháp về thuế.

- Thực hiện công tác tham gia tố tụng hành chính, kiểm tra văn bản, theo dõi thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường nhà nước với sự hỗ trợ của ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan thuế với các ngành chức năng, đơn vị liên quan trong và ngoài ngành, nhất là thực hiện quy chế phối hợp giữa ngành Thuế với cơ quan công an, cơ quan địa chính để xác minh và xử lý có hiệu quả các vụ việc.

- Cập nhật thông tin kịp thời lên cổng thông tin điện tử ngành Thuế để công khai các bước giải quyết khiếu nại về thuế theo đúng quy định.

- Triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế.

- Tăng cường triển khai thực hiện công tác kiểm soát nội ngành.

- Tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung cải cách về pháp chế và kiểm tra nội bộ nêu trên, dự kiến lộ trình thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn và từng năm.

1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Thành lập Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng trên cơ sở Vụ Kiểm tra nội bộ để đảm bảo tính độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ để đảm bảo việc giữ vững kỷ cương, kỷ luật và phòng chống tham nhũng trên toàn hệ thống thuế.

- Ban hành Quy chế kiểm tra văn bản tại cơ quan thuế các cấp.

- Phân tích nghiệp vụ công tác xử lý vi phạm hành chính, tham gia tố tụng hành chính về thuế, kiểm tra văn bản, bồi thường nhà nước; Xác định các yêu cầu công việc cần ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Phân tích các ứng dụng hiện có để đánh giá thực trạng, nâng cấp ứng dụng hoặc xây dựng ứng dụng mới cho công tác theo dõi xử lý vi phạm hành chính, tố tụng hành chính về thuế (tổng hợp số liệu về các vụ án hành chính thuế và thi hành án hành chính về thuế), kiểm tra văn bản, bồi thường nhà nước đáp ứng yêu cầu tổng hợp báo cáo.

- Xây dựng đề cương chi tiết, biên soạn tài liệu bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng về công tác pháp chế.

- Tổ chức đối thoại bằng hình thức họp trực tuyến trong quá trình giải quyết khiếu nại trong trường hợp cần thiết.

- Xây dựng Quy chế tham vấn đối với công tác giải quyết khiếu nại về thuế theo quy định đối với những vụ việc khiếu nại phức tạp nhằm đẩy mạnh có hiệu quả công tác giải quyết đơn khiếu nại.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng đạt tỷ lệ 20% trên tổng số công chức làm công tác kiểm tra nội bộ trong toàn ngành.

- Triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế; tăng cường triển khai thực hiện công tác kiểm soát nội ngành; tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.

b) Năm 2022

- Triển khai thực hiện ứng dụng lập biên bản vi phạm hành chính điện tử.

- Tiếp tục xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính về thuế, tham gia tố tụng hành chính về thuế, kiểm tra văn bản, bồi thường nhà nước.

- Tổ chức thực hiện công tác giám định tư pháp về thuế.

- Hoàn thành việc biên soạn tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác pháp chế.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng đạt tỷ lệ 30% trên tổng số công chức làm công tác kiểm tra nội bộ trong toàn ngành.

- Cập nhật thông tin kịp thời lên công thông tin điện tử ngành Thuế để công khai các bước giải quyết khiếu nại về thuế theo đúng quy định.

- Triển khai thực hiện Quy chế tham vấn đối với công tác giải quyết khiếu nại về thuế đến các Cục Thuế và Chi cục Thuế.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế; tăng cường triển khai thực hiện công tác kiểm soát nội ngành; tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.

c) Năm 2023

- Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin đã được nâng cấp/xây dựng mới để khai thác, tổng hợp dữ liệu, số liệu về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, tham gia tố tụng hành chính về thuế, kiểm tra văn bản và bồi thường nhà nước.

- Nâng cấp ứng dụng kiểm tra nội bộ nhằm hỗ trợ cho việc quản lý, chỉ đạo, giám sát công tác kiểm tra nội bộ, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng trong toàn ngành.

- Sửa đổi bổ sung kịp thời Quy chế, Quy trình giải quyết khiếu nại; Quy chế, Quy trình giải quyết tố cáo; Quy chế, Quy trình Kiểm tra nội bộ bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật khi có sửa đổi, bổ sung và sát với thực tiễn của ngành.

- Nghiên cứu xây dựng Quy trình kiểm tra nội bộ bằng ứng dụng công nghệ thông tin đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...).

- Tiếp tục tổ chức thực hiện công tác giám định tư pháp về thuế.

- Tiến hành đào tạo về công tác pháp chế cho tối thiểu 40% công chức làm công tác pháp chế.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giám định tư pháp về thuế cho tối thiểu 40% công chức làm công tác giám định tư pháp.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng đạt tỷ lệ 40% trên tổng số công chức làm công tác kiểm tra nội bộ trong toàn ngành.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế; tăng cường triển khai thực hiện công tác kiểm soát nội ngành; tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.

d) Năm 2024

- Sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí đánh giá rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm.

- Xây dựng Quy trình về việc tiếp nhận đơn khiếu nại bằng phương thức điện tử tại cơ quan thuế các cấp.

- Triển khai thí điểm việc kiểm tra nội bộ bằng ứng dụng công nghệ thông tin đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...)

- Thực hiện công tác tham gia tố tụng hành chính, kiểm tra văn bản, theo dõi thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường nhà nước với sự hỗ trợ của ứng dụng công nghệ thông tin; tổ chức thực hiện công tác giám định tư pháp về thuế.

- Khai thác dữ liệu từ các ứng dụng công nghệ thông tin về số liệu báo cáo về công tác xử phạt vi phạm hành chính, kiểm tra văn bản, tố tụng hành chính.

- Tiếp tục đào tạo về công tác pháp chế, mục tiêu đến hết năm 2024, 50% công chức làm công tác pháp chế được đào tạo.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giám định tư pháp về thuế cho tối thiểu 50% công chức làm công tác giám định tư pháp.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng đạt tỷ lệ 50% trên tổng số công chức làm công tác kiểm tra nội bộ trong toàn ngành.

- Xây dựng Quy chế kiểm tra công vụ và xử lý trách nhiệm đối với công chức, viên chức trong ngành Thuế.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế; tăng cường triển khai thực hiện công tác kiểm soát nội ngành; tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.

e) Năm 2025

- Xây dựng và hoàn thiện kỹ năng kiểm tra nội bộ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung của toàn ngành: Văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ bằng phương thức điện tử trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung của toàn ngành.

- Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận đơn khiếu nại bằng phương thức điện tử tại cơ quan thuế các cấp.

- Tổ chức thực hiện công tác giám định tư pháp về thuế.

- Các hoạt động liên quan đến kiểm tra văn bản, theo dõi thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, theo dõi các bản án hành chính về thuế, bồi thường nhà nước cơ bản được thực hiện, tổng hợp báo cáo thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin;

- Hoàn thiện và ban hành Quy trình kiểm tra nội bộ bằng ứng dụng công nghệ thông tin đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...)

- Nâng cấp ứng dụng Kiểm tra nội bộ để áp dụng quản lý rủi ro trong xây dựng kế hoạch Kiểm tra nội bộ hàng năm.

- Xây dựng ứng dụng kiểm tra nội bộ đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...)

- Thực hiện đào tạo về công tác pháp chế, mục tiêu đến hết năm 2025, 60% công chức làm công tác pháp chế được đào tạo.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giám định tư pháp về thuế cho tối thiểu 60% công chức làm công tác giám định tư pháp.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng đạt tỷ lệ 60% số công chức làm công tác kiểm tra nội bộ trong toàn ngành.

- Nâng cấp ứng dụng công khai các bước giải quyết khiếu nại trên cổng thông tin điện tử ngành Thuế.

- Tổng kết đánh giá việc thực hiện Quy chế tham vấn đối với công tác giải quyết khiếu nại về thuế, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tế phát sinh (nếu có); đồng thời tiến tới nghiên cứu xử lý theo cơ chế tài phán trong giải quyết khiếu nại khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế; tăng cường triển khai thực hiện công tác kiểm soát nội ngành; tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.

2. Đến năm 2030

- Rà soát pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế để kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các Quy trình, Quy chế liên quan đến kiểm tra văn bản, cấp ý kiến pháp lý, thẩm định văn bản và tố tụng hành chính thuế đáp ứng yêu cầu của pháp luật có liên quan nói chung và yêu cầu quản lý thuế nói riêng.

- Sửa đổi bổ sung kịp thời Quy chế, Quy trình giải quyết khiếu nại; Quy chế, Quy trình giải quyết tố cáo; Quy chế, Quy trình Kiểm tra nội bộ bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và sát với thực tiễn của ngành.

- Triển khai ứng dụng Kiểm tra nội bộ để áp dụng quản lý rủi ro đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác

quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...) trong phạm vi toàn ngành.

- Tiếp tục thực hiện công tác giám định tư pháp về thuế.
- Tiếp tục nâng cấp các ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ công tác kiểm tra văn bản, theo dõi xử phạt vi phạm hành chính về thuế, tham gia tố tụng hành chính về thuế và bồi thường nhà nước.
- Tiếp tục nâng cao kỹ năng kiểm tra nội bộ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung cho công chức làm công tác kiểm tra nội bộ.
- Tiếp tục nâng cấp ứng dụng kiểm tra nội bộ nhằm hỗ trợ cho việc quản lý, chỉ đạo, giám sát công tác kiểm tra nội bộ, khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng trong toàn ngành.
- Nghiên cứu, ứng dụng giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ công tác kiểm tra văn bản.
- Nghiên cứu, ứng dụng giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ công tác kiểm tra nội bộ.
- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác pháp chế trên cơ sở tổng kết từ hoạt động đào tạo và yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn mới.
- Thực hiện đào tạo cho cán bộ, công chức làm công tác pháp chế về công tác pháp chế, mục tiêu đến hết năm 2030, 80% cán bộ làm công tác pháp chế được đào tạo các kỹ năng cơ bản.
- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giám định tư pháp về thuế cho tối thiểu 80% công chức làm công tác giám định tư pháp.
- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng, mục tiêu đến hết năm 2030 đạt tỷ lệ 80% số công chức làm công tác kiểm tra nội bộ trong toàn ngành.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia pháp lý về tố tụng hành chính.
- Tiếp tục cập nhật thông tin kịp thời lên cổng thông tin điện tử ngành Thuế để công khai các bước giải quyết khiếu nại về thuế theo đúng quy định.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát tài sản thu nhập hàng năm tại các đơn vị, tổ chức tại cơ quan thuế các cấp theo thẩm quyền quản lý.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan thuế với các ngành chức năng, đơn vị liên quan trong và ngoài ngành, nhất là thực hiện quy chế phối hợp giữa ngành Thuế với cơ quan công an, cơ quan địa chính để xác minh và xử lý có hiệu quả các vụ việc.
- Kiến nghị xử lý nghiêm các công chức, viên chức có hành vi tham nhũng và xem xét trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế; tăng cường triển khai thực hiện công tác kiểm soát nội ngành; tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./. Uỷ ban

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Thu hồi nợ thuế đúng, đủ, kịp thời, giảm nợ đọng thuế và chống thất thu ngân sách nhà nước. Nâng cao chất lượng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo hướng: đơn giản hoá các thủ tục quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, giảm nợ đọng thuế; áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

a) Các quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế được hoàn thiện đáp ứng những thay đổi của kinh tế - xã hội và yêu cầu thực tiễn của Việt Nam, phù hợp với Luật Quản lý thuế và thông lệ quốc tế.

b) Xây dựng chỉ tiêu thu nợ thuế làm căn cứ chỉ đạo, điều hành và là tiêu chuẩn đánh giá công tác quản lý nợ:

- Tỷ lệ tổng tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12 hàng năm so với số thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thu được trong năm không vượt quá 8% (trong đó phần đầu tỷ lệ nợ đọng về thuế, phí dưới 5% tổng số thu ngân sách nhà nước).

- Tỷ lệ thu nợ đạt tối thiểu 80% nợ có khả năng thu thời điểm 31/12 năm trước chuyển sang.

2. Đến năm 2030

a) Xây dựng cơ chế chính sách, pháp lý đồng bộ (sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Luật Quản lý thuế để đảm bảo phù hợp với thực tiễn).

b) Xây dựng chỉ tiêu thu nợ thuế làm căn cứ chỉ đạo, điều hành và là tiêu chuẩn đánh giá công tác quản lý nợ:

- Tỷ lệ tổng tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12 hàng năm so với số thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thu được trong năm không vượt quá 7% (trong đó phần đầu tỷ lệ nợ đọng về thuế, phí dưới 5% tổng số thu ngân sách nhà nước).

- Tỷ lệ thu nợ đạt tối thiểu 90% nợ có khả năng thu thời điểm 31/12 năm trước chuyển sang.

III. NỘI DUNG

1. Hoàn thiện thể chế và quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đáp ứng những thay đổi của kinh tế - xã hội, phù hợp với thông lệ quốc tế

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các quy định về khoanh nợ /xóa nợ đối với các khoản nợ của người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

- Đơn giản hóa các thủ tục quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ để nâng cao hiệu quả quản lý, giám thiểu thời gian xử lý công việc, giám nợ đọng thuế.

- Nghiên cứu ban hành quyền hạn của cơ quan thuế trong thu hồi nợ, thủ tục rút gọn nhằm tự động xoá nợ/thu hồi các khoản nợ nhỏ.

- Tái thiết kế quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, hiệu quả, đồng bộ với thời gian có hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Nghiên cứu các biện pháp thu nợ phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước; quy chế phối hợp giữa Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Bộ Công thương, Bộ Công an, Tòa án... phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

2. Áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

- Xây dựng bộ tiêu chí quản lý rủi ro trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

- Nghiên cứu việc áp dụng các phương pháp thu nợ khác nhau tùy theo tính chất của khoản nợ, tình hình thực tế của người nộp thuế; phân tích sâu về nợ thuế nhằm xác định các khoản nợ có thể và không thể thu hồi (theo tuổi nợ, loại nợ, địa bàn và mức độ phức tạp).

- Xây dựng phương pháp dự báo số nợ thuế và dự báo ảnh hưởng của sự thay đổi các nhân tố bên ngoài (kinh tế hay lập pháp) tới số thuế nợ của người nộp thuế.

3. Kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực của bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại cơ quan thuế các cấp

- Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức cơ bản và chuyên sâu cho công chức làm công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; đào tạo công chức theo hướng hiện đại hóa và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng cẩm nang, tài liệu đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

- Nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế phù hợp với lộ trình thay đổi của chính sách và các quy trình nghiệp vụ.

- Xây dựng, hoàn thiện, bổ sung hệ thống các mẫu biểu báo cáo đáp ứng quy định về chế độ báo cáo kế toán, thống kê... báo cáo tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành quản lý nợ.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Rà soát, sửa đổi quy trình quản lý nợ và quy trình cưỡng chế nợ thuế đáp ứng sự thay đổi của chính sách.

- Nâng cao kỹ năng, năng lực chuyên môn của công chức làm công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, bắt kịp những thay đổi mới trong chính sách.

- Nâng cấp các ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng các thay đổi của chính sách và quy trình nghiệp vụ.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn các nghiệp vụ mới, nâng cao năng lực đội ngũ công chức làm công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

b) Năm 2022

- Ban hành, hướng dẫn triển khai quy trình quản lý nợ và quy trình cưỡng chế nợ thuế trên toàn quốc.

- Tiếp tục nghiên cứu, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin để phù hợp với thực tế thay đổi của quy trình.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn các nghiệp vụ mới, nâng cao năng lực đội ngũ công chức làm công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

- Nghiên cứu xây dựng các biện pháp theo dõi, xử lý số nợ thuế của nhóm người nộp thuế lớn.

c) Năm 2023

- Triển khai áp dụng các biện pháp theo dõi, xử lý số nợ thuế của nhóm người nộp thuế lớn.

- Nghiên cứu xây dựng các quy định về khoanh nợ /xóa nợ đối với các khoản nợ của người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

- Nghiên cứu soạn thảo bộ cảm nang đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo hướng áp dụng thực tế và chuyên sâu.

- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, bước đầu nghiên cứu xây dựng quyền hạn của cơ quan thuế trong việc xoá nợ/thu hồi các khoản nợ nhỏ.

- Tiếp tục nghiên cứu, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin.

d) Năm 2024

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng quyền hạn của cơ quan thuế trong việc xoá nợ/thu hồi các khoản nợ nhỏ.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các ngành Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn các nghiệp vụ mới, nâng cao năng lực đội ngũ công chức làm công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

- Tiếp tục nghiên cứu, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin.

e) Năm 2025

- Nghiên cứu việc áp dụng các phương pháp thu nợ khác nhau tùy theo tính chất của khoản nợ, tình hình thực tế của người nộp thuế; phân tích sâu về nợ thuế nhằm xác định các khoản nợ có thể và không thể thu hồi (theo tuổi nợ, loại nợ, địa bàn và mức độ phức tạp).

- Khảo sát kinh nghiệm quốc tế để xây dựng phương pháp dự báo số nợ thuế và dự báo ảnh hưởng của sự thay đổi các nhân tố bên ngoài (kinh tế hay lập pháp) tới số thuế nợ của người nộp thuế.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng, kiến thức cho đội ngũ công chức làm công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

2. Đến năm 2030

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế trong Luật Quản lý thuế.

- Đề xuất thay đổi quy định, quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và lộ trình thay đổi của chính sách.

- Xây dựng bộ tiêu chí rủi ro trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

- Xây dựng các phương pháp thu nợ khác nhau tùy theo tính chất của khoản nợ, tình hình thực tế của người nộp thuế; phân tích sâu về nợ thuế nhằm xác định các khoản nợ có thể và không thể thu hồi (theo tuổi nợ, loại nợ, địa bàn và mức độ phức tạp).

- Xây dựng và đưa vào áp dụng các phương pháp dự báo số nợ thuế và dự báo ảnh hưởng của sự thay đổi các nhân tố bên ngoài (kinh tế hay lập pháp) tới số thuế nợ của người nộp thuế.

- Nâng cấp, hoàn thiện ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự thay đổi của quy định, quy trình.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Bộ Công thương, Bộ Công an, Tòa án trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./. 

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

CÁI CÁCH CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ QUỐC TẾ ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Năng lực quản lý thuế quốc tế được nâng cao thông qua việc xây dựng chiến lược đàm phán hiệp định tránh đánh thuế hai lần phù hợp với tình hình mới, đối tác mới và các quy trình áp dụng Hiệp định thuế, trao đổi thông tin, thủ tục thoả thuận song phương.

Các quy định và biện pháp quản lý thuế quốc tế mới về thanh tra giá chuyển nhượng, thanh tra kiểm tra hoạt động thương mại điện tử và chống trốn thuế, tránh thuế được ban hành. Phương pháp quản lý rủi ro trong công tác quản lý thuế quốc tế được áp dụng. Các chương trình hợp tác về quản lý thuế quốc tế với cơ quan thuế các nước và các tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới được thực hiện.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

a) Khung pháp lý tổng thể về thuế quốc tế được xây dựng đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý thuế của Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

b) Các quy trình liên quan đến thuế quốc tế và thương mại điện tử xuyên biên giới; sổ tay thanh tra giá chuyển nhượng được xây dựng và ban hành đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý thuế của Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

c) Các cam kết quốc tế của các Diễn đàn mà Việt Nam tham gia với tư cách là thành viên được đảm bảo thực hiện.

d) Bộ nguyên tắc đàm phán hiệp định thuế và mẫu hiệp định thuế mới được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng với nhu cầu mới của Việt Nam.

đ) Chương trình đào tạo thuế quốc tế cơ bản và nâng cao được xây dựng nhằm trang bị kiến thức và kinh nghiệm quản lý thuế quốc tế cho các công chức quản lý thuế quốc tế.

e) Hệ thống cơ sở dữ liệu về trao đổi thông tin (bao gồm trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài, Hồ sơ lợi nhuận liên quốc gia – CbC, thông tin liên quan đến nhà cung cấp nước ngoài có giao dịch xuyên biên giới...) được thu thập và xây dựng đảm bảo việc tiếp nhận, chuyển dữ liệu từ Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại, phục vụ công tác trao đổi thông tin.

g) Áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý thuế quốc tế.

h) Các chương trình hợp tác về quản lý thuế quốc tế với cơ quan thuế các nước và các tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới được triển khai thực hiện.

i) Cơ chế quản lý, giám sát đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới được xây dựng theo thông lệ quốc tế.

k) 100% số lượng yêu cầu trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài và ngược lại được xử lý kịp thời.

l) Số lượng yêu cầu cơ quan thuế nước ngoài trao đổi thông tin tăng 20%-30% hàng năm.

m) Tỷ lệ 1% thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết hàng năm.

2. Đến năm 2030

a) Thể chế về thuế quốc tế được hoàn thiện, đáp ứng với tình hình thay đổi mới trong lĩnh vực thuế quốc tế.

b) Các quy trình, quy chế liên quan đến thuế quốc tế và thương mại điện tử xuyên biên giới; sở tay thanh tra giá chuyển nhượng phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế được điều chỉnh phù hợp với tình hình mới và thông lệ quốc tế.

c) Bộ phận chuyên trách về các lĩnh vực chuyên sâu trong quản lý thuế quốc tế như Hiệp định thuế, Thanh tra giá chuyển nhượng và Thỏa thuận giá trước (APA), Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP) và Trao đổi thông tin tại cấp Tổng cục và cấp Cục Thuế được xây dựng.

d) Đẩy mạnh hiện đại hóa công tác quản lý thuế quốc tế theo hướng tự động, tăng cường áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế quốc tế

đ) Đào tạo chuyên sâu cho cán bộ làm công tác thuế quốc tế xử lý trốn, tránh thuế xuyên quốc gia, xử lý tranh chấp thuế quốc tế.

e) Cơ chế hợp tác hành chính thuế với cơ quan thuế các nước trong khu vực và trên thế giới được xây dựng.

g) Cơ sở dữ liệu về thông tin hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới được cập nhật và khai thác phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế.

h) 100% số lượng yêu cầu trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài và ngược lại được xử lý kịp thời.

i) Số lượng yêu cầu cơ quan thuế nước ngoài trao đổi thông tin tăng 20%-30% hàng năm.

k) Tỷ lệ 1,5% thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết hàng năm.

III. NỘI DUNG

1. Xây dựng thể chế chính sách quản lý thuế quốc tế đồng bộ

- Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện quy định chống tránh thuế quốc tế, chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận để đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế của các diễn đàn.

- Nghiên cứu đề xuất phương án tham gia của Việt Nam đối với: Hiệp định đa phương về việc phân chia quyền đánh thuế đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và dịch vụ kinh tế kỹ thuật số (Trụ cột 1) và Hiệp định đa phương về thu nhập từ lãi tiền vay, tiền bản quyền, tiền lãi cổ tức chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).

- Nghiên cứu và đề xuất việc ban hành các quy định nội luật về việc áp dụng các quy tắc thuế suất tối thiểu toàn cầu của Diễn đàn BEPS (Trụ cột 2).

- Nghiên cứu và ban hành các hướng dẫn thực hiện các cam kết quốc tế, các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết và tham gia.

- Rà soát hệ thống hiệp định hiện hành, sửa đổi Bộ nguyên tắc đàm phán và mẫu hiệp định thuế phù hợp với từng đối tác mà Việt Nam tham gia ký kết hiệp định thuế.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý, giám sát đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới phù hợp thông lệ quốc tế.

2. Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế và sổ tay phục vụ trong công tác quản lý thuế quốc tế

- Xây dựng và ban hành quy trình xử lý hồ sơ miễn giảm thuế theo hiệp định thuế thống nhất trong phạm vi cả nước.

- Xây dựng quy trình và hướng dẫn thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương giữa người nộp thuế, cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế nước ngoài.

- Xây dựng quy trình, quy chế trao đổi thông tin tự động theo tiêu chuẩn báo cáo chung (CRS) và hồ sơ lợi nhuận liên quốc gia (CbC).

- Xây dựng quy trình, quy chế hỗ trợ thu thuế nhằm đảm bảo thực hiện quy định về hỗ trợ thu thuế theo Hiệp định thuế và Hiệp định hỗ trợ hành chính thuế (MAAC).

- Xây dựng sổ tay nghiệp vụ xử lý hồ sơ áp dụng hiệp định thuế.

- Xây dựng sổ tay nghiệp vụ trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài.

- Xây dựng sổ tay thanh tra giá chuyển nhượng.

3. Nâng cao năng lực quản lý thuế quốc tế

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về người nộp thuế nước ngoài từ các nguồn thu thập và trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài.

- Quản lý thuế quốc tế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro: Xây dựng phương pháp khai thác, đánh giá, phân loại các dữ liệu theo loại thu nhập, ngành nghề, nước/vùng lãnh thổ, theo loại hình giao dịch,... theo hướng hiện đại hóa, tích hợp cao và áp dụng kỹ thuật phân tích rủi ro tiên tiến.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát công tác quản lý thuế quốc tế: Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ việc áp dụng hiệp định thuế, thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), trao đổi thông tin.

4. Hoàn thiện và phát triển hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế

- Xây dựng ứng dụng quản lý thực hiện xử lý hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo hiệp định thuế.

- Xây dựng ứng dụng quản lý thực hiện trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài, trên cơ sở đó thực hiện xử lý thông tin, dữ liệu, phân tích rủi ro phát hiện và ngăn ngừa trốn, tránh thuế.

- Xây dựng ứng dụng quản lý thực hiện xử lý hồ sơ thủ tục thỏa thuận song phương giữa người nộp thuế, cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế nước ngoài.

- Nâng cao năng lực, trình độ công chức trong việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế.

- Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới, xác định giá chuyển nhượng.

5. Tổ chức bộ máy quản lý thuế quốc tế hiệu lực, hiệu quả phù hợp với thông lệ quốc tế và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý thuế quốc tế

- Triển khai nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức quản lý thuế quốc tế ở cấp Tổng cục Thuế và cấp Cục Thuế phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Xây dựng đội ngũ công chức quản lý thuế quốc tế theo hướng dài hạn, chuyên sâu để đảm bảo xử lý được các công việc thuế quốc tế đòi hỏi trình độ và kỹ năng cao.

- Xây dựng tiêu chuẩn công chức quản lý thuế quốc tế phục vụ trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành.

- Xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng thuế quốc tế cơ bản và nâng cao cho công chức thuế.

- Xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ công chức thuế quốc tế có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu, kỹ năng quản lý thuế quốc tế, kỹ năng đàm phán hiệp định, thủ tục thỏa thuận song phương đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu công việc.

- Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản lý thuế đối với các giao dịch thuế quốc tế, bắt kịp những xu hướng quốc tế mới về chính sách và quản lý thuế.

- Tăng cường các đào tạo chuyên sâu tại nước ngoài cũng như mời các chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ từ các nước có trình độ quản lý cao về thuế quốc tế.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý thuế quốc tế

- Tăng cường hợp tác, phối hợp với cơ quan thuế các nước, các tổ chức quốc tế trong việc trao đổi thông tin, kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật trong công tác cải cách thuế quốc tế.

- Chủ động, tích cực tham gia sâu rộng vào các diễn đàn thuế của khu vực và quốc tế, thể hiện vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của Việt Nam trong việc xử lý các vấn đề chung về thuế quốc tế.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của nội luật trên cơ sở khuyến nghị sau khi Diễn đàn tiến hành rà soát đồng cấp về việc thực hiện các tiêu chuẩn tối thiểu của Việt Nam.

- Rà soát các quy định của nội luật để đưa ra các đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định tại nội luật trên cơ sở khuyến nghị tại các hành động của Diễn đàn BEPS.

- Thực hiện Báo cáo hàng năm theo cơ chế tuân thủ từng tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS.

- Nghiên cứu, xây dựng quy định thống nhất và đồng bộ về khâu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam kinh doanh và đầu tư tại nước ngoài.

- Tham gia ký kết Hiệp định thuế đa phương để thực hiện các biện pháp liên quan đến Hiệp định thuế nhằm ngăn ngừa xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (Hiệp định đa phương MLI).

- Rà soát hệ thống Hiệp định tránh đánh thuế hai lần hiện hành; xây dựng và hoàn thiện Bộ nguyên tắc đàm phán và mẫu mới về Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

- Tham gia đàm phán và ký kết Hiệp định hỗ trợ hành chính thuế (MAAC).

- Xây dựng quy trình xử lý hồ sơ miễn giảm thuế theo Hiệp định thuế thống nhất trong cả nước theo hướng tự động hóa và tích hợp cao.

- Xây dựng ứng dụng quản lý thực hiện xử lý hồ sơ miễn giảm thuế theo Hiệp định thuế theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng quy trình thực hiện Thủ tục thỏa thuận song phương với các nước theo hướng tự động hóa và tích hợp cao.

- Xây dựng chương trình đào tạo cơ bản về thuế quốc tế nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho công chức tham gia công tác quản lý thuế quốc tế.

- Thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết.

b) Năm 2022

- Tổ chức thực hiện tổng kết, đánh giá, báo cáo hàng năm theo cơ chế tuân thủ từng tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS và tiếp tục đề xuất việc sửa đổi quy định, quy trình và đàm phán lại hiệp định với các nước/vùng lãnh thổ để đảm bảo phù hợp với các cam kết về tiêu chuẩn tối thiểu.

- Nghiên cứu, tham gia xây dựng phương án phân bổ lợi nhuận thống nhất giữa các nước thành viên Diễn đàn BEPS đối với hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế kỹ thuật số (Trụ cột 1).

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn nội dung các điều khoản của Hiệp định thuế đa phương thực hiện các biện pháp liên quan đến Hiệp định thuế nhằm ngăn ngừa xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (Hiệp định đa phương MLI).

- Xây dựng các quy trình, mẫu, biểu để triển khai trao đổi thông tin tự động theo Hiệp định hỗ trợ hành chính thuế (MAAC).

- Tham gia đàm phán, ký kết Hiệp định đa phương giữa các nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin tự động (MCAA).

- Xúc tiến đàm phán với các nước/vùng lãnh thổ mà Việt Nam đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài và tăng cường hợp tác giữa các nước.

- Triển khai chương trình đào tạo cơ bản về thuế quốc tế cho các Cục Thuế trong cả nước.

- Xây dựng chương trình đào tạo thuế quốc tế nâng cao nhằm trang bị kinh nghiệm, kỹ năng chuyên sâu về chống trốn tránh thuế, chống lợi dụng hiệp định, thanh tra giá chuyển nhượng, xử lý tranh chấp thuế quốc tế, thanh tra kiểm tra và chống gian lận thuế quốc tế đối với hoạt động thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới.

- Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản lý thuế đối với các giao dịch thuế quốc tế, bắt kịp những xu hướng quốc tế mới về chính sách và quản lý thuế.

- Tăng cường trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài bao gồm cả trao đổi thông tin theo yêu cầu đối với hoạt động thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới; đào tạo kỹ năng và nhận diện các trường hợp rủi ro có thể khai thác thông tin từ cơ quan thuế nước ngoài.

- Thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết.

c) Năm 2023

- Tiếp tục tổng kết đánh giá việc triển khai các khuyến nghị của Diễn đàn BEPS, thực hiện cơ chế tuân thủ và báo cáo hàng năm các tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS.

- Rà soát và đề xuất hoàn thiện khung pháp lý để tiến hành trao đổi thông tin tự động với cơ quan thuế nước ngoài.

- Ban hành các Hiệp định hợp nhất của hiệp định thuế song phương và hiệp định thuế đa phương (Hiệp định MLI) đối với từng nước/vùng lãnh thổ.

- Tiến hành đàm phán lại đối với những Hiệp định thuế đã ký kết có những điều khoản không phù hợp với thực tiễn và tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS.

- Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt phương án đàm phán và ký kết đối với Hiệp định đa phương về việc phân chia quyền đánh thuế đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và dịch vụ kinh tế kỹ thuật số (Hiệp định MLC - Trụ cột 1).

- Nghiên cứu và đề xuất việc ban hành các quy định nội luật về việc áp dụng các quy tắc thuế suất tối thiểu toàn cầu của Diễn đàn BEPS (Trụ cột 2).

- Xây dựng và trình Chính phủ về việc tham gia Hiệp định đa phương về thu nhập từ lãi tiền vay, tiền bản quyền, tiền lãi cổ tức chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).

- Xây dựng quy trình, quy chế hỗ trợ thu thuế giữa cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế nước ngoài.

- Triển khai chương trình đào tạo nâng cao về thuế quốc tế cho các Cục Thuế trong cả nước.

- Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản lý thuế đối với các giao dịch thuế quốc tế, bắt kịp những xu hướng quốc tế mới về chính sách và quản lý thuế.

- Xây dựng ứng dụng quản lý thực hiện xử lý hồ sơ thủ tục thỏa thuận song phương giữa người nộp thuế, cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế nước ngoài, theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng tiêu chuẩn công chức quản lý thuế quốc tế phục vụ trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành.

- Nâng cao năng lực, trình độ công chức trong việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế.

- Thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết.

d) Năm 2024

- Tiếp tục tổng kết đánh giá việc triển khai các khuyến nghị của Diễn đàn BEPS, thực hiện cơ chế tuân thủ và báo cáo hàng năm các tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS.

- Xây dựng hướng dẫn về Hiệp định đa phương về việc phân chia quyền đánh thuế đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và dịch vụ kinh tế kỹ thuật số (Hiệp định MLC - Trụ cột 1).

- Xây dựng hướng dẫn về Hiệp định đa phương về thu nhập từ lãi tiền vay, tiền bản quyền, tiền lãi cổ tức chịu thuế dưới mức suất tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).

- Hoàn thiện khung pháp lý để tiến hành trao đổi thông tin tự động với cơ quan thuế nước ngoài.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai hệ thống trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài phục vụ quản lý thuế quốc tế theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng phương pháp khai thác, đánh giá, phân loại các dữ liệu theo loại thu nhập, ngành nghề, nước/vùng lãnh thổ, theo loại hình giao dịch... theo hướng hiện đại hóa, tích hợp cao và áp dụng kỹ thuật phân tích rủi ro tiên tiến.

- Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới, xác định giá chuyển nhượng.

- Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát và phối hợp việc thực hiện áp dụng Hiệp định thuế, Điều ước quốc tế, trao đổi thông tin giữa Tổng cục Thuế và các Cục Thuế.

- Xây dựng hoàn thiện tiêu chuẩn công chức quản lý thuế quốc tế phục vụ trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành.

- Nâng cao năng lực, trình độ công chức trong việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế.

- Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản lý thuế đối với các giao dịch thuế quốc tế, bắt kịp những xu hướng quốc tế mới về chính sách và quản lý thuế.

- Thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết.

e) Năm 2025

- Tiếp tục tổng kết đánh giá việc triển khai các khuyến nghị của Diễn đàn BEPS, thực hiện cơ chế tuân thủ và báo cáo hàng năm các tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS.

- Triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài phục vụ quản lý thuế quốc tế theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Hình thành phương pháp phân tích, đánh giá để xác định các rủi ro trốn, tránh thuế đối với các giao dịch xuyên biên giới để chống thất thu ngân sách, chống lợi dụng Hiệp định.

- Hoàn thiện hạ tầng, hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài, hỗ trợ việc xử lý thông tin, dữ liệu, phân tích rủi ro nhằm phát hiện, ngăn ngừa trốn, tránh thuế.

- Xây dựng chương trình hỗ trợ các Cục Thuế xử lý các hồ sơ miễn giảm thuế theo Hiệp định thuế và Điều ước quốc tế.

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức quản lý thuế quốc tế tại cấp Tổng cục và các Cục Thuế có phát sinh nhiều giao dịch thuế quốc tế.

- Nâng cao năng lực, trình độ công chức trong việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế.

- Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản lý thuế đối với các giao dịch thuế quốc tế, bắt kịp những xu hướng quốc tế mới về chính sách và quản lý thuế.

- Xây dựng và ban hành sổ tay thanh tra giá chuyển nhượng.

- Thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết.

2. Đến năm 2030

Tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện triển khai các khuyến nghị và tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS giai đoạn 2021-2025 để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, quy trình nghiệp vụ trong giai đoạn 2026-2030.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách mới về thuế quốc tế, Hiệp định thuế.

- Xây dựng quy trình, quy chế trao đổi thông tin tự động theo tiêu chuẩn báo cáo chung (CRS) và hồ sơ lợi nhuận liên quốc gia (CbC).

- Xây dựng quy trình kiểm tra việc áp dụng Hiệp định thuế theo chuyên đề đối với lĩnh vực có rủi ro cao.

- Xây dựng sổ tay nghiệp vụ xử lý hồ sơ áp dụng Hiệp định thuế.

- Xây dựng sổ tay nghiệp vụ trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ việc áp dụng Hiệp định thuế, thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), trao đổi thông tin tại các Cục Thuế.

- Chuẩn hóa, mở rộng phương thức, nội dung hợp tác và cơ chế tham vấn giữa cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế nước ngoài.

- Tổ chức xây dựng, cập nhật kho dữ liệu về thông tin người nộp thuế, hồ sơ báo cáo lợi nhuận liên quốc gia, thông tin về hoạt động thương mại điện tử, dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới từ cơ quan thuế các nước và người nộp thuế

để tiếp nhận, chuyển thông tin cho cơ quan thuế nước ngoài và khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế.

- Tổ chức triển khai thực hiện đánh giá rủi ro trên cơ sở hệ thống dữ liệu thông tin thu thập từ nguồn trong nước và cơ quan thuế nước ngoài.

- Triển khai thực hiện mô hình tổ chức quản lý thuế quốc tế tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế có số lượng lớn giao dịch về thuế quốc tế.

- Bổ sung nguồn nhân lực cho công tác quản lý thuế quốc tế.

- Tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu kỹ năng quản lý thuế quốc tế, đặc biệt là xử lý hồ sơ áp dụng Hiệp định thuế, tranh chấp thuế quốc tế (MAP), trao đổi thông tin, mô hình trốn tránh thuế quốc tế.

- Thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./. Đinh

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
NGÀNH THUẾ ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng tổ chức bộ máy cơ quan thuế có đủ quyền hạn và năng lực thực thi pháp luật thuế theo mô hình kết hợp quản lý thuế theo chức năng với quản lý thuế theo đối tượng, phù hợp với việc áp dụng thuế điện tử và phương pháp quản lý rủi ro trong cơ quan thuế theo hướng tự động hóa; bộ máy của hệ thống cơ quan thuế được sắp xếp lại theo hướng hiện đại, tinh gọn từ cấp Trung ương đến địa phương phù hợp với yêu cầu quản lý thuế tập trung để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế.

Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức ngành Thuế chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới, có đủ trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định với cơ cấu hợp lý; trong đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ chuyên gia cao cấp với trình độ kinh nghiệm chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

a) Về tổ chức bộ máy

- Xây dựng tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo mô hình quản lý thuế theo chức năng kết hợp với quản lý thuế theo đối tượng theo hướng hiện đại, tinh gọn từ cấp Trung ương đến địa phương phù hợp với yêu cầu quản lý thuế tập trung như sau:

+ Tại cấp Trung ương: tổ chức bộ máy của Tổng cục Thuế kiện toàn theo hướng: một số Cục có nhiệm vụ quản lý thuế theo đối tượng với đầy đủ chức năng quản lý thuế cơ bản, một số Cục thực hiện các chức năng quản lý thuế và quản lý chuyên ngành, các Vụ thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực công tác chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp phù hợp với pháp luật quản lý thuế theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

+ Tại cấp tỉnh, huyện: tổ chức bộ máy của Cục Thuế, Chi cục Thuế được tổ chức sắp xếp lại theo hướng tinh gọn: theo địa bàn tỉnh, huyện kết hợp với theo khu vực phù hợp với yêu cầu quản lý thuế tập trung, đảm bảo thực hiện các

chức năng quản lý thuế chính, phù hợp với thực tiễn quản lý tại địa phương để nâng cao hiệu suất hoạt động của cơ quan thuế

- Nghiên cứu đề tiến tới đề xuất trình sửa đổi quy định của pháp luật: bổ sung chức năng tiến hành một số hoạt động điều tra cho cơ quan thuế trong giai đoạn 2026-2030.

b) Về nguồn nhân lực

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực phù hợp yêu cầu quản lý thuế hiện đại theo hướng tập trung nguồn lực cho bộ phận trực tiếp quản lý thuế đạt tối thiểu 60% trên tổng số công chức, trong đó tỷ lệ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên tổng số công chức đạt tối thiểu 30%.

- Đảm bảo 100% công chức công tác tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản hoặc chuyên sâu của chức năng quản lý tương ứng. Trong đó, tỷ lệ công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính được bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức, kỹ năng quản lý thuế đạt 20-30%. Đồng thời, 30% công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của ít nhất 01 chức năng quản lý thuế khác.

- Đảm bảo 60% công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế trong đó tập trung công tác tham mưu tổ tụng về thuế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác quản lý rủi ro) được bồi dưỡng cơ bản kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đang công tác và các kiến thức hỗ trợ có liên quan.

- Đảm bảo 100% công chức, viên chức thuế được cập nhật chính sách mới liên quan đến lĩnh vực chuyên môn đang công tác ít nhất 1 lần/1 năm.

- Phấn đấu 40% công chức, viên chức ở cơ quan Tổng cục Thuế (tập trung vào công chức, viên chức lãnh đạo quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi) tại các vị trí việc làm cần sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 hoặc tương đương trở lên và có ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm; 20% công chức ở cơ quan thuế địa phương đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 hoặc tương đương trở lên theo quy định hoặc có ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu công việc.

2. Đến năm 2030

a) Về tổ chức bộ máy

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy cơ quan thuế có đủ nhiệm vụ và quyền hạn để thực thi pháp luật thuế, xây dựng mô hình của cơ quan thuế hiện đại, hiệu quả, quản lý trên nền tảng công nghệ thông tin và quản lý rủi ro theo hướng tự động hóa, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục tổ chức sáp xếp lại bộ máy cơ quan thuế theo địa bàn tỉnh, huyện kết hợp với khu vực phù hợp với yêu cầu quản lý thuế tập trung để nâng cao hiệu suất hoạt động của cơ quan thuế.

- Nghiên cứu thành lập bộ phận thực hiện chức năng tiến hành một số hoạt động điều tra thuế tại cơ quan thuế để nâng cao tính chủ động và thẩm quyền pháp lý của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi chuyển giá, gian lận thuế, trốn thuế.

b) Về nguồn nhân lực

- Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực phù hợp yêu cầu quản lý thuế hiện đại theo hướng tập trung nguồn lực cho bộ phận trực tiếp quản lý thuế đạt tối thiểu 70% trên tổng số công chức, trong đó tỷ lệ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên tổng số công chức đạt tối thiểu 35%.

- Hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm tại cơ quan thuế các cấp.

- Đảm bảo 100% công chức công tác tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản hoặc chuyên sâu của chức năng quản lý tương ứng. Trong đó, tỷ lệ công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính được bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức, kỹ năng quản lý thuế đạt 30-40%. Đồng thời, phấn đấu 50% công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của ít nhất 01 chức năng quản lý thuế khác.

- Đảm bảo 80% công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ công tác quản lý rủi ro) được bồi dưỡng cơ bản kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đang công tác và các kiến thức bổ trợ có liên quan.

- Đảm bảo 100% công chức, viên chức thuế cập nhật chính sách mới liên quan đến lĩnh vực chuyên môn đang công tác ít nhất 1 lần/1 năm.

- Đảm bảo 60% công chức ở cơ quan Tổng cục Thuế (tập trung vào công chức, viên chức lãnh đạo quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi) tại các vị trí việc làm cần sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 hoặc tương đương trở lên và có ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm; 30% công chức ở cơ quan thuế địa phương đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 hoặc tương đương trở lên theo quy định hoặc có ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu công việc.

III. NỘI DUNG

1. Về tổ chức bộ máy

a) Hoàn thiện tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo mô hình quản lý thuế theo chức năng kết hợp với quản lý thuế theo đối tượng, trong đó các đơn vị quản lý theo chức năng có tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý theo các nhóm đối tượng.

b) Triển khai mô hình quản lý được thực hiện đồng bộ với việc đổi mới phân cấp quản lý thuế giữa cơ quan thuế các cấp và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả:

- Tổng cục Thuế quản lý theo một số chức năng hợp lý (nghiên cứu xây dựng chính sách; tổng hợp thông tin phân tích đánh giá rủi ro; điều phối công

tác thanh tra, kiểm tra...), trực tiếp quản lý đối với các doanh nghiệp lớn đa ngành nghề, lĩnh vực và các lĩnh vực đặc thù hoạt động trên địa bàn toàn quốc, khu vực kinh tế đặc biệt, doanh nghiệp tập đoàn ở nước ngoài cần có sự quản lý thống nhất.

- Cục Thuế tập trung thực hiện chức năng chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra công tác quản lý thuế trên địa bàn, trực tiếp quản lý các doanh nghiệp lớn theo phân cấp và các doanh nghiệp vừa trên địa bàn quản lý.

- Chi cục Thuế quản lý doanh nghiệp nhỏ và quản lý các sắc thuế điều tiết đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân nộp thuế.

- Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan thuế địa phương (Cục Thuế, Chi cục Thuế) theo địa bàn tỉnh, huyện kết hợp với theo khu vực, đảm bảo thực hiện các chức năng quản lý thuế chính, phù hợp với thực tiễn quản lý tại địa phương; nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của cơ quan thuế.

c) Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan thuế các cấp và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu quản lý thuế hiện đại, hiệu lực, hiệu quả:

- Nghiên cứu tiến tới thành lập bộ phận thực hiện chức năng tiến hành một số hoạt động điều tra thuế tại cơ quan thuế để nâng cao tính chủ động và thẩm quyền pháp lý của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi gian lận thuế.

- Thành lập Cục Thuế doanh nghiệp lớn trực thuộc Tổng cục Thuế, trực tiếp quản lý thuế đối với các doanh nghiệp lớn với đầy đủ các chức năng quản lý thuế, phù hợp với thông lệ quản lý thuế quốc tế. Phân cấp quản lý thuế doanh nghiệp lớn phù hợp, hiệu quả giữa Tổng cục Thuế và Cục Thuế địa phương; chú trọng xây dựng và triển khai các biện pháp quản lý thuế mới trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng quản lý rủi ro tuân thủ đối với doanh nghiệp lớn.

- Thành lập Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng trực thuộc Tổng cục Thuế để nâng cao quyền hạn và đảm bảo tính độc lập trong quá trình thực thi chức năng quản lý về công tác chấp hành kỷ cương, kỷ luật; công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của cơ quan thuế, công chức, viên chức thuế; thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.

- Thành lập Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế trực thuộc Tổng cục Thuế nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ phận làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Tổng cục Thuế và nâng cao vai trò chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát cơ quan thuế các cấp triển khai công tác thanh tra kiểm tra thuế đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại.

- Kiện toàn bộ phận quản lý kê khai, kê toán, thống kê thuế phù hợp với định hướng phát triển của ngành Thuế trên nền tảng công nghệ thông tin, tập trung nguồn lực để thực hiện có hiệu quả chế độ kê toán thuế nội địa trong toàn ngành Thuế.

- Nghiên cứu thành lập bộ phận xây dựng, thu thập, xử lý thông tin tích hợp người nộp thuế tại Tổng cục Thuế để xác định thông tin người nộp thuế cần thu thập trong và ngoài ngành Thuế, thiết lập cơ chế thu thập và xử lý thông tin tự động phục vụ cho việc khai thác dữ liệu người nộp thuế trong toàn ngành Thuế.

- Nghiên cứu triển khai mô hình trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội nhằm quản lý thuế thu nhập cá nhân và quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hiệu quả.

- Kiện toàn bộ phận quản trị chiến lược và quản lý rủi ro về thuế thuộc Tổng cục Thuế nhằm nâng cao năng lực, địa vị pháp lý và nguồn nhân lực để triển khai sâu, rộng, toàn diện, tập trung có hiệu quả công tác quản trị chiến lược, đáp ứng kịp thời yêu cầu cải cách, phát triển, hiện đại hóa ngành Thuế và nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế.

- Tiếp tục kiện toàn bộ phận quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ, vừa, hộ kinh doanh và cá nhân tại cơ quan thuế các cấp theo mô hình quản lý theo chức năng kết hợp với quản lý theo đối tượng nâng cao hiệu quả quản lý thuế doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân.

- Kiện toàn bộ phận quản lý thuế quốc tế hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu quản lý thuế hiện đại.

- Kiện toàn hoạt động của Trường Nghiệp vụ Thuế trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, chuyên nghiệp kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ quản lý thuế để nâng cao năng lực đào tạo nguồn nhân lực ngành Thuế. Trường xây dựng được hệ thống chương trình, giáo trình tài liệu khoa học, hiện đại, phù hợp với từng đối tượng đào tạo bồi dưỡng; có phương thức đào tạo đa dạng, hiện đại; Tiếp tục xây dựng, phát triển, quản lý và sử dụng đội ngũ giảng viên kiêm chức ngành Thuế cùng đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Nghiệp vụ Thuế đáp ứng yêu cầu đào tạo bồi dưỡng cho công chức ngành Thuế; đầy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuế.

2. Về nguồn nhân lực

a) Đổi mới công tác tuyển dụng công chức theo các nội dung sau:

- Triển khai công tác tuyển dụng công chức định kỳ hàng năm nhằm kịp thời bổ sung biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, đảm bảo nguồn nhân lực cho cơ quan thuế các cấp.

- Thực hiện chính sách thu hút nhân tài: ưu tiên bố trí số biên chế nhà nước chưa sử dụng để thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có ngành nghề đào tạo và vị trí việc làm phù hợp vào làm việc tại cơ quan Thuế.

- Thực hiện chính sách tuyển dụng đặc thù cho các đơn vị cần tăng cường nguồn nhân lực yêu cầu đặc biệt về trình độ chuyên môn, năng lực...

- Sử dụng các ứng dụng được phát triển trên nền tảng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức thi và kiểm tra đánh giá chất lượng.

b) Rà soát việc hoạch định cơ cấu nguồn nhân lực nhằm xác định các thay đổi về nhân sự cần thiết (xác định số lượng nhân sự và xây dựng các tiêu chuẩn, kỹ năng cần thiết cho từng chức năng quản lý thuế) nhằm hỗ trợ các quy trình nghiệp vụ mới và triển khai các dịch vụ điện tử cũng như việc quản lý rủi ro theo hướng tự động hóa đảm bảo hiệu quả, phù hợp với nhiệm vụ quản lý thuế và thông lệ quốc tế:

- Cơ cấu lại nguồn nhân lực theo địa bàn quản lý theo hướng: tập trung nguồn nhân lực cho những địa bàn trọng điểm có số thu lớn, tập trung nhiều người nộp thuế là các doanh nghiệp.

- Cơ cấu lại nguồn nhân lực theo chức năng quản lý: đảm bảo giảm dần tỷ trọng cán bộ, công chức làm ở các bộ phận gián tiếp để tăng cường nguồn nhân lực cho những chức năng quản lý thuế chính, đặc biệt là chức năng thanh tra thuế, kiểm tra thuế, điều tra thuế đảm bảo yêu cầu quản lý thuế theo chức năng, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Cơ cấu lại nguồn nhân lực theo đối tượng quản lý theo hướng: tập trung nguồn nhân lực để quản lý thuế đối với các doanh nghiệp lớn, đặc thù; giảm tỷ trọng nguồn nhân lực quản lý doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể.

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực cơ quan thuế các cấp theo hướng: tăng cường tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao tại cấp Tổng cục, Cục Thuế; bố trí, sắp xếp lại nguồn nhân lực cấp Chi cục Thuế phù hợp với việc đổi mới công tác quản lý thuế theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực theo chất lượng, chiều sâu; trong từng chức năng cần cơ cấu nguồn lực theo mức độ (cấp cao, cấp trung, cấp chuyên viên) để đảm bảo xây dựng được một đội ngũ chuyên gia đầu ngành, có trình độ chuyên môn sâu trong tất cả các lĩnh vực quản lý thuế.

c) Triển khai thực hiện điều động, luân phiên, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức thuế đảm bảo mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, được tiếp cận, rèn luyện, bồi dưỡng và thông thạo nhiều lĩnh vực công việc ở nhiều vị trí khác nhau, có năng lực thực tiễn để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; kiểm soát công việc lẫn nhau, góp phần ngăn chặn hành vi tiêu cực, những nhiễu người nộp thuế; khắc phục tình trạng công chức do giữ cương vị lãnh đạo hoặc quản lý một công việc ở một vị trí quá lâu dẫn đến thoả mãn, bảo thủ, trì trệ, thiếu sáng tạo và đổi mới để nâng cao chất lượng công việc.

d) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên sâu theo từng chức năng quản lý thuế nhằm nâng cao năng lực, trình độ cho công chức thuế đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại:

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng bộ phận, từng cấp cơ quan thuế để thực hiện đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có trình độ chuyên môn sâu, có kỹ năng thành thạo, có trình độ tin học và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho công chức thuế ở các lĩnh vực cải cách chính như quản lý rủi ro, thanh tra kiểm tra, quản lý thuế quốc tế... về các kỹ năng mới, kỹ năng quản lý chuyên môn hóa nhằm quản lý có hiệu quả các ngành nghề/lĩnh vực mới phát sinh, các vấn đề thuế quốc tế, kinh tế số...

+ Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong đó quy định rõ cách thức đào tạo cho từng loại cán bộ, công chức: đào tạo kiến thức cơ bản về thuế cho cán bộ, công chức mới vào ngành; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết để công chức thực hiện công việc quản lý thuế được phân công; bồi dưỡng chuyên sâu phù hợp yêu cầu bồi dưỡng theo vị trí công việc/ngành/lĩnh vực quản lý cho công chức làm việc tại 4 chức năng quản lý thuế chính; đào tạo, bồi dưỡng mỗi khi có thay đổi về chính sách, quy trình quản lý.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù như: công tác pháp chế (trong đó tập trung công tác tham mưu tố tụng về thuế), công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác điều tra thuế, công tác quản lý rủi ro.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn chung, kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức kỹ năng chuyên ngành, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ cũng như kỹ năng giao tiếp ứng xử, văn hoá công sở và đạo đức công chức cho cán bộ, công chức thuế; tổ chức các khoá bồi dưỡng kỹ năng quản lý đối với công chức/viên chức lãnh đạo, quản lý... nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo theo quy định.

+ Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ trực tuyến (online) bảo đảm phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của đội ngũ công chức, viên chức. Đẩy mạnh bồi dưỡng ngoại ngữ chuyên ngành cho công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu thực thi nhiệm vụ công vụ, làm việc trong môi trường quốc tế.

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo như đào tạo tập trung, đào tạo trong công việc, đào tạo trực tuyến (online)... để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuế.

d) Xây dựng cơ chế đào tạo và xây dựng đội ngũ chuyên gia thuế cao cấp với trình độ kinh nghiệm chuyên môn cao, là chuyên gia đầu ngành trong quản lý thuế.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo chuyên sâu tại các nước tiên tiến, mời chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên sâu các chức năng quản lý thuế để đào tạo cho đội ngũ chuyên gia cao cấp của ngành, giảng viên kiêm chức và cán bộ trẻ có năng lực.

g) Ban hành Bộ quy tắc về đạo đức công vụ của công chức ngành Thuế là cơ sở để thực hiện mục tiêu xây dựng đội ngũ công chức thuế chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Tiếp tục triển khai, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp để củng cố, điều chỉnh các chức năng quản lý thuế cho phù hợp với thực tiễn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Thành lập Cục Thuế doanh nghiệp lớn; Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng; Cục Thanh tra - Kiểm tra thuế với đầy đủ các chức năng quản lý theo thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu cải cách và hiện đại hóa ngành Thuế; bổ sung nguồn nhân lực cho các bộ phận được kiện toàn.

- Nghiên cứu xây dựng chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bộ phận thực hiện chế độ kế toán thuế nội địa tại cơ quan thuế các cấp.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng bản mô tả công việc ở từng vị trí việc làm theo từng chức năng quản lý thuế và tại một số bộ phận được kiện toàn.

- Tổ chức thực hiện công tác luân phiên, luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác trong toàn ngành Thuế, đẩy mạnh công tác điều động, luân chuyển công chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp Vụ/Cục giữa cơ quan thuế các cấp.

- Tiếp tục triển khai công tác tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020 và năm 2021 đối với Cơ quan Tổng cục Thuế và 63 Cục Thuế các tỉnh, thành phố.

- Đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản theo từng chức năng quản lý; bồi dưỡng chuyên sâu phù hợp yêu cầu bồi dưỡng theo vị trí công việc/ngành/lĩnh vực quản lý cho công chức làm việc tại 4 chức năng quản lý thuế chính, công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác quản lý rủi ro)... được bồi dưỡng cơ bản kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đang công tác và các kiến thức hỗ trợ có liên quan.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo quy định.

b) Năm 2022

- Tiếp tục triển khai, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp để củng cố, điều chỉnh các chức năng quản lý thuế cho phù hợp với thực tiễn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Kiện toàn bộ phận quản lý kê khai thuế phù hợp với định hướng phát triển của ngành Thuế trên nền tảng công nghệ thông tin, tập trung nguồn lực để thực hiện có hiệu quả chế độ kê toán thuế nội địa trong toàn ngành Thuế.

- Tiếp tục kiện toàn bộ phận quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ, vừa, hộ kinh doanh và cá nhân tại cơ quan thuế các cấp theo mô hình quản lý theo chức năng kết hợp với quản lý theo đối tượng nâng cao hiệu quả quản lý thuế doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân.

- Trình Bộ Tài chính kế hoạch tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022 định hướng theo vị trí việc làm của công chức; tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào làm việc tại cơ quan thuế các cấp.

- Điều chỉnh dần cơ cấu nguồn nhân lực cho phù hợp với nhiệm vụ quản lý thuế: tăng chỉ tiêu biên chế cho các Cục Thuế, đặc biệt là Cục Thuế các tỉnh, thành phố lớn; nâng tỷ lệ công chức thuế làm công tác thanh tra, kiểm tra đạt 27-28%; tăng dần tỷ lệ công chức thuế quản lý khu vực doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa.

- Xây dựng lực lượng giảng viên chuyên nghiệp và giảng viên kiêm chức của ngành đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng của ngành.

- Tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản theo từng chức năng quản lý; tăng cường bồi dưỡng chuyên sâu theo vị trí công việc/ngành/lĩnh vực quản lý cho công chức làm việc tại 4 chức năng quản lý thuế chính; và cho công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác quản lý rủi ro).

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Ban hành Bộ quy tắc về đạo đức công vụ của công chức ngành Thuế.

c) Năm 2023

- Tiếp tục triển khai, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp để củng cố, điều chỉnh các chức năng quản lý thuế cho phù hợp với thực tiễn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tiếp tục triển khai công tác tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2023.

- Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực cho phù hợp với yêu cầu quản lý thuế theo hướng tập trung nguồn lực cho bộ phận trực tiếp quản lý thuế, trong đó tăng dần tỷ lệ công chức thuế làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản theo từng chức năng quản lý; bồi dưỡng chuyên sâu phù hợp yêu cầu bồi dưỡng theo vị trí công việc/ngành/lĩnh vực quản lý, đảm bảo: 70-80% công chức hiện đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản/chuyên sâu của chức năng quản lý tương ứng; 15-20% công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính được bồi dưỡng

chuyên sâu kiến thức, kỹ năng quản lý thuế; 10-20% công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của ít nhất 01 chức năng quản lý thuế khác; 30-40% công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác quản lý rủi ro) được bồi dưỡng cơ bản kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đang công tác và các kiến thức bổ trợ có liên quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo quy định.

d) Năm 2024

- Tiếp tục triển khai, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp để củng cố, điều chỉnh các chức năng quản lý thuế cho phù hợp với thực tiễn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Nghiên cứu thành lập bộ phận xây dựng, thu thập, xử lý thông tin tích hợp người nộp thuế tại Tổng cục Thuế để xác định thông tin người nộp thuế cần thu thập trong và ngoài ngành Thuế, thiết lập cơ chế thu thập và xử lý thông tin tự động phục vụ cho việc khai thác dữ liệu người nộp thuế trong toàn ngành Thuế.

- Trình Bộ Tài chính kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức Tổng cục Thuế năm 2024 theo vị trí việc làm của công chức, viên chức; triển khai tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào làm việc tại cơ quan thuế các cấp.

- Tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản theo từng chức năng quản lý; bồi dưỡng chuyên sâu phù hợp yêu cầu bồi dưỡng theo vị trí công việc/ngành/lĩnh vực quản lý cho công chức làm việc tại 4 chức năng quản lý thuế chính; và cho công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác quản lý rủi ro).

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo quy định.

- Tập trung đào tạo một số chuyên gia quản lý thuế hiện đại theo nhóm ngành kinh tế để hỗ trợ triển khai các quy trình nghiệp vụ mới cũng như triển khai các dịch vụ điện tử và hướng tới tự động hóa công tác quản lý.

e) Năm 2025

- Tiếp tục triển khai, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp để củng cố, điều chỉnh các chức năng quản lý thuế cho phù hợp với thực tiễn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Thành lập bộ phận xây dựng, thu thập, xử lý thông tin tích hợp người nộp thuế tại Tổng cục Thuế để xác định thông tin người nộp thuế cần thu thập trong và ngoài ngành Thuế, thiết lập cơ chế thu thập và xử lý thông tin tự động phục vụ cho việc khai thác dữ liệu người nộp thuế trong toàn ngành Thuế.

- Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy Cục Thuế, Chi cục Thuế tinh gọn, đảm bảo thực hiện các chức năng quản lý thuế chính, phù hợp với thực tiễn quản lý tại địa phương, nhằm tập trung nguồn lực để phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế.

- Kiện toàn bộ phận quản trị chiến lược và quản lý rủi ro về thuế thuộc Tổng cục Thuế.

- Tiếp tục triển khai công tác tuyển dụng công chức, viên chức Tổng cục Thuế năm 2024.

- Điều chỉnh dần cơ cấu nguồn nhân lực cho phù hợp với nhiệm vụ quản lý thuế: tăng chỉ tiêu biên chế cho các Cục Thuế, đặc biệt là Cục Thuế các tỉnh, thành phố lớn; tập trung nguồn lực cho bộ phận trực tiếp quản lý thuế đạt tối thiểu 60% trên tổng số công chức, trong đó tăng tỷ lệ công chức thuế làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế đạt 30% và tăng tỷ lệ công chức thuế quản lý khu vực doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa.

- Xây dựng lực lượng giảng viên chuyên nghiệp và giảng viên kiêm chức của ngành đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng của ngành.

- Tiếp tục thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, toàn diện phù hợp với tình hình thực tế và chủ trương của Chính phủ, Bộ Tài chính.

- Đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản theo từng chức năng quản lý; bồi dưỡng chuyên sâu phù hợp yêu cầu bồi dưỡng theo vị trí công việc/ngành/lĩnh vực quản lý, đảm bảo 100% công chức hiện đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản hoặc chuyên sâu của chức năng quản lý tương ứng; trong đó 20-30% công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính được bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức, kỹ năng quản lý thuế; tối thiểu 30% công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của ít nhất 01 chức năng quản lý thuế khác; 60% công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác quản lý rủi ro) được bồi dưỡng cơ bản kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đang công tác và các kiến thức hỗ trợ có liên quan.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. Phân đấu 40% công chức, viên chức ở cơ quan Tổng cục Thuế (tập trung vào công chức, viên chức lãnh đạo quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi) tại các vị trí việc làm cần sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 hoặc tương đương trở lên và có ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm; 20% công chức ở cơ quan thuế địa phương đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 hoặc tương đương trở lên theo quy định hoặc có ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu công việc.

2. Đến năm 2030

- Hoàn thiện mô hình quản lý theo chức năng kết hợp với quản lý theo đối tượng hợp lý, khoa học gắn với phân cấp quản lý đồng bộ, hiệu quả. Xây dựng bộ máy cơ quan thuế các cấp có đủ nhiệm vụ và quyền hạn để thực thi pháp luật thuế theo mô hình cơ quan thuế hiện đại.

- Nghiên cứu thành lập bộ phận thực hiện chức năng tiến hành một số hoạt động điều tra thuế tại cơ quan thuế để nâng cao tính chủ động và thẩm quyền pháp lý của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi chuyển giá, gian lận thuế, trốn thuế.

- Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ phận quản lý thuế quốc tế đảm bảo hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng.

- Nghiên cứu triển khai mô hình trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội nhằm quản lý thuế thu nhập cá nhân và quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, viên chức; tuyển dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm; chỉ tiêu tuyển dụng công chức đối với các ngạch, vị trí yêu cầu trình độ Đại học trở lên chiếm trên 90%; tiếp tục thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường đào tạo, đào tạo lại đảm bảo tỷ lệ công chức thuế có trình độ Đại học trở lên tối thiểu 92%.

- Điều chỉnh dần cơ cấu nguồn nhân lực cho phù hợp với nhiệm vụ quản lý thuế: tăng chỉ tiêu biên chế cho các Cục Thuế, đặc biệt là Cục Thuế các tỉnh, thành phố lớn; nâng tỷ lệ công chức thuế làm công tác thanh tra, kiểm tra đạt tối thiểu 35%; tỷ lệ công chức thuế quản lý khu vực doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa chiếm 47%; cân đối cơ cấu giữa công chức trực tiếp và công chức gián tiếp đảm bảo tỷ lệ công chức trực tiếp quản lý thuế đạt tối thiểu 70% trên tổng số công chức.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác điều động, luân phiên, luân chuyển theo chiều dọc để đảm bảo tính chuyên sâu, chuyên nghiệp của công chức thuế.

- Đẩy mạnh bồi dưỡng nâng cao các kỹ năng, kiến thức quản lý thuế theo từng chức năng theo định hướng chuyên sâu theo từng nhóm đối tượng quản lý thuế.

- Xây dựng hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng vị trí việc làm, từng bộ phận, từng cấp cơ quan thuế; bao gồm chương trình đào tạo bồi dưỡng cho công chức làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế, công tác giám định và tranh tụng tại tòa, công tác kiểm tra nội bộ, công tác điều tra thuế, công tác quản lý rủi ro).

- Xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia về quản lý thuế của ngành.

- Đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành các chức năng quản lý thuế, đảm bảo 100% công chức công tác tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản hoặc

chuyên sâu của chức năng quản lý tương ứng. Trong đó, tỷ lệ công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính được bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức, kỹ năng quản lý thuế đạt 30-40%. Đồng thời, 50% công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của ít nhất 01 chức năng quản lý thuế khác để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ linh hoạt.

- Đảm bảo 80% công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác quản lý rủi ro) được bồi dưỡng cơ bản kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đang công tác và các kiến thức bổ trợ có liên quan.

- Đầu mạnh bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cả về số lượng và chất lượng cho đội ngũ công chức, viên chức thuế, tập trung bồi dưỡng ngoại ngữ chuyên ngành cho công chức và đội ngũ chuyên gia của ngành để có thể nghiên cứu tài liệu quản lý thuế của quốc tế, có thể làm việc, trao đổi trực tiếp với các chuyên gia quốc tế, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc tham gia các khoá học, hội thảo, hội nghị... ở nước ngoài.

- Kiện toàn cơ sở đào tạo bồi dưỡng công chức ngành Thuế có năng lực đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu chuyên nghiệp kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ quản lý thuế ngành Thuế; Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia hàng đầu về quản lý thuế của ngành; Đánh giá chất lượng trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ công chức ngành Thuế; Đáp ứng được yêu cầu đào tạo pháp luật thuế cho doanh nghiệp và xã hội.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng quản lý thuế cho đội ngũ chuyên gia cao cấp của ngành, giảng viên kiêm chức và công chức trẻ có năng lực thông qua các khóa học tại các nước tiên tiến, hoặc mời chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./. Lãnh

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

**HIỆN ĐẠI HÓA HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐẾN NĂM 2030**

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Hệ thống công nghệ thông tin tích hợp, tập trung, đáp ứng yêu cầu khai thác sử dụng thông tin số của Chính phủ, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế và cung cấp dịch vụ điện tử, dịch vụ số cho người nộp thuế.

Cơ sở dữ liệu ngành Thuế chính xác, đầy đủ, kịp thời, hỗ trợ hiệu quả cho quản lý rủi ro, tiên取り cơ chế tự động kiểm tra chéo một cách có hệ thống các thông tin từ bên thứ ba nhằm phát hiện các nội dung tiềm ẩn rủi ro dẫn tới sai lệch trong hồ sơ khai thuế. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, đảm bảo vận hành liên tục, hiệu quả, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế

+ 100% người nộp thuế được cấp định danh và xác thực điện tử để sử dụng dịch vụ thuế điện tử do ngành Thuế cung cấp.

+ 90% thủ tục hành chính thuế được thực hiện theo hình thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4.

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 được kết nối, chia sẻ với Công dịch vụ công quốc gia.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế

+ 100% nhu cầu thu thập, xử lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu có thể tin học hóa cho công tác quản lý thuế và chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế được ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tích hợp, tập trung.

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan thuế được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan thuế.

+ 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng.

+ 100% hệ thống báo cáo định kỳ được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo lộ trình chung của Bộ Tài chính, Chính phủ.

+ 100% hồ sơ công chức, viên chức được lưu trữ, quản lý dưới dạng hồ sơ điện tử.

+ 100% công chức, viên chức được cấp tài khoản để sử dụng các hệ thống

công nghệ thông tin bao gồm: tài khoản người dùng, thư điện tử, tài khoản trao đổi thông tin trực tuyến.

+ 100% nhu cầu kết nối trao đổi thông tin giữa các đơn vị, bộ ngành, tổ chức liên quan được ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình triển khai các văn bản thỏa thuận, hợp tác giữa các bên.

- Triển khai phần cứng, hạ tầng kỹ thuật, an ninh, an toàn thông tin

+ 90% hệ thống máy chủ được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.

+ 90% ứng dụng cốt lõi (bao gồm ứng dụng Dịch vụ Thuế điện tử, ứng dụng Quản lý thuế tích hợp, các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực thuế tích hợp với dịch vụ công quốc gia...) đảm bảo độ sẵn sàng hoạt động tại Trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa (DRC) khi có sự cố phát sinh.

+ 90% hệ thống công nghệ thông tin được vận hành, theo dõi, giám sát tập trung.

+ 100% công chức có chức năng, nhiệm vụ phải xử lý công việc ngoài trụ sở cơ quan thuế có thể truy cập hệ thống làm việc từ xa.

+ 100% hệ thống công nghệ thông tin của ngành Thuế được đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.

+ 90% hệ thống thông tin được phê duyệt mức độ an toàn hệ thống thông tin.

+ 100% thông tin về khai thuế, nộp thuế điện tử được xử lý trong 24 giờ.

+ 100% số tiền nộp thuế điện tử được hạch toán theo thời gian thực nộp.

+ 100% người nộp thuế được cấp tài khoản tra cứu nghĩa vụ thuế và nộp thuế điện tử trên nền tảng thiết bị di động thông minh.

2. Đến năm 2030

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế

+ Tiếp tục duy trì 100% người nộp thuế được cấp định danh và xác thực điện tử để sử dụng dịch vụ thuế điện tử do ngành Thuế cung cấp.

+ 100% thủ tục hành chính thuế được thực hiện theo hình thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4.

+ Tiếp tục duy trì 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được kết nối, chia sẻ với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế

+ 100% nhu cầu thu thập, xử lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu có thể tin học hóa cho công tác quản lý thuế và chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế được ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tích hợp, tập trung.

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan thuế được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan thuế.

- + 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng.
- + 100% hệ thống báo cáo định kỳ được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo lộ trình chung của Bộ Tài chính, Chính phủ.
- + Tiếp tục duy trì 100% hồ sơ công chức, viên chức được lưu trữ, quản lý dưới dạng hồ sơ điện tử.
- + 100% công chức, viên chức được cấp tài khoản để sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin bao gồm: tài khoản người dùng, thư điện tử, tài khoản trao đổi thông tin trực tuyến.
- + 100% nhu cầu kết nối trao đổi thông tin giữa các đơn vị, Bộ ngành, tổ chức liên quan được ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình triển khai các văn bản thỏa thuận, hợp tác giữa các bên.
- Triển khai phần cứng, hạ tầng kỹ thuật, an ninh, an toàn thông tin
- + 95% hệ thống máy chủ được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.
- + 95% ứng dụng cốt lõi (bao gồm ứng dụng Dịch vụ Thuế điện tử, ứng dụng Quản lý thuế tích hợp, các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực thuế tích hợp với dịch vụ công quốc gia...) đảm bảo độ sẵn sàng hoạt động tại Trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa (DRC) khi có sự cố phát sinh.
- + 100% hệ thống công nghệ thông tin được vận hành, theo dõi, giám sát tập trung.
- + 100% công chức được truy cập hệ thống làm việc từ xa.
- + 100% hệ thống công nghệ thông tin của ngành Thuế được đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình bốn lớp.
- + 95% hệ thống thông tin được phê duyệt mức độ an toàn hệ thống thông tin.
- + Chuyển đổi 100% hạ tầng máy chủ tại Cục Thuế tập trung về xử lý tại trung tâm dữ liệu ngành Thuế.

III. NỘI DUNG

1. Định hướng phát triển hệ thống công nghệ thông tin ngành Thuế

1.1. Định hướng phát triển hệ thống công nghệ thông tin ngành Thuế

Theo định hướng của Chính phủ về chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã đặt ra cơ hội mới và các thách thức đối với ngành Thuế và đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Yêu cầu này đòi hỏi sự thay đổi tổng thể và toàn diện về cách thức làm việc, đưa toàn bộ hoạt động của cơ quan thuế lên môi trường số, đổi mới mô hình hoạt động, thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số và dữ liệu gồm: phát triển hạ tầng số; phát triển các nền tảng số; phát triển dữ liệu số; đưa các hoạt động mới của cơ quan thuế lên môi trường số như làm việc từ xa, giám sát, kiểm tra thanh tra trên môi trường số; ra quyết định

dựa trên dữ liệu; phát triển trợ lý ảo, tích hợp chung các nền tảng số quốc gia, ưu tiên triển khai công nghệ đám mây...

Ngành Thuế định hướng phát triển hệ thống công nghệ thông tin tích hợp, tập trung, đảm bảo lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, công khai minh bạch, hiệu quả, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, cũng như đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả của quản lý nhà nước. Cung cấp các dịch vụ thuế số và các dữ liệu điện tử để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, góp phần nâng cao xếp hạng của Việt Nam về mức độ đơn giản, thuận lợi về thuế. Xây dựng các nền tảng tích hợp, nền tảng dữ liệu lớn để cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành, kết nối trao đổi thông tin liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước, hỗ trợ công tác quản lý thuế, quản lý rủi ro thuế và hoạch định chính sách. Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, đảm bảo vận hành liên tục, hiệu quả, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu. Công nghệ thông tin được phát triển theo định hướng chính phủ điện tử và chính phủ số.

1.2. Định hướng mô hình công nghệ thông tin ngành Thuế

Xây dựng và phát triển hệ thống phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật theo hướng cung cấp dịch vụ thuế số cho người nộp thuế, công chức thuế, các đối tác của ngành Thuế; triển khai hệ thống quản lý thuế tập trung, tích hợp đảm bảo lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, công khai minh bạch, hiệu quả, thúc đẩy cải cách hành chính thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chi phí hoạt động, cũng như đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả của quản lý nhà nước theo định hướng của Chính phủ về chính phủ điện tử và chuyển đổi số. Ứng dụng các thành tựu công nghệ mới phù hợp với chuẩn mực quốc tế nhằm xử lý tự động các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và phân tích dữ liệu lớn phục vụ công tác hoạch định chính sách, dự báo số thu, tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và thanh tra, kiểm tra thuế, điều tra thuế...

1.2.1 Cung cấp dịch vụ thuế số cho người nộp thuế, công chức thuế, các đối tác của ngành Thuế

Cung cấp dịch vụ thuế số cho người nộp thuế giúp tăng trải nghiệm cho người nộp thuế và người dân về các dịch vụ điện tử, dịch vụ số do cơ quan thuế cung cấp.

Các dịch vụ thủ tục hành chính do cơ quan thuế cung cấp được triển khai mức 3, mức 4 cho người nộp thuế theo hướng đơn giản, hiệu quả, nhanh chóng. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ công gồm: điện tử hóa, số hóa thủ tục hành chính và kết nối các dịch vụ công, cung cấp dịch vụ một cửa điện tử. Cung cấp các kết nối trực tiếp với người nộp thuế, với các tổ chức và đơn vị trung gian. Bên cạnh dịch vụ sử dụng kết nối chia sẻ, tiếp nhận, xử lý thông tin là các dịch vụ về quản lý giao tiếp, quản lý thông tin người nộp thuế như khách hàng, quản lý hiệu suất hiệu quả trong hoạt động cung cấp dịch vụ.

Dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế được xây dựng theo hướng tự động, áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong việc xây dựng các mô hình trả lời tự động, hỗ trợ người nộp thuế theo nhu cầu dựa trên đánh giá hành vi của người nộp thuế trên môi trường mạng, dịch vụ được cung cấp theo hướng người nộp thuế cần, hỗ trợ đáp ứng việc người nộp thuế tra cứu, tiếp nhận chủ động các thông báo của cơ quan thuế qua các phương tiện điện tử, các thông tin được cung cấp minh bạch, rõ ràng, trong suốt giữa người nộp thuế và cơ quan thuế. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế gồm: Kết nối chia sẻ thông tin qua việc tự động cung cấp cho người nộp thuế các thông tin về pháp luật thuế, giao dịch về thuế, thông báo, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuế cho người nộp thuế.

Cung cấp dịch vụ cho công chức thuế: Công chức thuế là đối tác bên trong của hệ thống công nghệ thông tin cần được cung cấp các dịch vụ để thực hiện các quy trình nghiệp vụ về thuế, hoặc quy trình quản lý nội bộ ngành Thuế. Công chức thuế được cung cấp đầy đủ thông tin theo vị trí công việc để có thông tin tổng thể, chi tiết trong lĩnh vực công việc được giao, giúp ra quyết định xử lý công việc hiệu quả.

Cung cấp dịch vụ kết nối, trao đổi cho các hệ thống bên thứ ba: Thực hiện kết nối, trao đổi, thu thập thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước, từ mạng xã hội... để có đánh giá nhiều chiều về thông tin người nộp thuế hỗ trợ công tác đánh giá rủi ro trong quản lý thuế đồng thời tăng cường kết nối để giảm các thủ tục hành chính cho người dân, người nộp thuế khi phải thực hiện nhiều thủ tục với nhiều cơ quan quản lý nhà nước khác nhau, việc tích hợp kết nối thông tin là xu thế tất yếu khi triển khai chính phủ điện tử, chính phủ số.

1.2.2 Hệ thống phần mềm ứng dụng, hệ thống công nghệ thông tin ngành Thuế

Hệ thống phần mềm hỗ trợ cho người nộp thuế: Hệ thống thuế điện tử cung cấp công dịch vụ công cho người nộp thuế; Hệ thống thu thập, đánh giá dữ liệu, cung cấp dữ liệu hỗ trợ cho người nộp thuế dựa theo kết quả của dữ liệu phân tích hành vi của người nộp thuế; Hệ thống chatbot, ứng dụng trên thiết bị điện tử thông minh hỗ trợ tương tác và cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế về thông tin pháp luật thuế; thông tin nghĩa vụ thuế; thông tin hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ về thuế...

Hệ thống phần mềm ứng dụng cốt lõi về quản lý thuế: Hệ thống xử lý chính về quản lý thuế trong các lĩnh vực đăng ký thuế, xử lý tờ khai, kê toán thuế, xử lý chứng từ thuế, quản lý tuân thủ, xác định nghĩa vụ thuế, quản lý trường hợp về thuế (thanh tra kiểm tra, thu nợ, cưỡng chế nợ, xử lý vi phạm, tố tụng hành chính trong lĩnh vực thuế, miễn thuế, giảm thuế, gia hạn nộp thuế...), thông báo thuế... Hệ thống hỗ trợ quản lý rủi ro về thuế, quản lý hóa đơn điện tử, quản lý quy trình và tài liệu (quản lý quy trình nghiệp vụ, quản lý nội dung, quản trị tài liệu hồ sơ gốc), quản lý kênh giao tiếp và thông tin khách hàng (người nộp thuế, các đối tác có giao dịch với cơ quan thuế); hệ thống quản trị,

tập trung, khai thác dữ liệu; xây dựng, thu thập dữ liệu để xây dựng cơ sở dữ liệu đánh giá rủi ro, cơ sở dữ liệu lớn nhằm cung cấp phần khai thác báo cáo mang tính chất chỉ đạo, điều hành, ra quyết định; cung cấp dữ liệu cho công tác phân tích rủi ro quản lý thuế.

Hệ thống phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý nội ngành: quản lý văn bản điều hành, quản lý kiểm toán, kiểm tra nội bộ, quản lý cán bộ, quản lý tài chính nội bộ, quản lý hợp tác, hợp tác quốc tế, quản lý hiệu quả: phân tích chính sách, nghiệp vụ, phân tích hiệu năng hệ thống, dự báo hỗ trợ ra quyết định, kế hoạch dự toán và các báo cáo phân tích, hệ thống các báo cáo thuế phục vụ khai thác nội bộ.

Hệ thống phần mềm tích hợp chia sẻ quản lý ứng dụng, tích hợp chia sẻ dữ liệu, quản lý hệ thống, an toàn thông tin: Dịch vụ cổng thanh toán điện tử; quản lý quy tắc nghiệp vụ; quản lý nội dung; quản lý công tác; hỗ trợ tự động hoá quy trình nhập liệu; dịch vụ lưu trữ số; quản lý định danh; quản lý tài liệu; nền tảng phát triển tích hợp ứng dụng nội bộ, tích hợp qua các kênh chia sẻ dữ liệu Bộ Tài chính, và các trực tích hợp bên ngoài, trực tích hợp quốc gia...; hệ thống quản lý chia sẻ dữ liệu chủ, chia sẻ dữ liệu dùng chung, phân tích và khai phá dữ liệu, quản lý dữ mở...; hệ thống giám sát quản trị an toàn, an ninh thông tin, giám sát và quản trị vận hành hệ thống.

1.2.3 Triển khai hạ tầng kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin

Trang thiết bị và các hạ tầng kỹ thuật, thiết bị an toàn công nghệ thông tin cần thiết cho việc phát triển hệ thống mới, duy trì hoạt động thường xuyên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng dùng chung của các hệ thống công nghệ thông tin, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ kết nối, xử lý tại cơ quan thuế các cấp và trang thiết bị cá nhân để đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định đáp ứng yêu cầu cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế và phục vụ công tác quản lý thuế trong nội bộ ngành Thuế và kết nối chia sẻ với các đơn vị bên ngoài ngành Thuế.

2. Nội dung hoạt động công nghệ thông tin

2.1. Đến năm 2025

a) Phát triển hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế, công chức thuế, các đối tác của ngành Thuế

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực thuế đáp ứng quy định của Luật Quản lý thuế, các nội dung sửa đổi, bổ sung chính sách, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Phát triển, nâng cấp kiến trúc hệ thống Cổng thông tin điện tử ngành Thuế để cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thuế một cách nhanh chóng, thuận lợi với nhiều trải nghiệm tốt hơn như bổ sung các tiện ích hỗ trợ người nộp thuế tra cứu các thông tin; bổ sung các kênh hỗ trợ nộp thuế thông qua các đơn vị trung gian thanh toán, sử

dụng QR code...; cung cấp nhiều kênh hỗ trợ người nộp thuế trên các nền tảng khác nhau (như điện thoại thông minh, chatbot...); bổ sung các chức năng về đồng bộ, kiểm tra, đối chiếu thông tin, chia sẻ thông tin từ các bộ, ngành và các đơn vị bên ngoài để tăng cường cung cấp dịch vụ thông minh hỗ trợ người nộp thuế và làm giàu cơ sở dữ liệu người nộp thuế.

- Xây dựng hệ thống một cửa điện tử tích hợp cung cấp cho người nộp thuế đầy đủ các thông tin về chính sách thuế, quy định pháp luật thuế có liên quan và hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước; tích hợp các khoản thuế, phí; tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt giúp tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới người nộp thuế; triển khai các kênh tương tác trực tuyến để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật và ban hành quyết định của cơ quan thuế, mở rộng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế qua mạng xã hội; cung cấp các giao diện lập trình ứng dụng để có thể tích hợp với các hệ thống dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan khác một cách dễ dàng.

- Xây dựng hệ thống phần mềm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung và trao đổi thông tin với các đơn vị bên ngoài nhằm tập trung, chuẩn hóa, xử lý, lưu trữ dữ liệu dưới dạng điện tử, ứng dụng các công nghệ mới trong việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế, công chức thuế và các đối tác ngành Thuế bao gồm: Hệ thống chia sẻ dữ liệu của ngành Thuế cho phép người dân, doanh nghiệp và người dùng tại các Bộ ngành, địa phương sử dụng để khai thác dữ liệu theo nhu cầu phù hợp với các quy định hiện hành; hệ thống kết nối trao đổi dữ liệu từ các Bộ, ngành, ngân hàng, các cơ quan quốc tế và các tổ chức liên quan khác để cung cấp thông tin nghiệp vụ quản lý cho công chức thuế; xây dựng, quản lý Trung tâm dịch vụ tích hợp dữ liệu thông minh của ngành Thuế đảm bảo đáp ứng quản lý dịch vụ và chia sẻ dữ liệu phù hợp với các quy định về an toàn an ninh thông tin.

- Tăng cường chất lượng quản trị, vận hành, hỗ trợ hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế, công chức thuế và các đối tác ngành Thuế: Hoàn thiện các hệ thống giám sát công nghệ thông tin tập trung toàn ngành Thuế đối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng cung cấp dịch vụ; áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị, vận hành, hỗ trợ hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ nhanh chóng, hiệu quả.

b) Phát triển hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế

b1) Xây dựng và triển khai hệ thống ứng dụng quản lý thuế và hỗ trợ người nộp thuế

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng các phần mềm ứng dụng quản lý thuế đáp ứng các yêu cầu sửa đổi, bổ sung chính sách, nghiệp vụ thuế và thay đổi về yêu cầu kỹ thuật theo từng năm.

Hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận, xử lý tự động các quy trình quản lý thuế đối với mọi sắc thuế bao gồm đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, xử lý chứng từ nộp thuế, miễn giảm, hoàn thuế, quản lý nợ, xoá nợ, cưỡng chế nợ thuế, thanh tra kiểm tra thuế, khiếu nại tố cáo... và đáp ứng chế độ kế toán thuế nội địa; hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện các quy trình quản lý thuế đặc thù như quản lý thuế đất, quản lý thuế phi nông nghiệp, quản lý cá nhân kinh doanh, quản lý lệ phí trước bạ nhà đất, quản lý hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới...

- Xây dựng và triển khai phần mềm ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế đáp ứng yêu cầu về chính sách quản lý hóa đơn; mở rộng xây dựng hệ thống Cổng kết nối tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trong trường hợp người bán đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền; cung cấp các chức năng hỗ trợ cơ quan thuế trong công tác điều tra, đối chiếu doanh thu, xác định số thuế phải nộp của các tổ chức/cá nhân kinh doanh.

- Phát triển hệ thống ứng dụng phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro đáp ứng yêu cầu quản lý thuế theo phương pháp ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế, hỗ trợ công tác quản lý thuế: Xây dựng và triển khai phần mềm Quản lý rủi ro trên nền ứng dụng phân tích dữ liệu lớn và máy học hoặc áp dụng trí tuệ nhân tạo (Big Data analytics và Machine Learning/Artificial Intelligent); triển khai dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu (trên nền ứng dụng API Gateway, Service/Data Service...).

- Xây dựng kho cơ sở dữ liệu quốc gia về thuế trên nền tảng tích hợp và nền tảng dữ liệu lớn (Big Data và Data lake) để cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành, kết nối trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý thuế và quản lý tuân thủ, bao gồm thông tin, dữ liệu quản lý thuế từ các hệ thống tác nghiệp của ngành Thuế, thông tin tài khoản, giao dịch từ các ngân hàng thương mại, thông tin liên quan trong nước, ngoài nước, thông tin chính thức từ các cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài, thông tin từ các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế.

b2) Xây dựng và triển khai hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nội ngành

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng các phần mềm ứng dụng quản lý nội ngành đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ mới và các thay đổi về kỹ thuật, công nghệ nhằm hỗ trợ công tác quản lý thuế.

- Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý văn phòng điện tử đáp ứng quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, chuẩn hóa biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số, định danh số giữa các cơ quan nhà nước; thực hiện số hóa hồ sơ và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính; lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của cơ quan thuế; kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa cơ quan thuế với các cơ quan nhà nước thông qua trực văn bản quốc gia theo định hướng phát triển văn phòng không giấy tờ.

- Xây dựng hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử của cơ quan thuế nhằm cung cấp các dịch vụ khai thác, tra cứu và tạo lập các dữ liệu điện tử dùng chung trong các dịch vụ khai thác dữ liệu của cơ quan thuế.

b3) Xây dựng và triển khai hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin tích hợp chia sẻ dữ liệu, quản lý hệ thống, an toàn thông tin

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng ứng dụng kết nối, trao đổi thông tin với các đơn vị, tổ chức bên ngoài đáp ứng các bổ sung sửa đổi chính sách thuế và thay đổi về yêu cầu kỹ thuật, công nghệ.

- Xây dựng hệ thống kết nối trao đổi dữ liệu từ các bộ, ngành, ngân hàng và các tổ chức liên quan để phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ người nộp thuế; hệ thống chia sẻ dữ liệu dùng chung của ngành Thuế cho phép doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và người dùng của các đơn vị có thể khai thác, sử dụng dữ liệu quản lý thuế theo chính sách, quy định hiện hành.

c) Triển khai hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn an ninh cho hệ thống công nghệ thông tin ngành Thuế

c1) Về hạ tầng kỹ thuật

- Duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng dùng chung của các hệ thống công nghệ thông tin, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ kết nối, xử lý tại địa phương và trang thiết bị cá nhân để đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định đáp ứng yêu cầu cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế và phục vụ công tác quản lý thuế trong giai đoạn mới.

- Chuyển đổi và triển khai hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin ngành Thuế hoạt động trên nền điện toán đám mây theo hướng cung cấp dịch vụ mức độ nền tảng. Phát triển hạ tầng internet vạn vật (IoT) và các công nghệ số mới trong xây dựng các ứng dụng, dịch vụ phục vụ công tác quản lý thuế.

- Trang bị thiết bị công nghệ thông tin dành cho công chức thuế đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa môi trường làm việc của ngành Thuế. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa cho công chức, viên chức thuế. Trang bị các hệ thống tăng cường môi trường cộng tác làm việc cho công chức thuế: hệ thống hội thảo trực tuyến (Video Conference), hệ thống chia sẻ dữ liệu, hệ thống thư điện tử, hệ thống đào tạo trực tuyến (Online training), điện thoại số... Các hệ thống cộng tác được trang bị theo hướng cung cấp phần mềm như một dịch vụ (Software as a Service).

- Triển khai mở rộng kênh truyền kết nối với các đơn vị bên ngoài, các tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trong lĩnh vực thuế (TVAN), phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu ngành Thuế. Nghiên cứu, triển khai ứng dụng các công nghệ mạng (5G/6G) trong việc cung cấp các dịch vụ trên nền tảng ứng dụng di động. Nâng cấp, mở rộng băng thông kết nối internet đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của cán bộ công chức, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công qua mạng internet, tăng cường khả năng sẵn sàng và làm kinh dự phòng cho các kết nối chia sẻ dữ liệu, cung cấp dịch vụ cho các bên thứ ba.

- Triển khai Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng của ngành Thuế theo hướng cung cấp hạ tầng trung tâm dữ liệu như một dịch vụ. Chuyển dịch theo hướng ảo hóa hạ tầng trung tâm dữ liệu (Software Define DataCenter), kết hợp giữa các trung tâm dữ liệu (DataCenter) hiện có của Tổng cục Thuế với các trung tâm dữ liệu trên nền tảng Cloud để tăng tính dự phòng, linh hoạt và hiệu quả. Hướng tới triển khai trung tâm dữ liệu dự phòng thứ ba trên nền tảng Cloud.

c2) Về hệ thống an toàn thông tin

- Duy trì hệ thống an toàn thông tin phục vụ triển khai các ứng dụng hiện có của ngành Thuế. Nâng cấp hệ thống, triển khai các giải pháp an toàn thông tin thông minh có ứng dụng công nghệ mới. Thay thế các thiết bị an toàn bảo mật (Firewall, Proxy...) để tăng cường an toàn thông tin tại các Cục Thuế, Chi cục Thuế.

- Xây dựng hệ thống an toàn thông tin theo hướng bảo vệ dữ liệu nhà nước và bảo vệ dữ liệu của người dùng thông qua sử dụng định danh số để bảo đảm xác định đúng người truy cập dữ liệu.

- Triển khai hệ thống an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp tại Tổng cục Thuế: Nâng cấp hệ thống giám sát thông tin (SOC) lên hệ thống điều phối an ninh, tự động hóa xử lý sự cố và phản hồi (Security Orchestration, Automation, and Response-SOAR) kết hợp với các giải pháp giám sát thông minh phục vụ việc quản lý các sự cố, phản hồi lại sự cố, tự động hóa các hoạt động; giám sát 24/7 an toàn thông tin mạng cho các hệ thống quan trọng của Tổng cục Thuế, kiểm tra đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin.

2.2. Đến năm 2030

- Xây dựng, triển khai hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế, công chức thuế, các đối tác của ngành Thuế: Nâng cấp và triển khai toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 trên nhiều nền tảng khác nhau. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối chia sẻ thông tin với các đơn vị bên ngoài. Triển khai các dịch vụ đánh giá, khảo sát sự hài lòng của người nộp thuế đối với các dịch vụ công của cơ quan thuế theo các hình thức điện tử.

- Xây dựng, triển khai hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế: Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống ứng dụng quản lý thuế đảm bảo việc thay đổi chính sách hàng năm và đáp ứng các yêu cầu chính sách quản lý thuế mới theo từng thời kỳ; Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai chính phủ số trong ngành Thuế. Triển khai, xây dựng việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ của cán bộ thuế trên môi trường mạng; ứng dụng việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Xây dựng, triển khai hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nội ngành: Xây dựng và triển khai các hệ thống giám sát, đo lường các chỉ số

hoạt động về hiệu suất, hiệu quả trong quá trình thực thi công vụ của cơ quan thuế và công chức thuế.

- Xây dựng nền tảng dữ liệu phục vụ nghiệp vụ quản lý thuế và các dịch vụ thuế thông minh bao gồm: Triển khai nền tảng quản trị dữ liệu hiện đại hỗ trợ dữ liệu lớn và quản lý dữ liệu chủ; triển khai các mô hình phân tích dự báo dữ liệu hỗ trợ quản trị rủi ro, quản trị chất lượng và quản trị hiệu năng. Trong đó, hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp theo hướng cho phép ứng dụng khoa học dữ liệu nhằm hỗ trợ quản lý nghiệp vụ. Xây dựng nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu, kho dữ liệu, quản trị dữ liệu chủ, quản lý phân tích dữ liệu, quản lý dịch vụ dữ liệu trên cơ sở ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn, internet vạn vật, máy học để làm giàu dữ liệu, thông tin và tri thức hỗ trợ nghiệp vụ.

- Triển khai hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin công nghệ thông tin: Phát triển hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu triển khai chính phủ số trong ngành Thuế.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

- Duy trì, nâng cấp, triển khai mở rộng hệ thống ứng dụng và hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin nhằm duy trì hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin hiện hành đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; các nghị định và thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế bao gồm xây dựng và triển khai hệ thống Quản lý hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế; nâng cấp, mở rộng các hệ thống ứng dụng quản lý thuế và hỗ trợ người nộp thuế, các ứng dụng quản lý nội ngành; các hệ thống trao đổi thông tin với các đơn vị như ngân hàng, kho bạc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan...; triển khai các dịch vụ tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung với Bộ Tài chính và tích hợp với cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Duy trì hệ thống an toàn thông tin phục vụ triển khai các ứng dụng hiện có của ngành Thuế. Nâng cấp hệ thống, triển khai các giải pháp an toàn thông tin thông minh có ứng dụng công nghệ mới. Thay thế các thiết bị an toàn bảo mật (Firewall, Proxy...) để tăng cường an toàn thông tin tại các Cục Thuế, Chi cục Thuế. Giám sát 24/7 an toàn thông tin mạng cho các hệ thống quan trọng của Tổng cục Thuế, kiểm tra đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin.

b) Năm 2022

- Tiếp tục duy trì nâng cấp mở rộng các phần mềm ứng dụng, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin hiện hành đáp ứng các thay đổi về yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật trong năm 2022: Triển khai mở rộng hệ thống ứng dụng Quản lý hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế; xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật về thuế để phục vụ triển khai dịch vụ cung cấp thông tin cho người nộp thuế; tiếp tục triển khai việc kết nối với các đơn vị ngoài ngành Thuế để trao đổi thông tin theo các thoả thuận hợp tác, quy chế phối hợp.

- Xây dựng dự án Quản lý thuế tích hợp, tập trung đáp ứng tái thiết kế quy trình nghiệp vụ trên nền tảng kiến trúc hiện đại, ứng dụng công nghệ mới về trí tuệ nhân tạo, vạn vật kết nối, dữ liệu lớn...

- Ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại nâng cấp hệ thống phần mềm, cải tiến, mở rộng các dịch vụ hỗ trợ trả lời tự động, hỗ trợ tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về thuế cho người nộp thuế và đại lý thuế theo nhu cầu nhằm nâng cao mức độ tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế và hỗ trợ người nộp thuế có đầy đủ thông tin để thực hiện về nghĩa vụ thuế.

- Xây dựng hệ thống kết nối trao đổi dữ liệu từ các bộ, ngành, ngân hàng và các tổ chức liên quan để phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ người nộp thuế; hệ thống chia sẻ dữ liệu dùng chung của ngành Thuế cho phép người dùng có thể khai thác, sử dụng dữ liệu quản lý thuế theo chính sách, quy định hiện hành.

- Xây dựng hệ thống quản lý văn phòng điện tử đáp ứng quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, chuẩn hóa biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số, định danh số giữa các cơ quan nhà nước;

- Chuyển đổi và triển khai hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin ngành Thuế hoạt động trên nền điện toán đám mây theo hướng cung cấp dịch vụ mức độ nền tảng.

- Trang bị thiết bị công nghệ thông tin dành cho công chức, viên chức thuế đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa môi trường làm việc của ngành Thuế. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa cho công chức, viên chức thuế. Trang bị các hệ thống tăng cường môi trường công tác làm việc cho công chức, viên chức thuế: hệ thống hội thảo trực tuyến (Video Conference), hệ thống chia sẻ dữ liệu, hệ thống thư điện tử, hệ thống đào tạo trực tuyến (Online training), điện thoại số...

- Triển khai mở rộng kênh truyền kết nối với các đơn vị bên ngoài, các tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trong lĩnh vực thuế (TVAN), phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu ngành Thuế.

- Xây dựng hệ thống an toàn thông tin theo hướng bảo vệ dữ liệu nhà nước và bảo vệ dữ liệu của người dùng thông qua sử dụng định danh số để bảo đảm xác định đúng người truy cập dữ liệu.

c) Năm 2023

- Tiếp tục duy trì nâng cấp mở rộng các phần mềm ứng dụng, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin hiện hành đáp ứng các thay đổi về yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật trong năm 2023.

- Xây dựng phần mềm Quản lý thuế tích hợp, tập trung đáp ứng tái thiết kế quy trình nghiệp vụ: Hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận, xử lý tự động các quy trình quản lý thuế đối với mọi sắc thuế bao gồm Đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, xử lý chứng từ nộp thuế, miễn giảm, hoàn thuế, quản lý nợ, xoá nợ, cưỡng chế nợ thuế, thanh tra kiểm tra thuế, khiếu nại tố cáo... và đáp ứng chế độ kê toán thuế nội địa; hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện các quy trình quản lý thuế

đặc thù như quản lý thuế đất, quản lý thuế phi nông nghiệp, quản lý cá nhân kinh doanh, quản lý lệ phí trước bạ nhà đất, quản lý hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới...

- Xây dựng và triển khai phần mềm ứng dụng Quản lý hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế đáp ứng yêu cầu về chính sách quản lý hóa đơn; mở rộng xây dựng hệ thống Cổng kết nối tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trong trường hợp người bán đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền; cung cấp các chức năng hỗ trợ cơ quan thuế trong công tác điều tra, đối chiếu doanh thu, xác định số thuế phải nộp của các tổ chức/cá nhân kinh doanh.

- Phát triển hệ thống ứng dụng phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro đáp ứng yêu cầu quản lý thuế theo phương pháp ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế, hỗ trợ công tác quản lý thuế.

- Xây dựng kho cơ sở dữ liệu quốc gia về thuế trên nền tảng tích hợp và nền tảng dữ liệu lớn (Big Data và Data lake) để cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành, kết nối trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý thuế và quản lý tuân thủ.

- Xây dựng hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử của cơ quan thuế nhằm cung cấp các dịch vụ khai thác, tra cứu và tạo lập các dữ liệu điện tử dùng chung trong các dịch vụ khai thác dữ liệu của cơ quan thuế.

- Triển khai hệ thống quản lý văn phòng điện tử; thực hiện số hóa hồ sơ và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính; lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của cơ quan thuế; kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa cơ quan thuế với các cơ quan nhà nước thông qua Trục văn bản quốc gia theo định hướng phát triển văn phòng không giấy tờ.

- Nghiên cứu, triển khai ứng dụng các công nghệ mạng (5G/6G) trong việc cung cấp các dịch vụ trên nền tảng ứng dụng di động. Phát triển hạ tầng internet vạn vật (IoT) và các công nghệ số mới trong xây dựng các ứng dụng, dịch vụ phục vụ công tác quản lý thuế.

d) Năm 2024

- Tiếp tục duy trì nâng cấp mở rộng các phần mềm ứng dụng, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin hiện hành đáp ứng các thay đổi về yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật trong năm 2024.

- Triển khai phần mềm Quản lý thuế tích hợp, tập trung đáp ứng tái thiết kế quy trình nghiệp vụ trên nền tảng kiến trúc công nghệ hiện đại.

- Triển khai phần mềm Quản lý rủi ro trên nền ứng dụng phân tích dữ liệu lớn và máy học hoặc áp dụng trí tuệ nhân tạo (Big Data analytics và Machine Learning/Artificial Intelligent); triển khai dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu (trên nền ứng dụng API Gateway, Service/Data Service) ,...

- Triển khai Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng của ngành Thuế theo hướng cung cấp hạ tầng trung tâm dữ liệu như một dịch vụ.

Chuyển dịch theo hướng ảo hóa hạ tầng trung tâm dữ liệu (Software Define DataCenter), kết hợp giữa các trung tâm dữ liệu (DataCenter) hiện có của Tổng cục Thuế với các trung tâm dữ liệu trên nền tảng Cloud để tăng tính dự phòng, linh hoạt và hiệu quả. Hướng tới triển khai Trung tâm dữ liệu dự phòng thứ ba trên nền tảng Cloud.

e) Năm 2025

- Tiếp tục duy trì nâng cấp mở rộng các phần mềm ứng dụng, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin hiện hành đáp ứng các thay đổi về yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật trong năm 2025.

- Phát triển, nâng cấp kiến trúc hệ thống Cổng thông tin điện tử ngành Thuế để cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thuế một cách nhanh chóng, thuận lợi với nhiều trải nghiệm tốt hơn.

- Triển khai hệ thống an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp tại Tổng cục Thuế: Nâng cấp hệ thống giám sát thông tin (SOC) lên hệ thống điều phối an ninh, tự động hóa xử lý sự cố và phản hồi (Security Orchestration, Automation, and Response-SOAR) kết hợp với các giải pháp giám sát thông minh phục vụ việc quản lý các sự cố, phản hồi lại sự cố, tự động hóa các hoạt động.

2. Đến năm 2030

- Tiếp tục nâng cấp mở rộng các phần mềm ứng dụng, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin hiện hành đáp ứng các thay đổi về yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật trong giai đoạn 2026-2030.

- Xây dựng nền tảng dữ liệu phục vụ nghiệp vụ quản lý thuế và các dịch vụ thuế thông minh bao gồm: Triển khai nền tảng quản trị dữ liệu hiện đại hỗ trợ dữ liệu lớn và quản lý dữ liệu chủ; triển khai các mô hình phân tích dự báo dữ liệu hỗ trợ quản trị rủi ro, quản trị chất lượng và quản trị hiệu năng. Trong đó, hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp theo hướng cho phép ứng dụng khoa học dữ liệu nhằm hỗ trợ quản lý nghiệp vụ. Xây dựng nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu, kho dữ liệu, quản trị dữ liệu chủ, quản lý phân tích dữ liệu, quản lý dịch vụ dữ liệu trên cơ sở ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn, internet vạn vật, máy học để làm giàu dữ liệu, thông tin và tri thức hỗ trợ nghiệp vụ.

- Nâng cấp và triển khai toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 trên nhiều nền tảng khác nhau. Triển khai các dịch vụ đánh giá, khảo sát sự hài lòng của người nộp thuế đối với các dịch vụ công của cơ quan thuế theo các hình thức điện tử.

- Xây dựng và triển khai các hệ thống giám sát, đo lường các chỉ số hoạt động về hiệu suất, hiệu quả trong quá trình thực thi công vụ của cơ quan thuế và công chức thuế.

- Phát triển hệ thống dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai chính phủ số trong ngành Thuế.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2021-2025

Kinh phí chi đầu tư các đề án, dự án công nghệ thông tin trong giai đoạn 2021-2025 ước tính khoảng 7.158.729 triệu đồng, bình quân 1.431.746 triệu đồng/năm.

2. Giai đoạn 2026-2030

Kinh phí chi đầu tư các đề án, dự án công nghệ thông tin trong giai đoạn 2026-2030 ước tính khoảng 7.731.427 triệu đồng, bình quân 1.546.285 triệu đồng/năm./. Unh

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN

HIỆN ĐẠI HÓA CƠ SỞ VẬT CHẤT, HÀNH CHÍNH VÀ TÀI CHÍNH

ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược về quy hoạch hệ thống công sở và đầu tư trang thiết bị, phương tiện; hiện đại hóa công nghệ thông tin, công nghệ quản lý toàn ngành theo hướng tiên tiến, hiện đại, đồng bộ và đảm bảo điều kiện cho hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại, xây dựng ngành Thuế Việt Nam hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt nhu cầu của người đến giao dịch về thuế và phù hợp với các mục tiêu đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý biên chế và kinh phí đối với hoạt động của cơ quan Thuế. Tiếp tục bảo đảm nguồn kinh phí phục vụ hiệu quả các hoạt động thường xuyên, cũng như các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù, hiện đại hóa công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình nghiệp vụ thực hiện các công việc nội ngành. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức; đảm bảo điều kiện làm việc thuận lợi, lâu dài cho công chức ngành thuế tăng cường đào tạo kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng quản lý hiện đại cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính thuế dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình; đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; hệ thống cơ quan thuế từ trung ương đến địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu quả, liêm chính phục vụ nhân dân.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025

a) Lĩnh vực Đầu tư xây dựng

- Phấn đấu hoàn thành hệ thống trụ sở làm việc Cục Thuế, Chi cục Thuế và Chi cục Thuế khu vực sau khi hợp nhất.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các trụ sở làm việc chưa thực hiện trong giai đoạn trước và các trụ sở phải di dời theo quy hoạch chung của các địa phương.

b) Lĩnh vực Mua sắm tài sản

- Phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu của từng đơn vị.

- Triển khai mua sắm mới/mua sắm thay thế xe ô tô, phương tiện, trang thiết bị làm việc theo thẩm quyền phân cấp đảm bảo quy định, phù hợp tiêu chuẩn, định mức, trong đó tập trung trang bị theo hướng hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ tối đa công tác nghiệp vụ theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Thuế giai đoạn 2021-2025.

c) Cơ chế quản lý tài chính

Xây dựng cơ chế quản lý tài chính mới. Cơ chế tài chính giai đoạn từ năm 2021 trở đi phải bảo đảm phù hợp với sự thay đổi về chế độ chính sách tuy nhiên mục tiêu cố gắng đảm bảo kinh phí hoạt động cho ngành, đảm bảo kinh phí duy trì bộ máy, kinh phí thực hiện các đề án, các chủ trương lớn của ngành cũng như bảo đảm mức thu nhập cho cán bộ ngành Thuế không thấp hơn mức thu nhập hiện hưởng.

d) Văn phòng

- Hoàn thiện các quy chế, quy trình áp dụng trong nội ngành theo hướng hiện đại để tiến tới xây dựng văn phòng điện tử, đưa các ứng dụng hiện đại vào khai thác, sử dụng phục vụ nhu cầu quản lý, trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp thay thế dần phương thức quản lý truyền thống.

2. Đến năm 2030

a) Lĩnh vực Đầu tư xây dựng

- Phấn đấu xử lý các công trình xây dựng lâu năm, các công trình phải di dời theo quy hoạch khu hành chính mới của các địa phương nhưng chưa đáp ứng được điều kiện làm việc, chưa đáp ứng được chương trình hiện đại hóa công sở.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các trụ sở làm việc chưa thực hiện trong giai đoạn trước.

b) Lĩnh vực Mua sắm tài sản

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong giai đoạn 2026-2030.

- Tiếp tục triển khai mua sắm mới/mua sắm thay thế xe ô tô, phương tiện, trang thiết bị làm việc theo thẩm quyền phân cấp theo hướng hiện đại, đồng bộ, hiệu quả phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và chiến lược cải cách quản lý thuế giai đoạn 2026-2030.

- Ngoài 02 mục tiêu nêu trên, trên cơ sở tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án ở giai đoạn 2021 -2025 và nhiệm vụ mới phát sinh giai đoạn 2026-2030, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ khác về hiện đại hóa cơ sở vật chất đảm bảo phù hợp với kế hoạch và chiến lược phát triển chung giai đoạn 2021-2030.

c) Cơ chế quản lý tài chính

- Trên cơ sở cơ chế tài chính được duyệt của giai đoạn 2021-2025 mới đề xuất tiếp cho giai đoạn 2026-2030.

d) Văn phòng

- Tiếp tục chuẩn hóa các quy chế, quy trình áp dụng trong nội ngành theo hướng hiện đại để tiến tới xây dựng văn phòng điện tử, đưa các ứng dụng hiện đại vào khai thác, sử dụng phục vụ nhu cầu quản lý, trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp thay thế dần phương thức quản lý truyền thống theo từng giai đoạn.

III. NỘI DUNG

1. Đầu tư xây dựng

1.1. Đến năm 2025

- Tiếp tục hoàn thành 86 dự án đang thực hiện dở dang trong giai đoạn 2016-2020 gồm 32 dự án trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư năm 2020, 19 dự án trong kế hoạch dự kiến hoàn thành năm 2020 và 35 dự án trong kế hoạch dự kiến hoàn thành năm 2021 và các năm tiếp theo (07 Cục Thuế và 79 Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực).

- Khởi công xây dựng các dự án được Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở hệ thống thuế và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Nhu cầu đầu tư xây dựng giai đoạn 2021-2025 của ngành Thuế gồm xây dựng mới 01 kho lưu trữ chuyên dụng ngành Thuế, xây dựng mới 55 dự án và 73 dự án cải tạo mở rộng (01 Cục Thuế và 127 Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực). Phần đầu đưa vào sử dụng 90% số lượng dự án dự kiến khởi công trong giai đoạn 2021-2025¹.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thành thẩm tra phê duyệt quyết toán 100% các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang².

1.2. Đến năm 2030

Rà soát, trình Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch đầu tư, chủ trương đầu tư giai đoạn 2026-2030 đối với các trụ sở làm việc được xây dựng lâu năm, phải di dời theo quy hoạch khu hành chính mới của địa phương, chưa đáp ứng được điều kiện làm việc của cán bộ công chức, chưa đáp ứng được chương trình hiện đại hóa công sở và chưa đáp ứng được điều kiện khách đến giao dịch về thuế.

2. Mua sắm tài sản

2.1. Đến năm 2025

- Thực hiện sáp xếp, xử lý trụ sở làm việc theo tiến độ hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc, kế hoạch sáp xếp cơ cấu tổ chức đảm bảo việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc hiệu quả, đúng quy định.

- Hoàn thành 100% kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về sáp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất của các Chi cục Thuế thực hiện sáp nhập, hợp nhất

¹ Mục tiêu này đã được Tổng cục Thuế trình Bộ Tài chính phê duyệt tại Tờ trình số 2861/TTr-TVQT ngày 15/7/2020 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống trụ sở làm việc Tổng cục Thuế giai đoạn 2021-2025.

² Mục tiêu này thực hiện hoàn thành quyết toán 86 dự án đang triển khai thực hiện dở dang trong giai đoạn 2016-2020 chuyển sang giai đoạn 2021-2025.

theo Quyết định số 520/QĐ-BTC ngày 13/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đảm bảo quy định, phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng của các đơn vị.

- Hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của hệ thống thuế theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ để đề xuất phương án mua sắm, sắp xếp, xử lý xe ô tô đảm bảo quy định³.

- Hoàn thành trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định số 1488/QĐ-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đảm bảo cơ sở, căn cứ cho các đơn vị thực hiện sắp xếp, mua sắm, trang bị tài sản.

- Hoàn thành 100% kế hoạch, mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về mua sắm mới/mua sắm thay thế xe ô tô theo quy định đảm bảo việc quản lý, sử dụng xe ô tô an toàn, hiệu quả, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức.

- Hoàn thành 100% kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về mua sắm mới/mua sắm thay thế phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo quy định, phù hợp tiêu chuẩn, định mức, trong đó, tập trung trang bị theo hướng hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ tối đa công tác nghiệp vụ theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Thuế giai đoạn 2021-2025.

2.2. Đến năm 2030

- Thực hiện sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong giai đoạn 2026-2030.

- Hoàn thành 100% kế hoạch, mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về mua sắm mới/mua sắm thay thế xe ô tô theo quy định đảm bảo việc quản lý, sử dụng xe ô tô an toàn, hiệu quả, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức.

- Hoàn thành 100% kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về mua sắm mới/mua sắm thay thế phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo quy định, phù hợp tiêu chuẩn, định mức, trong đó, tập trung trang bị theo hướng hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ tối đa công tác nghiệp vụ theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Thuế giai đoạn 2026-2030.

3. Cơ chế quản lý tài chính

3.1. Đến năm 2025

- Năm 2021: Tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 129/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc Hội đã quy định: “Tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính đặc thù được cấp có thẩm quyền quy định đối với một số cơ quan, đơn vị hành chính

³ Theo Công văn số 14195/BTC-KHTC ngày 22/11/2019 của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế được phép quản lý, sử dụng tối đa 01 xe ô tô chức danh và 89 xe ô tô phục vụ công tác chung. Đối với xe ô tô chuyên dùng, Tổng cục Thuế đã có Tờ trình số 60/TTr-TCT ngày 12/3/2020 và Công văn số 4770/TCT-TVQT ngày 09/11/2020 trình Bộ Tài chính phê duyệt tiêu chuẩn, định mức đối với 434 xe (01 xe loại 29 chỗ, 01 xe 7-9 chỗ 2 cầu có gắn thiết bị chuyên dùng và 432 xe bán tải).

nhà nước cho tới khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương...". Theo đó, kinh phí khoán chi của Tổng cục Thuế đã được Quốc hội phê chuẩn là 12.380.000 triệu đồng (tương ứng với 1,108% dự toán thu ngân sách nhà nước giao Tổng cục Thuế tổ chức thực hiện năm 2021).

- Ngày 17/3/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/2021/QĐ-TTg về việc kéo dài cơ chế tài chính đặc thù của một số cơ quan hành chính nhà nước, trong đó: Kéo dài thời hạn áp dụng Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020 cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

- Năm 2022 dự toán chi của Tổng cục Thuế đã được Quốc hội phê chuẩn là 11.700.000 triệu đồng (*tương ứng với 0,996% dự toán thu ngân sách nhà nước giao Tổng cục Thuế tổ chức thực hiện năm 2022*).

- Năm 2023 trở đi: Xây dựng cơ chế quản lý tài chính gắn với cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 05/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính nhà nước để đảm bảo nguồn lực cho Tổng cục Thuế hoàn thành nhiệm vụ chính trị, tăng tính chủ động cho Tổng cục Thuế trong quản lý tài chính, tài sản, xây dựng cơ bản đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; Đảm bảo kế thừa cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế các giai đoạn trước và giai đoạn 2016-2020 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.2. Đến năm 2030

Căn cứ vào cơ chế đến năm 2025 được phê duyệt để tiếp tục xây dựng cơ chế tài chính cho giai đoạn 2026-2030 bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển của ngành và của giai đoạn.

4. Văn phòng

4.1 Đến năm 2025

- Chuẩn hóa các quy chế, quy trình theo hướng hiện đại hóa.

+ Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy trình áp dụng trong nội ngành trên cơ sở các quy định của Luật, Nghị định hiện hành liên quan đến công tác văn thư, lưu trữ, hành chính văn phòng, quản trị công sở... theo hướng hiện đại, có ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhằm chuyên nghiệp, hiện

dại như: Quy chế làm việc cơ quan, các quy chế, quy trình liên quan đến công tác văn thư lưu trữ, quy chế quản lý tòa nhà, quy định về phòng cháy chữa cháy...

+ Chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ điện tử, trao đổi văn bản trên môi trường mạng. Xây dựng các quy trình thủ tục hành chính liên thông điện tử để cắt giảm đáng kể thời gian giải quyết của người dân và doanh nghiệp. Nâng cao tính công khai minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

+ Tăng cường kiểm tra, rà soát, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định, thủ tục chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

+ Ưu tiên, xây dựng, triển khai các phần mềm, hệ thống quản lý văn phòng điện tử đáp ứng yêu cầu của các quy trình, quy chế trong công tác hành chính văn phòng, văn thư lưu trữ đảm bảo kết nối, liên thông, trao đổi văn bản điện tử giữa cơ quan thuế với nhau và giữa cơ quan thuế với người dân, doanh nghiệp.

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống kho lưu trữ văn bản, tài liệu đảm bảo quy quy chuẩn trong lưu trữ tài liệu đảm bảo hiện đại, chuyên nghiệp và an toàn; thiết lập và triển khai hệ thống lưu trữ điện tử đáp ứng yêu cầu lưu trữ dữ liệu, hồ sơ điện tử trong ngành.

4.2. Đến năm 2030

- Tiếp tục chuẩn hóa các quy chế, quy trình theo hướng hiện đại hóa, triển khai thành công văn phòng điện tử.

- Tiếp tục tăng cường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các bước công việc phù hợp với từng giai đoạn theo hướng hiện đại hóa.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung cải cách cơ sở vật chất, hành chính và tài chính nêu trên, dự kiến lộ trình thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn và từng năm.

1. Đến năm 2025

a) Năm 2021

a1) Đầu tư xây dựng

- Hoàn thành nhóm 81 dự án đang thực hiện dở dang trong giai đoạn 2016-2020 gồm 32 dự án trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư năm 2020, 8 dự án trong kế hoạch hoàn thành năm 2020 và 41 dự án trong kế hoạch dự kiến hoàn thành năm 2021 và các năm tiếp theo (07 Cục Thuế và 74 Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực). Phần đầu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 25-30 dự án.

- Khởi công xây dựng khoảng 25 dự án trong kế hoạch thực hiện chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện hoàn thành thẩm tra phê duyệt quyết toán các dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng các năm 2020.

- Thực hiện chuẩn bị đầu tư 29 dự án được Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở hệ thống thuế và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (24 dự án xây dựng mới và 5 dự án cải tạo mở rộng).

a2) Mua sắm tài sản

- Hoàn thành tối thiểu 50% việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất của các Chi cục Thuế thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo Quyết định số 520/QĐ-BTC ngày 13/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đảm bảo quy định, phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng của các đơn vị.

- Phối hợp, nắm bắt tiến độ xây dựng mới trụ sở làm việc, kế hoạch sắp xếp cơ cấu tổ chức để thực hiện rà soát, sắp xếp trụ sở làm việc của các đơn vị thuộc hệ thống thuế đảm bảo hiệu quả, đúng quy định phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hoàn thành việc rà soát, hoàn thiện, bổ sung hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của hệ thống thuế theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ⁴. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định, thực hiện đề xuất phương án mua sắm, sắp xếp, xử lý đảm bảo quy định.

- Tổng hợp đề xuất của các đơn vị, hoàn thành rà soát, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định số 1488/QĐ-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thực hiện trang bị mới hoặc thay thế phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn, định mức, nhu cầu và thực tế tại từng đơn vị, trong đó, tập trung trang bị phương tiện làm việc theo hướng hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ tối đa công tác nghiệp vụ theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Thuế.

a3) Cơ chế tài chính

- Thực hiện theo quy định của Quốc hội tại Nghị quyết số 129/2020/QH14 ngày 13/11/2020 và Quyết định số 11/2021/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

a4) Văn phòng

- Triển khai chương trình quản lý văn bản và điều hành cho 03 Cục Thuế Lâm Đồng, Hòa Bình, Vĩnh Phúc.

⁴ Tổng cục Thuế đã có Tờ trình số 60/TTr-TCT ngày 12/3/2020 và Công văn số 4770/TCT-TVQT ngày 09/11/2020 và tờ trình số 203/TTr-TCT ngày 27/10/2021 trình Bộ Tài chính phê duyệt tiêu chuẩn, định mức đối với 423 xe chuyên dùng (421 xe bán tải 2 cầu, 01 xe gắn thiết bị chuyên dùng, 01 xe 29 chỗ).

- Mua sắm máy móc thiết bị, vật tư, trang thiết bị làm việc cấp phát cho cán bộ công chức mới tuyển dụng.

- Mua sắm mới, thay thế vật tư, thiết bị... phục vụ hệ thống tòa nhà, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc và các hạng mục khác duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Tổng cục Thuế.

b) Năm 2022

b1) Đầu tư xây dựng

- Tiếp tục hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 41 dự án thuộc giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025.

- Khởi công xây dựng khoảng 29 dự án trong kế hoạch thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2021 (24 dự án xây dựng mới và 5 dự án cải tạo mở rộng).

- Thực hiện chuẩn bị đầu tư 32 dự án được Bộ Tài chính phê duyệt quy hoạch đầu tư xây dựng trụ sở hệ thống thuế và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (23 dự án xây dựng mới và 9 dự án cải tạo mở rộng).

- Thực hiện hoàn thành thẩm tra phê duyệt quyết toán các dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng các năm 2020, 2021.

b2) Mua sắm tài sản

- Hoàn thành 100% việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất của các Chi cục Thuế thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo Quyết định số 520/QĐ-BTC ngày 13/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đảm bảo quy định, phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng của các đơn vị.

- Phối hợp, nắm bắt tiến độ xây dựng mới trụ sở làm việc, kế hoạch sắp xếp cơ cấu tổ chức để thực hiện rà soát, sắp xếp trụ sở làm việc của các đơn vị thuộc hệ thống đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Thực hiện mua sắm mới/mua sắm thay thế xe ô tô theo thẩm quyền phân cấp đảm bảo việc quản lý, sử dụng xe ô tô an toàn, hiệu quả, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và định hướng, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.⁵

- Thực hiện rà soát, trang bị mới hoặc thay thế phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn, định mức, nhu cầu và thực tế tại từng đơn vị, trong đó, tập trung trang bị phương tiện làm việc theo hướng hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ tối đa công tác nghiệp vụ theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Thuế.

b3) Cơ chế tài chính

- Rà soát, hoàn thiện Cơ chế tài chính theo Đề án đã Báo cáo Bộ Tài chính tại Công văn số 3298/TCT-TVQT ngày 12/8/2020 trong đó: Mức kinh phí được

⁵ Năm 2022: Có 273/461 xe ô tô (đang quản lý, sử dụng đến thời điểm 31/12/2020) hết niên hạn sử dụng Trường hợp xe ô tô đủ điều kiện thanh lý theo quy định, các đơn vị thực hiện đổi chiêu với tiêu chuẩn định mức để đê xuất phương án xử lý và thay thế xe ô tô theo quy định. Việc trang bị xe ô tô (số lượng, chủng loại) theo tiêu chuẩn định mức và kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

tính theo tỷ lệ tối đa 1,34% trên dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm được Quốc Hội giao cho ngành thuế để đảm bảo nhu cầu dự toán chi và cân đối với số thu ngân sách nhà nước hàng năm trong giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn 2016-2020 tỷ lệ 1,8%); đồng thời, đã được Bộ Tài chính lấy ý kiến các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước và đã tiếp thu hoàn chỉnh để trình Chính phủ.

- Việc xây dựng cơ chế tài chính cho giai đoạn tiếp theo của Tổng cục Thuế sẽ được xây dựng và thay đổi căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính.

b4) Văn phòng

- Triển khai chương trình quản lý văn bản và điều hành cho 47 Cục Thuế còn lại.

- Nâng cấp Chương trình quản lý văn bản và điều hành tại Tổng cục Thuế và 03 Cục Thuế Hà Nội, Hải phòng, Bắc Ninh.

- Hiện đại hóa trong công tác quản lý tòa nhà như nâng cấp, trang bị bổ sung hệ thống giám sát camera, máy chấm công...

- Mua sắm máy móc thiết bị, vật tư, trang thiết bị làm việc cấp phát cho cán bộ công chức mới tuyển dụng năm 2021.

- Mua sắm, sửa chữa thay thế phương tiện đi lại (ô tô).

c) Năm 2023

c1) Đầu tư xây dựng

- Tiếp tục hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 và các dự án khởi công mới năm 2021.

- Khởi công xây dựng khoảng 32 dự án trong kế hoạch thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2022 (23 dự án xây dựng mới và 9 dự án cải tạo mở rộng).

- Thực hiện chuẩn bị đầu tư 34 dự án được Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở hệ thống thuế và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (5 dự án xây dựng mới và 29 dự án cải tạo mở rộng).

- Thực hiện hoàn thành thẩm tra phê duyệt quyết toán các dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng các năm 2021, 2022.

c2) Mua sắm tài sản

- Thực hiện sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất, xe ô tô và trang thiết bị, phương tiện làm việc đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu của từng đơn vị từ đó xây dựng kế hoạch mua sắm, mua sắm thay thế tài sản đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định.

- Phối hợp, nắm bắt tiến độ xây dựng mới trụ sở làm việc, kế hoạch sắp xếp cơ cấu tổ chức để thực hiện rà soát, sắp xếp trụ sở làm việc của các đơn vị thuộc hệ thống thuế đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Thực hiện mua sắm mới/mua sắm thay thế xe ô tô theo thẩm quyền phân cấp đảm bảo việc quản lý, sử dụng xe ô tô an toàn, hiệu quả, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và định hướng, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.⁶

- Thực hiện rà soát, trang bị mới hoặc thay thế phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn, định mức, nhu cầu và thực tế tại từng đơn vị, trong đó, tập trung trang bị phương tiện làm việc theo hướng hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ tối đa công tác nghiệp vụ theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Thuế.

c3) Cơ chế tài chính

- Thực hiện cơ chế tài chính đã được Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính phê duyệt.

c4) Văn phòng

- Triển khai hệ thống quản lý văn bản qua thiết bị cầm tay đến toàn thể công chức giữ chức vụ lãnh đạo. Trang bị máy tính bảng hoặc thiết bị cầm tay cho công chức giữ chức vụ lãnh đạo.

d) Năm 2024

d1) Đầu tư xây dựng

- Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các dự án khởi công mới năm 2021, 2022.

- Khởi công xây dựng khoảng 34 dự án trong kế hoạch thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2023 (5 dự án xây dựng mới và 29 dự án cải tạo mở rộng).

- Thực hiện chuẩn bị đầu tư 25 dự án được Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở hệ thống thuế và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (25 dự án cải tạo mở rộng).

- Thực hiện hoàn thành thẩm tra phê duyệt quyết toán các dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng các năm 2022, 2023.

d2) Mua sắm tài sản

- Lộ trình thực hiện như các công việc đã triển khai năm 2023.

d3) Cơ chế tài chính

- Thực hiện cơ chế tài chính đã được Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính phê duyệt.

⁶ Năm 2023-2025: Không phát sinh xe ô tô (đang quản lý, sử dụng đến thời điểm 31/12/2020) hết niên hạn sử dụng. Việc trang bị xe ô tô (số lượng, chủng loại) theo tiêu chuẩn định mức và kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d4) Văn phòng

- Tiếp tục mua sắm mới, thay thế vật tư, thiết bị... phục vụ hệ thống tòa nhà, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc và các hạng mục khác duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Tổng cục Thuế.

e) Năm 2025

e1) Đầu tư xây dựng

- Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các dự án khởi công mới năm 2022, 2023, 2024.

- Khởi công xây dựng khoảng 25 dự án trong kế hoạch thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2024 (25 dự án cải tạo mở rộng).

- Thực hiện chuẩn bị đầu tư 5 dự án được Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở hệ thống thuế và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (01 dự án xây dựng mới và 4 dự án cải tạo mở rộng).

- Thực hiện hoàn thành thẩm tra phê duyệt quyết toán các dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng các năm 2023, 2024.

e2) Mua sắm tài sản

- Lộ trình thực hiện như các công việc đã triển khai năm 2023.

e3) Cơ chế tài chính

- Thực hiện cơ chế tài chính đã được Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính phê duyệt.

e4) Văn phòng

- Tiếp tục mua sắm mới, thay thế vật tư, thiết bị.. phục vụ hệ thống tòa nhà, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc và các hạng mục khác duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Tổng cục Thuế.

2. Đến năm 2030

a) Đầu tư xây dựng

Triển khai thực hiện hoàn thành các dự án dở dang trong giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030.

Tiếp tục rà soát, trình Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch đầu tư, chủ trương đầu tư giai đoạn 2026-2030 và tổ chức triển khai thực hiện nhằm đáp ứng được chương trình hiện đại hóa công sở và chưa đáp ứng được điều kiện khách đến giao dịch về thuế.

b) Mua sắm tài sản

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất (khi xây dựng trụ sở làm việc mới, thay đổi cơ cấu tổ chức...), xe ô tô và trang thiết bị phương tiện làm việc đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu của từng đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện mua sắm mới/mua sắm thay thế xe ô tô, phương tiện, trang thiết bị làm việc theo hướng hiện đại, đồng bộ, hiệu quả phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và các mục tiêu cải cách quản lý thuế đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.⁷

- Từ kết quả tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án ở giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ mới phát sinh giai đoạn 2026-2030, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ khác về hiện đại hóa cơ sở vật chất, đảm bảo phù hợp với kế hoạch và chiến lược phát triển chung.

c) Cơ chế tài chính

Căn cứ vào phương án được phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 và tình hình thực hiện cụ thể, Tổng cục Thuế sẽ đề xuất phương án cơ chế tài chính phù hợp cho giai đoạn 2026-2030 trên nguyên tắc bảo đảm đầy đủ nhu cầu kinh phí hoạt động cho ngành và được xác định trên tỷ lệ phần trăm số thu ngân sách nhà nước hàng năm được Quốc hội và Chính phủ phê duyệt.

d) Văn phòng

- Triển khai hệ thống lưu trữ điện tử tại cơ quan Tổng cục Thuế và Cục Thuế các tỉnh.

- 100% các loại văn bản, tờ trình, hồ sơ tài liệu được luân chuyển, xử lý, lưu trữ điện tử hoàn toàn, không sử dụng bản giấy.

- 100% hệ thống văn bản điều hành của cơ quan Thuế trao có thể tiếp nhận văn bản đến của doanh nghiệp và ngược lại hệ thống quản lý văn bản của cơ quan thuế có thể gửi văn bản bằng phương thức điện tử đến doanh nghiệp.

- Mua sắm mới, thay thế vật tư, thiết bị, máy móc... phục vụ hệ thống tòa nhà, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc và các hạng mục khác duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Tổng cục Thuế.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tính tới thời điểm hiện tại, theo phương án Tổng cục Thuế đã xây dựng và báo cáo Bộ Tài chính, nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng, mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị) được phân bổ hàng năm theo tỷ lệ phần trăm trên dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm do Quốc hội, Chính phủ giao Tổng cục Thuế tổ chức thực hiện và được tổng hợp trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội quyết định. Mức tỷ lệ phần trăm Tổng cục Thuế đang đề xuất là 1,34% trên dự toán thu hàng năm cho giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, Tổng cục Thuế đề xuất kinh phí hoạt động được phân bổ và giao theo cơ cấu:

⁷ Năm 2026-2030: Có 186/461 xe ô tô (đang quản lý, sử dụng đến thời điểm 31/12/2020) hết niên hạn sử dụng. Trường hợp xe ô tô dù điều kiện thanh lý theo quy định, các đơn vị thực hiện đổi chiếu với tiêu chuẩn định mức để đề xuất phương án xử lý và thay thế xe ô tô theo quy định. Việc trang bị xe ô tô (số lượng, chủng loại) theo tiêu chuẩn định mức và kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị và đầu tư xây dựng (bao gồm cả nguồn vốn đầu tư xây dựng tập trung do Bộ KH&ĐT cân đối) tối thiểu 35% trên tổng dự toán chi được giao.

Tổng cục Thuế tự cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước được giao để bảo đảm các nội dung chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị và đầu tư xây dựng, trong trường hợp vốn đầu tư xây dựng ngân sách tập trung giao không giao đủ nhu cầu chi thì Tổng cục Thuế sẽ đề nghị Chính phủ điều chỉnh dự toán cho phù hợp bảo đảm quy định.

- Chi hoạt động thường xuyên và chi nghiệp vụ chuyên môn đặc thù tối đa 65% trên tổng dự toán chi được giao.

2. Kinh phí hoạt động của ngành Thuế năm 2021 đã được Quốc hội giao là 12.380.000 triệu đồng, năm 2022 là 11.700.000 triệu đồng. Dự toán nguồn kinh phí hoạt động của ngành Thuế cho giai đoạn 2023-2025 ước tính khoảng 16.580.257 triệu đồng/1 năm (tương đương 49.740.771 triệu đồng cho cả giai đoạn).⁸

Giai đoạn 2026-2030, căn cứ vào tình hình thực hiện cơ chế của giai đoạn 2021-2025 và sự thay đổi của cơ chế chính sách, nguồn kinh phí hoạt động của ngành Thuế sẽ được xây dựng và thay đổi phù hợp./. Ush

⁸ Theo số liệu đã báo cáo Bộ Tài chính tại Công văn số 2400/TCT-TVQT ngày 02/7/2021 của Tổng cục Thuế về việc rà soát, điều chỉnh số liệu theo cơ cấu chi mới của cơ chế quản lý tài chính đối với Tổng cục thuế từ năm 2022.